



chuyện làng ngày ấy

võ văn trực



tạp chí văn học 2006

võ văn trực

chuyện làng ngày ấy

tạp chí văn học

2006

Contents

1

bác chất kể đã về

2

một buổi sáng cò bay

3

mẹ tôi

IV

tết độc lập

V

đám cưới o theo anh mẫn

VI

chúng mình sắp được ở chung rồi!

VII

vĩnh biệt những cây cổ thụ

VIII

tập trung tổ tiên

IX

tập trung thần, thánh, phật

X

tập trung mồ mả

XI

núi hai vai xệ một bên vai

XI

thuế khả năng

XIII

đấu tranh chính trị

XIV

bác chất kể cũng bị đấu

XV

ngày mẹ qua đời

XVI

xây lại nhà thờ đại tôn

XVII

thăm nghĩa địa

bác chắt kể đã về

- Bác Chắt Kể đã về!
- Bác Chắt Kể đã về!

Lũ trẻ chúng tôi đang chăn trâu dưới đồng Lao thì cái tin ấy truyền đến. Lời truyền chỉ thì thầm từ tai đứa này qua tai đứa khác, không thành tiếng, nhưng truyền đi rất nhanh. Chỉ chốc lát là tất cả chúng tôi sững sờ, bỏ mọi cuộc chơi. Đứa đang chơi khăng, bỏ hồn củ lẩn long lóc. Đứa đang chơi “dọn cỗ thi”, bỏ vầy và cỏ gà, cỏ sữa trong lòng nón. Đứa đang tắm cho nghé cũng bỏ mặc đấy. Tất cả đứng túm tụm lại, bàn tán với những vẻ mặt đầy quan trọng:

- Bác Chắt Kể về thật rồi à?
- Về thật! Nhật thua Tây thua thì bác Chết Kể mới được về chú?
- Sao hôm qua bang Trăn vào nhà tao bắt nộp lúa tạ?
- Trốn về thì sao?
- Nếu bác Chắt Kể về thật thì ta sắp sung sướng rồi!

Một đứa nhỡ mồm suýt reo to bị thằng Bá giơ tay bịt chặt mồm lại:

- Chết! Chết! Mày lau chau nói ra, mất cái đội nón như chơi!

Bỗng ông tuần Chư từ xa đi tới, chúng tôi xì xào: “Ông tuần Chư là người của nó”, rồi lảng mỗi đứa một nơi. Thằng Bá làm ra vẻ đàn anh, nhảy nhót lên lưng trâu, hát nghêu ngao một bài đồng dao:

Nghé bông hay là nghe hoa Như cà mới nở

Ở ghé ghé ...

Cả lũ chúng tôi cùng giọng trâu hát theo. Đàn trâu nối nhau từ cánh đồng Lao thanh thả đi về cổng làng. Bụng đói meo mà sao tôi cảm thấy vui sướng đến thế, ngồi trên lưng trâu cứ ngỡ như mình bay theo ngọn gió nồm cùng với những đám mây nhuộm vàng ráng chiều...

Bác Chắt Kế về rồi! Thế là mình sắp được đi học, sắp được tập hát tập múa, sắp được ăn chung ở chung với bạn bè cùng lứa tuổi trong làng. Còn gì sung sướng hơn. Sao làng mình có bác Chắt Kế mà làng khác lại không có. Thế làng mình đánh được Tây được Nhật thì làng khác cũng đánh được chứ? Bác Chắt Kế là người của thiên hạ chứ đâu có phải của riêng làng mình? Trong ý nghĩ trẻ thơ, tôi tưởng tượng bác Chắt kế như vị thần của một ngôi miếu thâm u cổ thụ nào đó được thế giới thần linh phái ra để cứu dân khổ đau. Tôi chưa hề một lần nào được thấy bác, được gặp bác. Tôi chỉ nghe lẩm bẩm về bác trong khi người lớn trò chuyện với nhau. Nhất là một buổi sáng, chao ơ cái buổi sáng ấy tôi nhớ mãi. Cụ Tú Vệ làng Kẽ Sụm xuống chơi với ông tôi. Hai cụ uống rượu và nói chuyện đến tận mặt trời đứng bóng. Gọi là uống rượu chứ thật ra đậm bạc lắm, rượu chỉ vừa một nậm với một con cá rô đặt trong đĩa sứ vẽ hình cây trúc. Hai cụ nâng chén bạch định lên môi nhấp rồi lại đặt xuống. Hai cụ cầm đũa gậy gậy con cá gắp từng tí một. Tôi có cảm giác hai cụ uống vờ và ăn vạ. Đến khi cụ Tú Vệ cấp ô ra về, con cá mới hết một nửa và rượu cũng chỉ hết lưng nậm. Hai cụ đó thanh bạch quá chừng, hình như chỉ cốt dùng rượu làm cái cớ để giải bày thế sự, chứ không cần sự hưởng thụ xô bồ vật chất... Sở dĩ hôm đó tôi được chứng kiến một cách kỹ càng “tiệc rượu” của cụ Tú Vệ với ông tôi là vì tôi vờ đứng bên cạnh hầu điều dóm để nghe chuyện bác Chắt Kế. Tôi chấp nhật từng mẩu vụn vặt, rồi đi kể cho bạn bè mục đồng nghe. Tôi thêm thắt,

xâu chuỗi lại, tưởng tượng thêm và trong tâm trí tôi hình thành một bác Chắt kể của chuyện cổ tích, của thần thoại.

Ở cánh đồng phía tây làng tôi có một cái giếng hình bàn chân khổng lồ, gọi là giếng Thần. Từ xưa từ xưa người ta truyền lại rằng có một vị thần gánh núi đi qua và bàn chân dẫm lồm xuống thành cái giếng. Bao nhiêu chuyện kể huyền ảo và kỳ vĩ về cái giếng này... Trong kho tàng chuyện kể ấy, có chuyện “thanh gươm cổ Kế”. Cổ Kế là cụ thân sinh bác Chắt Kể, một lần đi vận động phong trào Văn Thân từ Yên Thành về, qua giếng Thần, Thần hiện lên và trao cho thanh gươm, đêm ấy bà thân sinh có mang rồi đẻ ra bác Chắt Kể. Các cụ đồ trong làng bảo rằng bác Chắt Kể là người của thần linh sai phái xuống để cứu nhân độ thế. Từ mười lăm mười sáu tuổi, bác đã tham gia các hoạt động của “hội kín”. Năm 1927, bác đứng ra thành lập chi bộ Thanh Niên Cách Mạng Đông Chí Hội của làng tôi. Bác đi khắp bốn phương trời, vào Tây Cống, sang Xiêm La, tới Hương Cảng, sang Luangprabang, đến Nông Pênh... Rồi bác bị đi đày ở Lao Bảo, Ban Mê Thuột...

Lao Bảo là nơi đâu? Ban Mê Thuột là nơi đâu? Nghe nói đó là những chốn ma thiêng nước độc, chứa đầy những quỷ sứ có sừng, rắn đỏ mào, rết mắt xanh. Bác Chắt Kể bị ném vào địa ngục ấy và chịu đựng muôn nghìn cực hình. Bác bị xẻo thịt, bị dẫm chân lên lưỡi cày nung đỏ, bị tuột cật nửa, bị ném vào ổ rắn độc... Bác vẫn không chết bởi vì bác có phép thiêng của Thần ban cho.

Ồi những cái địa danh Lao Bảo, Ban Mê Thuột rùng rợn đến thế mà kích thích trí tưởng tượng, lòng khao khát của tuổi thơ biết bao. Khi nào mình được đặt chân tới đó để nhìn tận mắt cảnh địa ngục trần gian - nơi bác Chắt Kể, người của làng mình, đã từng chống chọi với diêm vương, quỷ sứ?

Có phải bác là con đại bàng trong truyện cổ đã tung cánh làm đổ vỡ bao nhiêu thành lũy lao tù để trở về với làng xóm, với bà con thân thuộc...

Hôm nay bác đã về làng thật rồi ư? Chắc hẳn lần này mình sẽ tìm kỳ được để nhìn thấy bác. Một buổi sáng, tôi vừa gióng trâu ra khỏi cổng thì gặp một người đàn ông lạ mặt bước vào. Người ấy trạc năm mươi tuổi, mặc bộ quần áo xanh bạc màu. Cha tôi vồn vã chạy ra tiếp. Tôi linh cảm: đây là bác Chắt Kề! Đúng là bác Chắt Kề thật. Bác ấy vào nhà mình chơi, tôi cảm thấy như ai trao cho mình niềm vinh dự bất ngờ. Mấy người hàng xóm cũng chạy sang hỏi thăm ríu rít. Tôi cột trâu vào gốc cau, chạy vào buồng, chăm chú nhìn qua lỗ phên để thấy rõ bác Chắt Kề là người như thế nào: vầng trán rộng, mắt sáng, tóc chải ngược điểm hoa râm. Quả thật là gương mặt của một người thông minh khác thường. Trong câu chuyện trao đi đổi lại giữa bác với bà con làng xóm, tôi không hề nghe ai nói đến việc đánh Nhật đuổi Tây. Tôi chỉ thấy gương mặt bác rạng rỡ, tươi cười, hỏi thăm chuyện mùa màng, đồng áng. Từ người trung niên đến cụ già đều trả lời bác với thái độ lễ phép, kính trọng.

Mọi người đang vui vẻ trò chuyện, bỗng ông mỗ từ ngõ xồng xộc đi vào báo có bang Trân cùng mấy tên lính đã đến cổng làng. Thoắt một cái, bác Chắt Kề lần ra cửa sau, sang nhà bên cạnh, rồi đi biệt. Tôi nhảy lên lưng trâu, hát nghêu ngao lững thững ra đồng.

Ngày hôm sau, hôm sau, rồi hôm sau nữa... không hề thấy bác Chắt Kề trong làng. Con đại bàng ấy lại bay tới phương nào?...

II

một buổi sáng cò bay

Tôi đang ngủ li bì sau một đêm nơm cá dưới đồng sâu, bỗng nghe tiếng mẹ gọi:

- Dậy con! Dậy con! Dậy mà đi nghe bác Chắt Kể hiểu thị.

- Bác Chết Kể à?

Tôi choàng thức dậy. Tôi chẳng biết “hiếu thị” là thế nào, nhưng nghe đến tên bác Chắt Kể là tội linh cảm có điều gì không bình thường đã đến. Chạy ra cổng, tôi thấy người đi rầm rập ngoài đường, mỗi người cầm một lá cờ đỏ sao vàng. Không kịp rửa mặt, tôi chạy đến nhà thằng Bá để rủ Bá cùng đi. Niềm vui lớn này mà thiếu bạn thân thì vui sẽ giảm đi rất nhiều. Nhưng

Bá không còn ở nhà nữa. Tôi chạy thẳng ra nhà thờ đại tôn. Ôi chao, người đông đến thế. Trên ngọn cây phượng, một lá cờ to bay phấp phới - không phải lá cờ đại thường treo trong những

ngày tế lễ, mà là cờ đỏ, cờ của cách mạng. Cách mạng đã về thật rồi! Bác Chắt Kể đã về thật rồi!

Tôi bồn chồn cả người. Ngược nhìn màu cờ đỏ tung bay trên cây phượng ngay trước sân nhà thờ đẹp, đẹp quá. Biết bao nhiêu mùa nắng, lũ trẻ chúng tôi thường trèo lên cây phượng này để hái hoa rồi đến mùa quả lại hái quả để làm những thanh gươm đấu nhau như các vị tướng trong tường cổ. Bây giờ trên tán cây đơm đầy kỷ niệm đó đã bay hồng ước mơ của chúng tôi. Sắp qua những buổi chiều chăn trâu bụng đói meo. Sắp qua những ban trưa cắt cỏ đói lả người. Tôi chưa biết cách mạng là gì, chỉ nghe

người lớn bàn tán: bác Chắt Kế là cách mạng, bác Chắt Kế về là cách mạng về, là ăn no mặc ấm, được đến trường học hành...

Tôi trèo lên cây ruối nhìn xuống. Giữa vòng vây kín bác Chắt Kế đang đứng “hiểu thị”. Nhưng xa quá không nhìn rõ, tôi lách đám đông chui vào. Bình thường như các đám hội khác, chen lấn thế này là bị người này mắng người kia quát, nhưng hôm nay ai cũng tránh ra cho tôi đi.

Vừa chui lọt vào giữa vòng người, chợt thấy thằng Bá đang ngồi chồm hổm, tôi vỗ vào lưng nó reo to một tiếng: “Bá!”. Bá quay lại, trợn mắt ra hiệu cho tôi phải trật tự. Tôi ngoan ngoãn làm theo sự điều khiển của Bá. Tôi chễm chệ ngồi xếp bằng lưng thẳng, đầu ngẩng cao, làm ra vẻ mình cũng là một người quan trọng của cuộc lễ này. Thỉnh thoảng tôi đưa mắt nhìn xung quanh để tìm người quen: Cha tôi đứng kia... mẹ tôi đứng kia. chị tôi đứng kia... Cả nhà tôi đều có mặt đầy đủ. Và cả các bạn chăn trâu chăn bò: thằng Bàng, thằng Nha, thằng Lương... Ông mõ cu Lợi cùng đứng lẫn với ông lý trưởng, ông hương kiểm. Có ông hàn Hạp nữa. Ông hàn Hạp làm quan, về hưu, khi nào có việc làng ông cũng ngồi chiếu trên, được mọi người trọng vọng. Có lần ông đánh mấy cụ già chảy máu giữa đình làng. Hôm nay ông đứng xen vào giữa mấy bác suốt đời đi cày thuê.

Lạ lắm! Cách mạng lạ lắm! Đổi đời đến nơi rồi. Sung sướng đến nơi rồi. Tôi như ngồi trên tổ kiến lửa, chân tay cứ ngọ nguậy, thỉnh thoảng lại bấm vào người thằng Bá một cái.

Bác Chắt kế đứng chính giữa, mặc bộ đồ soóc vải nâu mới nguyên. Bác nói những gì dài lắm. Nào là đồng minh thắng rồi, trực phát xít bại trận rồi. Nào là nước Nga Xô viết vạn tuế. Nào là chủ nghĩa Mă Khắc Tư vô địch... Hai tay bác giơ lên rồi hạ xuống, trông rất oai vệ. Tôi như bị thôi miên theo từng cử chỉ của bác.

Lạ nhất là chốc chốc người ta lại vỗ tay. Từ trước đến nay, giữa hội hè đình đám người ta có vỗ tay đâu, mà chi reo lên. Có một người vỗ tay trước, rồi mọi người vỗ theo. Tôi ngơ ngác, không hiểu mình có vỗ tay hay không? Liếc nhìn sang thẳng Bá xem hấn thế nào? Hấn ngập ngừng giờ hai bàn tay rồi vỗ. Tôi cũng làm theo hấn. Lúc nào tôi chậm chạp, hấn hích tôi một cái, ý bảo “hãy vỗ tay thật to”. Bao giờ hấn cũng tỏ ra hiểu biết hơn tôi.

Sau khi nói một hơi tràng giang đại hải, bác Chắt Kể đến trước mặt ông hàn Hạp. Hàng trăm cặp mắt dõi theo. Bác nói với ông hàn Hạp một cách đĩnh đạc: “Việt Minh khoan hồng những người trước đây làm tay sai cho Pháp cho Nhật. Mọi người phải ủng hộ Việt Minh. Ai chống lại Việt Minh thì bị xử tử...”. Ông hàn Hạp chấp hai tay, miệng lẩm bẩm “Dạ... dạ...”.

Quá nửa buổi, dân làng giải tán. Bác Chắt Kể dẫn một đoàn thanh niên lực lưỡng cầm cờ cầm mác đi giành chính quyền ở các làng khác trong huyện Diên Châu. Từ nhà thờ đại tôn, đoàn người đi rất uy nghi, chân bước dài, miệng đếm “ắc ê... ắc...”.

Tôi đứng ở cổng làng nhìn theo, người rạo rức, ngực đập thình thình. Bác Chắt kể đi đầu, vai mang khẩu súng trường, hai thanh niên cầm dao sáng quắc đi hai bên để bảo vệ.

Đoàn người đi theo con đường dẫn qua cánh đồng trũng, soi bóng xuống nước, trông càng đẹp mắt. Con đường này có hai đoạn bị đứt, nước chảy xiết, thường ngày chúng tôi phải cưỡi trâu qua, thế mà đêm hôm trước cách mạng đã bắc cầu tre vững vàng. Đoàn người đến làng nào thì làng ấy nổi trống, dân kéo ra đông như ngày hội. Bác Chắt Kể lại hiểu thị lại diễn thuyết. Tiếng trống vang dội chuyển từ làng này sang làng khác. Khắp cả huyện, tiếng trống rộn lên như vỡ trời vỡ đất. Tôi ngược nhìn lên núi Hai Vai. Kìa đỉnh núi cũng tung bay cờ đỏ. Cách mạng tài thật! Ai đã trèo lên tận chót vót núi để cắm cờ? Ôi, ngọn núi ông Đùng, ngọn núi thần thoại,

ngọn núi mang đầy khát vọng tuổi thơ, đã rực hồng cánh đại bàng, chờ tâm hồn tôi bay lên thiên đường của thế giới đại đồng.

Suốt ngày hôm đó, tôi cứ bàng hoàng, tôi cứ ngỡ ngác như không phải là chính tôi nữa. Tôi đã là một con người khác, đã là thành viên của cái làng Hậu Luật cách mạng sản sinh ra bác Chắt Kế. Tôi cứ chạy lông nhông nhập vào đám trẻ này rồi nhập vào đám trẻ khác để khao chuyện, để bộc lộ niềm vui sướng vô hạn của mình. Thả trâu ngoài đồng, mải vui với bạn bè, trâu ăn lúa, không bị ông tuần Chư mắng mỏ và bắt trâu nữa. Ông tuần Chư gọi tôi lại bảo nhỏ: “Cháu để trâu ăn lúa như thế này thì lấy thóc gạo đâu mà nuôi cách mạng. Cách mạng phải đi đánh Tây đánh Nhật, phải đi cướp chính quyền suốt ngày, cần nhiều gạo để ăn...”. Lần đầu tiên nghe tiếng ông tuần Chư nói nhỏ nhé, tôi ứa nước mắt. Hôm qua hôm kia ông là “người của nó”, hôm nay ông là “người của ta” rồi, ông không ác với trẻ con nữa. Cây ổi sau vườn nhà cố cựu Tuấn, chúng tôi thường hái trộm, bị cố đuổi nhiều phen bỏ chạy ngã dập mặt, trưa nay chúng tôi đi qua cố gọi vào nói ngọt ngào: “Các cháu ra vườn mà hái ổi. Thích ăn bao nhiêu cứ hái. Tất cả của cải sắp thành của chung rồi. Cây ổi là của chung của các cháu”.

Tối đến. Trăng mùa thu sáng đầy trời. Tuy đang trong trận đói, nhưng không khí trong làng xóm thanh bình như thời Nghiêu Thuấn. Nhà nào nhà nấy cửa bỏ ngõ, ríu rít mời nhau uống nước chè xanh. Không biết từ thời nào, vùng quê tôi có phong tục bà con láng giềng gọi nhau uống nước chè xanh, trò chuyện thân mật, tình cảm đậm đà. Có lẽ bát nước chè xanh đêm nay ngon hơn rất nhiều. Hầu như cả làng không ngủ. Từng đám người tụ họp lại khao chuyện thâu canh suốt sáng. Chủ nhà nấu ấm nước thật đặc, mời hết lần này đến lượt khác. Sân nhà tôi cũng thành một điểm tập trung tới gần hai chục người. Mấy bác hàng xóm đi làm thuê ở miền ngược vừa mới về lúc chiều, cũng kéo nhau sang hóng chuyện. Quen như mọi khi, các bác nghĩ mình “phận nghèo hèn” cứ ngồi rụt rè trong góc tối, mẹ tôi nói:

“Mời các bác các chú ra giữa sáng ngồi hàng hàng, bây giờ cách mạng rồi, mọi người bình đẳng như nhau, không phân biệt giàu nghèo sang hèn nữa”.

Tiếng trống từ nhà thờ đại tôn vang lên liên hồi. Tiếng trống từ các làng dội đến. Cả một trời trắng rung lên nhịp trống mừng cách mạng thành công. Từng bát nước chè xanh trên tay người nông dân chân lấm tay bùn cũng rung lên nhịp trống hân hoan

III

mẹ tôi

Hôm nay có cuộc biểu tình rất to ở huyện. Dân chúng tất cả các làng nườm nượp kéo nhau xuống ngã ba Diễn Châu để nghe Việt Minh tuyên bố giành chính quyền.

Từ tình mơ, dân làng tôi đã tập trung rất đông ở bãi cỏ đầu thôn. Mẹ tôi cùng mấy bà hàng xóm thức dậy từ gà gáy canh hai để nấu cơm. Khi tôi tỉnh dậy đã thấy hàng chục nắm cơm gói sẵn vào lá chuối. Mẹ dặn tôi: “Trưa nay bố mẹ không về kịp thì con ăn cơm mẹ để sẵn trong nồi”. Thế rồi mẹ nhanh nhẹn xếp những nắm cơm đó vào hai thúng gánh ra đầu làng để phân phát cho những người đi biểu tình.

Tôi chạy theo mẹ, đôi chân nhẹ nhàng như bay trong mây. Người đầu mà đông đến thế. Cả bãi cỏ chật ních những đàn ông, đàn bà, cụ già, con trẻ. Ngày hội rước kiệu cũng không đông vui như thế này. Ông Lờ mù mắt từ nhỏ cũng lập cập chống gậy, vừa đi vừa nói: “Tôi không được nhìn thấy, tôi nghe bằng hai tai đủ sướng cái đời tôi. Đuổi được Tây được Nhật, cách mạng thành công, tôi chết cũng thỏa trong lòng”.

Vừa hừng sáng. Các làng miệt trên đã lũ lũ kéo đi như kiến cỏ dọc đường số Bảy. Mấy chục người ăn mày ở chợ Mới cũng tập hợp thành đoàn. Suốt hàng năm, sáu tháng trời, những người này từ các tỉnh ngoài Bắc vào đây tha phương cầu thực, ngày đi ăn xin, đêm về ngủ lều chợ. Thỉnh thoảng lại có một người chết, tuần định bó rơm khiêng lên chôn ở nghĩa địa. Nghe tin Việt Minh đã đánh đuổi được Tây được Nhật, họ sướng lắm, họ dắt díu bế con bế cháu đi tham gia cướp huyện.

- Tất cả mọi người nghiêm chỉnh tuân theo mệnh lệnh của tôi! Phía đầu bãi cỏ tiếng anh Uẩn vang lên. Anh dũng dạc nói tiếp - Đội ngũ đã phân công, ai nấy chấp hành theo kỷ luật sắt!

Khấp bãi cỏ, tiếng người chạy sần sật tập hợp theo từng đội hình: Các cụ ông, các cụ bà, nam thanh niên, nữ thanh niên. Chị tôi đi đầu bịt khăn mỏ quạ, lưng thắt khăn hoa lý, cầm con dao dơ lên, hô: “Chị em chú ý, tập hợp!” Mấy chục cô gái sắp hàng dài sau lưng chị. Tôi bỗng thấy nóng ran cả người. Bây giờ tôi mới biết: Chị được làm trung đội trưởng nữ tự vệ. Hằng ngày chị hiền lành thế, chị đi cấy đồng sâu, đi hát ví phường vải, mà bây giờ chị trở thành “người chỉ huy” trông rất oai vệ.

Cha tôi đầu thắt khăn trắng đại tang, đứng vào hàng ngũ phụ lão. Theo phong tục từ lâu đời, ai đang có tang thì không được dự các cuộc hội hè đình đám. Nhưng hôm nay là ngày Việt Minh cướp chính quyền, ngày hội nghìn năm có một, phải gạt bỏ mọi phong tục cổ hủ, cha vẫn đi biểu tình.

Mẹ tôi cũng vậy, đầu thắt khăn tang, mặc váy mới và áo nâu mới, Ngang lưng giắt lưỡi liềm. Chân đất. Đứng trong hàng ngũ im như tượng.

Sau tiếng hô “đi đều... bước!” của anh Uẩn tổng chỉ huy, đám người chuyển động, rồi kéo dài ra theo đường thôn lên đường quốc lộ. Đoàn này nối với đoàn kia, dài dằng dặc, cuồn cuộn sóng. Màu cờ đỏ rừng rực tạo thành đường viền chân trời lúc nắng mọc. Vũ khí cuốn theo dòng người là

lấp loáng dao phay, mác lào, ngọn ngang đòn xóc, đòn càn. Bụi bay lên mờ mờ như đám khói cháy lan dần về phía thành phủ.

Tôi đứng cạnh thằng Bá cùng với mấy đứa bạn, hút mắt nhìn theo dòng người. Ghé tai Bá, tôi hỏi nhỏ: “Sao không thấy bác Chắt Kề?”. Bà giải thích ra vẻ thành thạo: “Mày dần lắm! Bác Chắt Kề làm to, ngồi sẵn trên huyện rồi, chỉ huy toàn huyện chứ có phải chỉ huy riêng làng ta đâu!” Ra thế kia à! Tưởng là bác lãnh đạo làng ta đã là ghê gớm rồi, không ngờ bác lại còn lãnh đạo cao hơn.

Chúng tôi rủ nhau trở về. Làng vắng tanh vắng ngắt. Nhiều nhà không đóng cửa. Hai bà ăn xin thấy chúng tôi đang ngồi nói chuyện giữa sân, vào xin nước. Tôi múc nước mời uống, bê ổ khoai mời ăn, rồi ân cần nói: “Quê bà ở ngoài Bắc xa lắm, có lẽ quê cũng cướp chính quyền rồi. Các bà về đến nhà thì sợ lắm, không phải đi ăn mày nữa...” Tay bà run run cầm củ khoai: “Có thật đuối được Tây được Nhật rồi không cháu? Mai bà về, bà nhớ ơn cháu...” Ăn khoai xong, hai bà lại mang bị cầm gậy ra đi. Đến nhà nào thấy cửa bỏ ngõ mà vắng người, hai bà liền quay ra, chứ không lăm la lăm lét vào ăn cắp của cải như những người ăn xin trước đây.

Mẹ tôi vất vả hơn trước, tất tưởi hơn trước. Hết việc đồng áng lại lo việc nhà. Hết việc nhà lại lo việc hội họp. Chẳng mấy lúc mẹ được ngơi chân tay. Cán bộ thôn, xã và cả cán bộ cấp trên nữa thường xuyên vào nhà tôi, lúc một vài người, lúc dăm bảy người. Có lần vào nghỉ một chốc rồi đi. Có lần vào làm việc rồi ngủ lại đêm. Hầu như ngày nào cũng có khách ăn cơm trong nhà tôi. Đang làm ngoài đồng, hễ tôi ra báo tin nhà mình có khách là mẹ về ngay. Thỉnh thoảng mẹ tham dự vào cuộc họp với các ông cán bộ. Nhưng công việc chính của mẹ là nấu cơm cho cán bộ ăn, lấy gạo nhà, thức ăn nhà, chẳng ai bận tâm đóng góp tiền nông. Thế mà chẳng bao

giờ mẹ kêu thiếu gạo thiếu tiền. Thật ra cán bộ ăn uống cũng xuềnh xoàng, lỡ may hết gạo thì ăn khai với cà cũng xong.

Bác Chắt Kế dạo này làm việc đầu trên tỉnh, ít về làng. Lần nào về là thế nào cũng vào nhà tôi và thường ở lại ăn cơm với một vài ông cán bộ. Tôi lại ra khoe với bọn trẻ trong xóm: “Bác Chắt Kế ăn cơm ở nhà tao”. Chúng nó khoe lại: “Bác Chốt Kế cũng vào nhà tao chơi”. Hầu như đứa nào cũng được bác vào chơi. Nhưng tôi vẫn thấy có chút tự hào riêng là bác chỉ ăn cơm nhà mình chứ rất ít khi ăn cơm ở nhà ai.

Mẹ tôi tháo vát, phục dịch không bao giờ mệt mỏi. Chẳng mấy tối mà mẹ không đi họp. Có hôm họp đến quá nửa đêm mới về. Sáng hôm sau vẫn dậy từ gà gáy để lo cơm nước cho mọi người trong nhà ăn đi làm đồng.

Một hôm, mẹ bảo tôi lấy mấy tờ giấy dóng quyển vở để mẹ đi học bình dân học vụ. Tôi tò mò đến mấy lớp học ban đêm trong làng, không thấy mẹ. Nghe nói mẹ học tại một “lớp bình dân học vụ đặc biệt”. Đêm nào mẹ cũng thức khuya ngồi học một mình dưới bếp, viết chữ nguệch ngoạc lên khắp nền nhà, nồi, thành vại, thành chum. Năm mươi tuổi rồi, mẹ mới bắt đầu học abc, mà sao lại học say mê đến thế. Chừng sau một năm mẹ đã cầm tờ báo vừa đánh vần vừa đọc lẩm nhẩm.

Tôi nghe lẩm bẩm người lớn nói chuyện với nhau: “Bà Đoan - tức mẹ tôi - là người của đoàn thể, bà ấy vừa mới được kết nạp vào đoàn thể”. Tôi chưa hiểu đoàn thể là gì, nhưng cũng mang máng biết được rằng đó là một tổ chức do bác Chắt kế lập ra để làm gương mẫu cho mọi người trong làng.

Hôm ấy, dân mấy làng Hậu Luật, Vân Tập, Thanh Lý, Xuân Viên tập họp để nghe tuyên bố thành lập xã Đồng Tâm. Mẹ tôi trang phục hoàn toàn khác hẳn, không ăn bận bình thường như trước nữa: mặc quần đùi, cắt tóc ngắn, đi dép cao su trắng nhãn “Con Hổ”.

Cả xã chỉ có chừng dăm bà ăn mặc như thế. Trông rất lạ mắt. Đi đến đâu, người cũng xúm lại xem. Tôi nhìn theo mẹ, cảm thấy tự hào. Dần dần về sau, trong các ngày hội họp lớn, càng có nhiều bà cắt tóc ngắn, mặc quần đùi. Nhất là trong những ngày tập quân sự, tất cả nữ tự vệ đều cắt tóc ngắn và mặc đồ soóc. Dân kéo ra xem rất đông, bàn tán nhau: cô này mặc đẹp, cô kia mặc đẹp.

Đó là phong trào “cắt tóc thực hiện đời sống mới”. Mãi về sau, tôi mới biết mấy ông lãnh đạo đọc nhầm hai chữ “cấp tóc” thành “cắt tóc”. Vì thế, các làng khác trong huyện thì không, chỉ riêng làng tôi là có phong trào phụ nữ cắt tóc ngắn. Mà đã cắt tóc ngắn thì phải mặc áo cộc tay, quần đùi. Khi chưa kịp may quần soóc, mẹ tôi mặc quần đùi của cha dài đến đầu gối. Hằng năm, vào dịp ngày giỗ ngày tết, tôi thường theo mẹ về quê ngoại. Mẹ tôi là con cả của ông bà ngoại nên không bao giờ vắng mặt. Mỗi lần về ngoại mẹ ở từ sáng tận tối, xăm xắn tất cả mọi việc nấu nướng, cỗ bàn. Riêng năm nay, mẹ gọi tôi dậy từ khi chưa tỏ mặt người. Hai mẹ con trèo qua hòn núi, đến nhà ông bà ngoại thì trời vừa hừng sáng. Hầu như một mình mẹ làm tất cả mọi việc bếp núc. Gỏi nếp, mỗ gà, thối cơm gạo mới, thối xôi... Mãi đến gần nửa buổi, các dì tôi mới về.

Tôi đã về ngoại rất nhiều lần, nhưng chưa bao giờ hồ hởi như lần này. Cách mạng rồi có khác, các di tử ý thương tôi hơn, ông bà ngoại cũng thương tôi hơn. Ông sai người ra vườn hái sẵn một quả mít to và dặn: “Cháu Trực chiều về thì nhớ mang về”, Dì Diện cho tôi cái mũ ca-lô, Dì Mậu cho tôi đôi dép để tập thiếu sinh quân. Dì nào cũng tỏ ý kính trọng mẹ tôi. Có di đến ghé tai tôi hỏi nhỏ: “Mẹ cháu bây giờ là người của đoàn thể phải không?” Các di xúm xít xung quanh mẹ tôi, vừa sắp mâm cỗ vừa trò chuyện thân mật:

- À Đoàn cắt tóc lại thấy trẻ như hồi con gái.

- Nghe nói tối nào ả cũng đi họp mà anh Đoan không ngăn giữ à?

- Gia đình ta có ả là giác ngộ nhất, ông bà được nhờ. Di Mậu đến cạnh mẹ, ngập ngừng hỏi:

- Em hỏi ả một điều... Á đã được vào đoàn thể rồi phải không?

Mẹ nghiêm nét mặt:

- Ai nói với dì thế? Dì đừng có bép xép mà chết.

Cúng đơm xong, mẹ tôi không ở lại tận chiều, mà về ngay. Các dì bảo mẹ ở lại để nghe mẹ kể tình hình thế giới, tình hình trong nước. Ông tôi bảo: “Nó bận để nó về. Nó bây giờ phải lo cả việc nhà cả việc xã hội...” Mẹ tôi thắt chiếc khăn lên đầu để che lấp mái tóc ngắn, rồi dắt tôi về quê nội. Vừa tới nhà, đã thấy bác Chắt Kê đang ngồi đợi. Bác nói nặng lời: “Tôi phê bình đồng chí về chậm. Lần đầu đồng chí phạm kỷ luật sắt của đoàn thể”. Mẹ lúng túng, bước vào nhà. Máy đưa bạn hàng xóm, thằng Bá, thằng Dần, thằng Bàng, thằng Viễn... kéo nhau sang chơi, xóa cái không khí khó chịu giữa bác Chắt đối với mẹ. Chúng tôi bổ mít ăn, rồi chụm đầu nhau học bài tính lớp bình dân.

Bác Chắt kể nói gì với mẹ tôi nhiều lắm, có vẻ quan trọng lắm. Trước khi đứng dậy ra về, bác nhìn chúng tôi học, vui vẻ nói với mẹ tôi:

- Đời ta đang phải chịu khổ nhiều. Tụi này lớn lên được hưởng thế giới đại đồng, sướng lắm!

IV

tết độc lập

Ngày mồng 2 tháng Chín hằng năm, dân làng tôi gọi là ngày “tết Độc Lập”. Cả làng nghỉ việc đồng áng. Nhà nào cũng thắp hương bày biện mâm cỗ cúng đơm. Nhiều trò vui được tổ chức như ngày tết Nguyên Đán. Làng xóm hân hoan trong phong tục mới.

Quên làm sao được tết Độc Lập đầu tiên năm 1946. Suốt từ ngày 19 tháng Tám đến ngày mồng 2 tháng Chín, mọi người nô nức mặc quần áo mới đi dự hội. Dân quân, tự vệ thì tổ chức tập trận. Các cụ phụ lão thì rào “làng chiến đấu”. Các bà mẹ thì đi ủy lạo đơn vị bộ đội, gia đình cách mạng. Lũ trẻ chúng tôi thi nhau làm những chiếc đèn ông sao thật đẹp để chuẩn bị cho đêm rước đèn. Đúng tối mồng 2 tháng Chín, lễ rước đèn được tổ chức trong toàn xã. Loanh quanh khắp các ngõ xóm, đèn nối nhau thành một dòng ánh sáng cùng với tiếng trống tưng bừng. Người đứng xem hai bên đường rất đông.

Tối mồng 3, kết thúc những ngày vui, có biểu diễn kịch nói. Đây là món ăn tinh thần hoàn toàn mới do bác Chắt kể mang về. Người ta đồn bác Chắt kể có nhiều tài: thợ nề, thợ mộc, chạm khắc, vẽ... Hồi bị tù ở Ban Mê Thuột, bác dùng tre đan chữ nho trên cái trường rất công phu. Hồi bị tù ở Lao Bảo, bác soi gương, dùng mực nho tự vẽ ảnh mình. Bác còn làm những cái hộp gỗ nhỏ chạm trổ rồng phượng... Bây giờ bác lại tự viết kịch bản, rồi lại làm thầy tập cho đội kịch. Vở kịch đả phá mê tín dị đoan, đại khái như thế này:

Ngày 2 tháng Chín, từ hạ giới đoàn ông Táo kéo nhau về châu Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng ngạc nhiên hỏi: Sao chưa hết năm đã về? Ông Táo thưa: Cả làng Hậu Luật theo đời sống mới, cúng tết vào dịp này. Ngọc

Hoàng hỏi lại: Thế sao không mang quà về? Ông Táo lại thưa: Dân làng Hậu Luật giác ngộ lắm, họ chẳng cứng đờm gì cả, chỉ thấp hươu.

Vở kịch diễn vừa xong, từ trong xóm xa, có tiếng ồn ào. Mọi người đổ xô tới: mấy người dân quân bắt trói ông Tường về tội ông ta uống rượu say, nói năng lè nhè. Làng đã ra lệnh cấm uống rượu để thực hiện đời sống mới, ông Tường uống rượu tức là phạm luật làng, tức là không tuân theo cách mạng. Bà Tường vừa chạy theo vừa khóc. Vừa thấy bác Chắt Kế, bà chấp tay xin: “Bác tha tội cho nhà em. Người dưng nước lã bác cũng phải tha tội giữa ngày vui này, huống hồ bố nó là bậc em út họ hàng của bác”. Bác Chắt Kế giơ tay, nói đĩnh đạc: “Em út họ hàng càng phải phạt. Bây giờ cách mạng không có cái lỗi một người làm quan cả họ được nhờ. Tôi là bậc đàn anh chị trên của chú Tường, nhưng cách mạng phải nghiêm, không nể nang bất cứ ai.”

Thế là ông Tường bị dân quân trói hai tay, ngồi ở đình suốt một đêm. Bà con tin về các ngã đường, bàn tán:

- Cái ông Tường nghiện rượu, làm mất vui!
- Sao ông ta lạc hậu thế! Không chịu giác ngộ một chút nào!
- Ông Chắt kế đúng là cách mạng! Xử phạt công minh! - Ông Chắt kế có họ hàng gần với ông Tường mà cũng không tha tội cho ông Tường, thật xứng là một nhà cách mạng!
- Bà có thấy không, ông Tường khát nước, xin nước uống, ông Chắt kế cũng không cho. Cách mạng nghiêm thật!

Thêm được ngày hội “tết Độc Lập”, nhiều ngày hội cổ truyền khác bị phế bỏ; rằm tháng Giêng, Thanh Minh, tết Đoan Ngọ, rằm tháng Bảy... Người ta cho đó là phong kiến cổ hủ, là mê tín dị đoan. Một số gia đình quyến luyến phong tục lâu đời của ông cha, lúc đầu lặng lẽ làm cỗ sài,

rồi dần dần chỉ thắp hương, cuối cùng bỏ hẳn. Họ sợ làng xóm chê cười. Thế là cả làng cách mạng triệt để, thay cũ đổi mới hoàn toàn. Gặp nhau ngoài đường, giơ nắm tay phải lên ngang tại “chào đồng chí”. Nhất là trong các cuộc hội nghị, mẹ gọi con bằng “đồng chí”, con gọi bố bằng “đồng chí”, anh gọi em bằng “đồng chí”.

Riêng ngày tết Nguyên Đán, cách mạng không đề ra phá bỏ, nhưng cũng không ai đứng ra tổ chức các cuộc vui như trước. Người ta cảm thấy ngại một cái gì đó vô hình - một cái gì đó vô hình khuyên bảo người ta hãy từ bỏ mọi tập tục thôn xóm được hình thành qua hàng trăm ngàn năm nay.

Tết đến. Các gia đình cũng gói bánh tét, bánh chưng, cũng thắp hương đơm cỗ. Nhưng đó là việc của từng gia đình, không liên quan gì đến xã hội.

Sáng mùng 2 Tết, xã đã phát động phong trào “động canh”, nghĩa là tất cả mọi người đều phải xuống đồng, nghĩa là tết chấm dứt.

Tương tự như các vùng quê khác, trước đây làng tôi có tục lệ “khai canh”. Sau Tết, người ta chọn ngày tốt để mở đường cày đầu tiên với niềm tin mùa màng năm ấy sẽ tốt tươi, phong năm. Lễ khai canh được tiến hành một cách long trọng tại nhà thờ đại tôn - nơi thờ đức tổ Triệu Cơ:

Sáng mai, các cụ mở cửa nhà thờ thắp hương, dâng rượu, tròng pháo nổ. Đám trai tráng vác chiếc cày làm bằng tre khô dán giấy màu và chiếc thuyền bé, trên thuyền có hình người bằng giấy vác cày vác bừa cỡi trâu, lượn vòng quanh cây nêu. Họ vừa đi nhịp nhàng vừa hát:

Nối nghiệp lớn ông cha Đầu xuân mới ta ca Ca rằng:

Đức tổ

Con nhà khổn khó

Chăm chỉ cày bừa

Dựng nên cơ đồ

Xây làng lập ấp

Phong vận may gặp

Hội mở đầu năm

Thượng hạ chiềng dân

Sấm cày sấm cuốc

Lão nông đi trước

Trai tráng theo sau

Ai nấy mau mau

Ra mà mở hội Hát xong một lần thì vòng ngược lại. Sau ba lần, ông chủ tế đánh một hồi ba tiếng trống, đám trai tráng vác cày và thuyền xuống đặt dưới đồng sâu. Lúc họ quay trở về, làng mới bắt đầu mở đường cày khai canh.

Người cầm cày là một lão nông có con gái con trai, gia đình hòa thuận, làm ăn khấm khá. Lão mặc áo dài nâu đến gối, quần trắng đến gối, ngang lưng thắt khăn trắng, đầu thắt khăn đỏ thủ rìu. Hồi trống vang lên đĩnh đạc, lão từ từ bước xuống thửa ruộng trước nhà thờ, làm những động tác cẩn thận: hai tay xoa vào nhau, vỗ nhẹ lên lưng trâu, mắc ách lên vai trâu, rồi cầm cày giục trâu bước. Trống điểm nhịp đều đều. Nếu đường cày hơi cong người đánh trống gõ “cắc” vào trong gối. Đi xong ba đường cày, người đứng xung quanh bờ reo hò hòa với tiếng trống âm vang. Mọi người ai về nhà nấy, mở đường cày ngay trong vườn nhà mình. Ông cháu, bố mẹ, con cái ríu rít ra vườn “hội khai canh” nhỏ. Con trâu đường cũng vui hơn, béo hơn. Sau khi làm xong công việc, trâu được ăn bánh chưng với cỏ non, uống nước ấm và nằm dưới gốc cây thanh thả nhai hương mùa xuân.

Lễ khai canh bây giờ không còn nữa. Con thuyền giấy dán đủ màu sắc sặc sỡ biểu tượng sinh hoạt động chiêm trũng đã vắng bóng. Người lão nông đáng kính trọng đã lùi xa dĩ vãng.

Đường cày khai canh đầu xuân chỉ để lại một vệt mờ trong ký ức tôi...

Cứ hằng năm, trước Tết hai tháng, ông tôi ra chợ mua trầm về phơi khô, rang dòn, nghiền thật bột, rồi trộn với các thứ hương liệu khác, đựng vào chai. Để làm được việc đó, ông cẩn thận từng khâu, từng động tác nhỏ. Tự mình ra chợ huyện mua trầm. Tự mình đến hiệu thuốc bắc mua hương liệu. Rửa tay thật sạch khi nghiền trầm. Ngồi suốt buổi, hai tay lăn đều đều chiếc bánh xe đồng lăn trên chiếc “thuyền” đồng, trầm bị xé từng sợi nhỏ rồi vụn tơi ra. Các chai đựng trầm và hương liệu cũng được xóc đi xóc lại bằng sỏi nhiều lần, đến nỗi nhìn qua vỏ chai không thấy một gợn đục nào, thủy tinh trong veo.

Nghiền trầm xong, ông bắt đầu làm chu hương - tức là cây hương. Chu bằng ruột tre non, chẻ thành từng thanh đều đặn, rồi để lên mái nhà phơi nắng phơi sương suốt hơn một tháng trời. Làm như thế, khi thắp, hương sẽ cháy đều và cháy hết từ ngọn đến gốc.

Khoảng 20 tháng Chạp, ông bắt đầu cuộn hương. Trên tấm chiếu mới, ông bày biện đủ các thứ: trầm trộn hương liệu, chu hương, giấy bản. Trước khi trộn ông rửa sạch hai bàn tay, ngồi xếp bằng, rung rung hai đùi, tưởng như đang sắp làm một việc gì quan trọng. Cuộn xong cây hương đầu tiên, ông thắp thử và ngồi ngắm. Hương cháy rất đều. Tàn hương cuộn vòng, cho đến khi cháy hết tàn vẫn không rụng xuống. Mắt ông lim dim. Râu tóc ông bạc phơ phảng phất vài sợi khói lẫn với mùi trầm thơm một hương vị thiêng liêng. Tôi có cảm giác ông là vị tiên ngồi giữa hang động thiên nhiên thoảng thơm vị trầm của thượng giới.

Năm nào cũng vậy, chiều 29 Tết, ông mở chiếc hòm gỗ trắc, đem ra nào hạc đồng, câu đối, trướng... Không cần ông sai bảo, quen như mọi năm, tôi đem đôi hạc đồng đánh trấu cho đến khi con hạc ánh lên một màu vàng chói. Còn ông tôi thì giăng câu đối quanh bàn thờ. Tôi kính cận đứng sau lưng ông, ngắm bàn thờ rực rỡ màu sắc đón đợi mùa xuân: đôi hạc đồng vàng bóng ngậm hoa sen, câu đối màu vải đỏ vải hường vải vàng, án thư lấp loáng màu sơn, long ngai phủ tấm nhiều điều gợi cho tôi trí tưởng tượng hồn tổ tiên bảng lảng đâu đó...

Sau tết Độc Lập đầu tiên, đến tết Nguyên Đán, không thấy ông tôi cuộn hương trầm như trước, chỉ mua hương ở chợ. Chiều 29 Tết, ông mở hòm gỗ trắc, lau bụi đôi hạc đồng, xếp lại câu đối, rồi khóa hòm. Tôi ngỡ ngàng hỏi: “Sao ông không đem ra cúng tết?” Ông trả lời giọng ngậm ngùi: “Bây giờ là cách mạng, khác rồi cháu ạ.” Vĩnh viễn các đồ tế khí linh thiêng ấy nằm trong hòm khóa kín như tấm lòng ông tôi khóa lại niềm tôn kính thờ phụng tiền nhân.

Vùng quê tôi không sản xuất các loại bánh truyền thống phong phú và ngon như ở ngoài Bắc hoặc như ở Huế. Nhưng cũng có một số loại bánh thường có mặt trên mâm cỗ ngày tết. Bánh mật: bột nếp về thành từng viên dẹt rồi kho với mật mía. Bánh ít: nếp trộn với mật, gói lá chuối, to bằng bánh gai, nấu chín. Bánh nổ: bột nếp được vắt thành những khối vuông đặt vừa vào chiếc đĩa, trên mặt rắc những hạt gạo nở nhuộm màu xanh màu đỏ. Bánh ong: nếp kho với mật, cắt thành từng khối vuông, trông vàng óng như tổ ong. Bánh tà: một loại bánh tết nhỏ bằng cô tay...

Đó là những loại bánh phù hợp với phong cách và khẩu vị “chặt to kho mặn” của người xứ Nghệ, chắc chắn không ngon một cách thơm thảo như bánh của nơi khác, nhưng đậm đà. Những ngày tha hương, được ăn một mẫu bánh quê thì bồn chồn nhớ tuổi thơ, nhớ bà con làng xóm.

Trong không khí rộn rịp chuẩn bị tết, trẻ con thường được bố mẹ cho chiếc bánh tay, bánh ít cầm đi chơi tung tăng với bầu bạn, cảm thấy sung sướng. Mỗi lần mẹ tôi cho tôi hai cái bánh ít, tôi bỏ vào hai túi, dắt trâu ra đồng rồi “góp cỗ làng” với bạn bè. Đưa thì góp bánh nổ, đưa thì góp bánh tày, đưa thì góp bánh ong... Chúng tôi tổ chức ăn cỗ tết ngay trên cồn cỏ giữa làng. Nhà thằng Bá nghèo, nhiều khi không có bánh để góp cỗ, tôi giấu bạn bè cho nó một cái bánh ít để nó cũng góp và dự cỗ...

Từ ngày có tết Độc Lập, các loại bánh cỗ truyền này vắng bóng dần và cuối cùng mất hẳn, chỉ còn lại bánh tét và bánh chưng. Bác Chắt Kế hướng dẫn dân làng làm một loại bánh gọi là “bánh độc lập”. Vào mùa thu hoạch khoai lang, người ta luộc chín khoai, thái ra từng lát mỏng, phơi thật khô, bỏ vào chum, đậy kín bằng lá chuối, gọi là “khoai gieo”. Khi cần làm bánh, đem khoai gieo kho với mật, đơm thành từng đĩa, ăn ngọt sắc pha vị bùi. Loại “bánh độc lập” này người ta chỉ làm một vài tết rồi cũng bỏ. Chẳng qua đó là một loại bánh của con nhà nghèo, ăn chẳng ngon lành gì.

Riêng nhà bác Chắt Kế làm mâm cỗ tết rất độc đáo: thịt chó!

Ở nước ta, nhiều nơi dân kiêng ăn vào đầu tháng và càng kiêng ăn vào đầu năm các thứ mắm tôm, cá chép, thịt chó... Thế mà ngay giữa ngày mùng một Tết, bố con bác Chắt kể bắt chó làm thịt. Thật là to gan! Tin này truyền đi rất nhanh. Các cụ già ngồi uống rượu, bàn tán:

- Ông Chắt kể liều thật! - Không phải liều đâu, làm cách mạng thì phải thế! - Sao làm cách mạng lại ăn thịt chó giữa ngày mùng một Tết?

- Để làm gương cho người khác, để phá đầu óc cổ hủ cho dân.

Anh Tư, con bác Chắt Kế, đi chơi, nghe mấy ông bà già nói: từ xưa đến nay, ai ăn thịt chó vào đầu tháng cũng gặp rủi ro, còn cái việc ăn thịt chó vào mùng một Tết thì tối kỵ, tối tối kỵ. Anh

Tư sợ quá, ra góc vườn, nhìn ngược nhìn xuôi không thấy ai, thò ngón tay vào móc họng để nôn ra. Chẳng hiểu thế nào việc này lọt vào tai bác Chắt Kế, anh Tư bị bác gọi về mắng cho một trận ngay giữa chiều mồng một Tết.

Làng tôi có hội tuồng nổi tiếng trong huyện.

Gần hai trăm năm trước, cụ Hậu, một cụ đồ trong làng, đứng ra lập hội tuồng, cho nên người ta gọi là “cụ trùm Hậu”. Cụ Hậu nhà nghèo, nhưng nổi tiếng là người tài hoa. Vào tiết lập hạ, nhiều người hăm hở đua nhau chơi thả diều, diều của cụ Hậu thường thắng cuộc: tiếng sáo kêu trong veo và diều bay cao tít tận trời xanh chỉ còn một chấm nhỏ như vì sao. Cụ còn có tài thổi sáo, đêm khuya thanh vắng cụ thường ra ngôi bãi cỏ đầu làng thổi những điệu buồn thương ai oán, ngọn gió nồm mang tiếng sáo lan tỏa khắp cả bầu trời trắng. Nghe nói có lần cụ đi dạy học ngoài Bắc, một cô gái mê tiếng sáo mà theo cụ đi lang bạt kỳ hồ suốt mấy tháng. Đến lúc cao tuổi, cụ không còn đủ sức để cao chạy xa bay nữa bèn trở về làng, bán gia sản, lập hội tuồng, mời thầy về dạy.

Hội tuồng càng ngày càng thịnh đạt. Nhiều người tự nguyện góp thóc, góp tiền để mua sắm áo quần, phong màn và nhạc cụ. Sau khi cụ Hậu qua đời, những ông đồ hào hoa khác nối tiếp làm trùm hội: Ông Uẩn, ông Lới, ông Khường... Cụ Hậu được tôn làm ông tổ của hội tuồng làng Hậu Luật. Trước mỗi đêm diễn, anh em trong hội làm mâm xôi, con gà, thắp hương cúng tổ.

Đời này qua đời khác, hội phát triển rất nhanh, dân làng đóng góp ngày càng nhiều. Có người bán mâm đồng, nôi đồng để lấy tiền cúng hội. Có người đi gặt thuê về cũng bỏ ra một vài yến thóc cúng hội.

Càng về sau, người xin vào hội càng đông. Ông trùm phải đứng ra tuyển chọn kỹ lưỡng: dáng người đẹp, mặt đẹp, giọng hát hay, hoặc người có tài

chơi nhạc cụ. Đặc biệt, một gia đình năm người có chân trong hội tuồng. Nhưng tuyệt nhiên hội không tuyển chọn con gái, khi vở diễn cần vai nữ thì nam phải hóa trang.

Sự phân công trong hội rất rõ ràng và công việc của từng người được chuyên môn hóa. Thời nào cũng có người nổi tiếng về một vai diễn hoặc một việc cụ thể, đến nổi tên riêng được gắn với vai diễn hoặc công việc như một tính từ: ông Nghị Triệu Tử Long, ông Ước Thủy Văn Long, ông Khương tô mặt (hóa trang), ông Trang đánh trống, ông Tá kéo nhị, ông Lai đánh phong la, ông Thế kéo màn..

Lúc đầu ông trùm phải đi đặt trang phục ở những nơi xa về. Về sau, hội tự đào tạo người làm trang phục. Hồi tôi lên bảy lên tám thường được thằng Bá và mấy đứa bạn trong xóm rủ đến nhà bác Lới xem làm đồ tuồng. Chúng tôi ngồi hàng buổi mê mải xem mũ áo treo khắp nhà, rực rỡ màu sắc, lóng lánh hạt cườm trên mũ vua áo chúa. Trong con mắt ngây thơ và giàu trí tưởng tượng của chúng tôi, bác Lới là một ông tiên có nhiều phép lạ. Suốt mùa đông, bác ngồi sửa sang lại một cách tỉ mỉ từng giải áo, từng cánh chuồn mũ vua quan, từng cái roi ngựa, từng mũi hài... để rồi đón mùa xuân tới - mùa xuân tới, những bộ trang phục rực rỡ này sẽ hiện huy hoàng trên sân khấu.

Năm nào cũng vậy, cứ tối mùng hai, mùng ba Tết, hội tuồng diễn tại làng mình. Suốt Giêng, Hai, hội tuồng đi diễn khắp thiên hạ. Nhiều làng khác cũng tổ chức hội tuồng, nhưng hội tuồng làng tôi nổi tiếng hơn. Từ tháng Chạp trước Tết, nhiều nơi đã đến mời.

Chao ôi, âm thanh của tiếng trống tuồng sao mà rộn rã, mà náo nức đến vậy. Vừa nhập nhạng tối, từ đình làng tiếng trống nổi lên, mọi nhà soạn sửa ăn cơm sớm hơn để đi xem. Cụ già mù lòa cũng bảo cháu con dắt đi để nghe hát. Có đêm diễn đến canh hai canh ba, trai gái đi xem về chưa

kịp ngủ đã lo nấu cơm để lên núi hái cỏ. Tối hôm sau lại đi xem. Xem ở làng này rồi xem ở làng khác, Tiếng trống chuyền khắp mọi làng mọi xã. Lũ trẻ chúng tôi đi theo hội tuồng tới những vùng xa xôi tận bên kia sông Bùng, bên này sông Cấm.

Tiếng trống tuồng thưa dần rồi im bật sau cái tết Độc Lập đầu tiên. Thay vào đó là kịch nói, kịch dân ca. Kịch bản được viết ra theo từng thời vụ, từng chủ trương, chính sách của cấp trên đưa về. Chỉ có thanh niên kéo nhau đi xem những đêm diễn ấy, còn các cụ già thì trùm chăn ngủ khoèo ngay giữa ngày tết Nguyên Đán.

Hồi ấy, chính bác Chắt kể cũng tham gia vẽ phong màn cho hội tuồng. Trong những ngày sắp cướp chính quyền và thời kỳ Mặt Trận Dân Chủ, các đảng viên do bác đào tạo đã dùng những đêm diễn tuồng để tuyên truyền cách mạng. Bây giờ bác lại là người chủ trương phế bỏ tuồng. Thế là bao nhiêu đồ trang phục của hội tuồng sấm sanh qua hàng chục hàng trăm năm bị vứt bỏ.

Một hôm, bác Chắt kể sang nhà bác Lờ chơi, thấy mấy chiếc áo tuồng treo trên vách. Bác đưa tay sờ rồi ngắm nghía với một thái độ trân trọng và nuối tiếc. Bác Lờ rung đùi:

- Hay là ta phục hồi hội tuồng? Bác Chắt Kể hơi gật đầu, rồi từ tốn nói lại:

- Vắng tiếng trống tuồng, làng xóm buồn tẻ. Nhưng mà diễn lại các tích vua quan phong kiến chỉ có hại. Được rồi, chú để tôi tính xem...

Bác Chắt Kể gợi ý cho một thầy đồ viết vở tuồng “núi Nam Sơn” nói về các chiến sĩ cách mạng đánh Tây. Sau một thời gian tập luyện, vở tuồng được công diễn. Im bật từ lâu, tiếng trống tuồng bỗng vang lên từng bừng.

Cụ già, thanh niên, trẻ em kéo nhau đi xem nghìn nghịt. Nhưng chỉ diễn vài đêm là người xem chán nản. Các làng khác cũng không mời đi diễn.

Từ đó, hội tuồng hoàn toàn tan rã. Một nền nghệ thuật được xây dựng qua mấy trăm năm bị phế bỏ hoàn toàn. Trong tâm tưởng của lớp người cao tuổi vẫn lưu lại hình ảnh đẹp để những nhân vật tuồng: Thúy Văn Long xông vào hang quỷ để cứu nàng công chúa, vua Trần Anh Tôn cởi áo bào đắp cho người ăn mày nằm bên vệ đường...

V

đám cưới o theo anh mẫn

Bác thợ rèn tìm được tấm kẽm, cuộn tròn lại để làm cái loa. Cầm loa nói ở đầu làng thì cuối làng nghe được. Thế là chấm dứt công việc mệt nhọc của ông mỗi từ xưa đến nay cứ cầm chiếc mũ đi rao khắp các ngã đường làng. Chiếc loa kẽm vừa làm xong, người ta trèo lên cây phượng ở nhà thờ đại tôn để gọi thử, người lớn trẻ con kéo nhau ra đứng quanh gốc phượng xem ông gọi loa như xem một sự việc mới lạ.

Cả ngày hôm ấy, chiếc loa được dùng vào công việc đặc biệt: báo tin đám cưới o Theo lấy anh Mẫn, Chốc chốc tiếng loa lại rống lên: "A lo... a lo... a lo... Mời toàn thể bà con dân làng tối hôm nay đến nhà anh Mẫn dự đám cưới đời sống mới. A lo... a lo... a lo. Thèo đã nêu một tấm gương sáng: không đòi lễ cưới linh đình, tốn kém, mà chỉ đòi bên nhà trai mang sang hai quả lựu đạn. A lo... a lo..."

Trung đội dân quân đang luyện tập ở sân vận động khi nghe loa báo tin o Thèo "chỉ đòi bên nhà trai mang sang hai quả lựu đạn" thì mấy o phì cười. Đồng chí trung đội trưởng vội vàng chạy đến bịt mồm mấy o lại, ý nói cười như thế là mất tính chất nghiêm túc của vấn đề.

Bố o Thèo thì buồn bã, tỉ tê với mấy bác hàng xóm: "Nuôi nó lớn chừng ấy tuổi, bây giờ đem cho không. Rẻ rúng quá. Có cái đời sống nào mà công lao bố mẹ nuôi lớn lên rồi đem cho không. Để ra con trai thời buổi này sướng thật, được vợ giữa trời, chẳng tốn kém một đồng, một cân nếp nào...". Nhưng bà mẹ o Thèo thì ngược lại, khi nghe loa báo tin về đám cưới đời sống mới của con mình, bà chạy đi khoe khắp làng: "Cách mạng thành công rồi, nhà tôi có thiệt thòi, nhưng nhà tôi nêu được tấm gương

cho bà con noi theo... Tôi nghĩ như cái hồi phong kiến đế quốc, mỗ bò mỗ lợn, tổn kém của cải của nhà nước của nhân dân. Bây giờ khác rồi, ai cũng phải có ý thức tiết kiệm để kháng chiến để kiến quốc...”

Cách mạng về, cái gì cũng mới cũng lạ. Việc cưới xin hệ trọng đến cả đời của con người mà người ta cũng xem nhẹ hẫng như không có gì xảy ra. Tối đã vào lễ cưới mà buổi sáng chú rể vẫn đi tập quân sự, cô dâu vẫn đi cấy dưới đồng Lao. Hai người đều làm ra cái vẻ việc lấy chồng lấy vợ là hoàn toàn việc riêng của mình, chứ đâu phải là việc xã hội, mà đã là việc riêng cá nhân thì không nên làm ảnh hưởng đến xã hội. Trong lòng họ có xốn xang chờ đợi tối tân hôn hay không, ai mà biết được, họ có dám thổ lộ với ai đâu.

Làng cấp cho trung đội dân quân mấy sào ruộng ở cánh đồng Lao để gầy “quỹ quân sự”, vì cấy chưa xong, o Thèo phải cùng các nữ đội viên đi cấy tiếp. Lúc ngồi ăn cơm trưa trên bờ ruộng, bà Tạo kể chuyện mình thời con gái nào là lúc sắp lấy chồng bà đòi bên nhà trai may cho bộ quần áo này quần áo nọ, nào là đòi đôi khuyên vàng để dành làm vốn, nào là trước ngày cưới bố mẹ cho nghỉ việc đến bốn, năm hôm. O Theo quay mặt, rơm rớm nước mắt, rồi lại và cười để tỏ ra rằng “đó là cái việc thời phong kiến”.

Mãi đến quá nửa chiều, tiếng loa từ trong thôn vẳng ra: “A lo... a lo... Mời bà con dân làng lo cơm nước sớm hơn mọi hôm để đi dự đám cưới o Theo anh Mẫn...”, đám nữ dân quân mới vội vàng rửa chân tay, rời đồng Lao về làng. Xâm xẩm tối, nhà anh Mẫn đã chật ních người. Cả làng Hậu Luật, hầu như gia đình nào cũng cử đại biểu đến dự đám cưới, có gia đình khóa cửa, đi cả nhà. Hội mùa xuân cũng chỉ đông đến thế là cùng. Nhiều người quen như đi dự mít tinh, biểu tình, mang theo ghế ngồi ngoài ngõ, ngoài vườn.

Các cụ già cũng đến rất sớm. Hết hút thuốc Lào lại nhai trầu. Hết nhai trầu lại uống nước chè xanh. Trò chuyện mãi cũng nhạt. Có cụ tựa đầu vào cột, ngáy khò khò. Bố mẹ anh Mẫn cứ cảm thấy ngượng ngượng, khó coi thế nào ấy. Chẳng lẽ đời sống mới lại như thế này ư? Ông bà bèn vội vội vàng vàng bắt mấy con gà làm thịt, mua mấy chai rượu để các cụ ngồi cho đỡ nhạt miệng.

Rượu vừa rót ra, bỗng có iếng ồn ào ngoài ngõ: Bác Chắt Kế đến! Bác Chắt Kế đến! Thật là vinh dự cho đôi tân hôn anh Mẫn - o Thèo, đám cưới tổ chức đúng hôm bác Chắt kế trên tỉnh về. Bác Chắt Kế vui vẻ ngồi nói chuyện với các cụ...

“Tất cả mọi người... Nghiêm!”

Có ai đó hô lên đồng dục, oai nghiêm.

Từ ngoài ngõ, ai đó lại hô tiếp: “Chú ý, đi đều... bước! Một hai... một hai...” Đám người rẽ ra hai bên. Anh Mẫn o Theo ăn vận kiểu quân sự, dây da thắt ngang lưng, vai đeo súng, dĩnh đạc tiến vào.

Đó là gương mặt của cô dâu chú rể.

Bác Chắt Kế đứng dậy, giơ tay: “Cho các con ngồi xuống”. Mẫn và Thèo ngồi trên chõng tre đã đặt sẵn giữa nhà. Bác nói dài lắm: “Phe đồng minh đã thắng lợi hoàn toàn ở châu Âu cũng như ở châu Á. Nước ta giành được độc lập. Tư tưởng canh tân vô sản phải được thực hiện. Hử... Việt Minh lãnh đạo toàn dân đứng lên vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Hử... Đám cưới cũng phải tiết kiệm...” Bác quay về phía Mẫn và Thèo: “Các con đứng dậy”. Mẫn và Thèo đứng dậy như cái máy. Bác nói tiếp: “Hai con vui duyên mới không được quên nhiệm vụ canh tân vô sản. Hử... Các con là những công dân của nước Việt Nam độc lập. Hử... Bọn thực dân Pháp đang lăm le quay lại. Hử... tên Việt gian Nguyễn Văn Thinh đang âm mưu cắt Nam Kỳ.

Hử... Các con phải xứng đáng là những chiến sĩ bảo vệ nền độc lập của nước nhà..." Nhìn về phía Mẫn và Thèo, bác giơ tay: "Các con ngồi xuống."

Dân làng im phăng phắc nghe bác Chắt Kể diễn thuyết. Nhưng buồn cười nhất là thỉnh thoảng bác lại nói "Các con đứng lên... Các con ngồi xuống..." Nín mãi không được, thằng Bàng đứng bên cạnh tôi phì cười. Thằng Bá vội vàng đưa bàn tay bịt chặt mồm Bàng. Bàng nuốt tiếng cười vào cổ, ho sặc sụa...

VI

chúng mình sắp được ở chung rồi!

- Này, bác Chắt kể đã mang trên tỉnh về một cái bản đồ xây dựng lại làng ta! Mọi người đều ở chung!

Sáng hôm ấy, Bá chưa lùa trâu thả xuống đồng, mà chờ tôi ở cổng. Khi tôi dắt trâu ra, mặt Bá rạng rỡ hẳn lên, báo cho tôi biết cái tin đó.

Sao việc gì Bá cũng biết trước tôi? Không nên được, tôi reo lên:

- Thế thì sướng quá! Chúng mình sắp được ở chung rồi! Bá giơ tay, nhón mồm:

- Xuyt... xuyt... Còn bí mật! Việc gì cũng thế, lộ ra là dễ mất đầu như chơi!

Trưa... rồi chiều... rồi tối... rồi ngày hôm sau... cái việc mà Bá cho là “bí mật” đó đã loan truyền khắp nơi. Đi tới đâu người ta cũng đồn khác về “cái bản đồ xây dựng lại làng ta, mọi người đều ở chung”.

Nghe nói năm 1927, bác Chắt kể vừa thành lập chi bộ Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội làng Hậu Luật, người ta đã phác thảo một bản đồ ở chung ăn chung. Thời kỳ Mặt Trận Dân Chủ, những người cộng sản trong làng cũng xúm nhau ngồi dưới chân núi Hai Vai vẽ bản đồ ở chung ăn chung. Hai lần đều không thực hiện được. Hai lần đều là chuyện hảo và lý tưởng thì xa vời vợi. Sau khi phong trào Mặt Trận Dân Chủ bị tan rã, mô hình chủ nghĩa cộng sản được phục hồi ở trại cày Thọ Lộc.

Đây là một trại cày nổi tiếng, được ghi vào hương sử.

Thọ Lộc ở miền núi Nghệ An, thuộc tổng Cự Lâm, huyện Nghĩa Đàn - vùng ma thiêng nước độc, rừng hoang um tùm, nhà sàn thưa thớt. Cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh bị khủng bố ác liệt, nhiều cơ sở Đảng không còn nữa. Bác Chắt Kể thành lập tỉnh ủy lâm thời tại làng mình, đồng thời tổ chức trại cày Thọ Lộc để vừa giữ được bí mật vừa làm nơi bắt mối liên lạc với các đảng viên. Qua bao nhiêu thăng trầm, trại cày chỉ còn lại những người nghèo cố bám đất để làm ăn sinh sống. Nhưng ngọn lửa hy vọng trong lòng họ vẫn bập bùng. Họ liên hệ với những nghĩa quân thời kỳ Cần Vương cũng mở trại cày trên đó. Sau khi cụ Nghề Ôn qua đời, số nghĩa quân này không chịu về làng làm tay sai cho giặc, rủ nhau ở lại cày mây cuốc gió, sống cuộc đời phóng túng. Các chiến sĩ Xô Viết bắt mối được với các chiến sĩ Cần Vương, ngọn lửa hy vọng càng được khêu lên - dầu chỉ là niềm hy vọng xa xôi, không rõ nét.

Bao lần lập lên rồi tan rã, trại cày Thọ Lộc được sống lại một cách cường tráng vào những năm 1940-41. Trại viên gồm toàn những người nghèo, không có một tấc đất cắm dùi. Lúc đầu nhiều người hăng hái tham gia, trong đó có cả mẹ bác Chắt Kể. Nhưng rồi lần lượt bị sốt rét, trọc đầu, da vàng ủng, trại viên ít dần. Cuối cùng chỉ còn lại những người khỏe mạnh, tính khí táo tợn - trai ở trại gái hàng cơm! Hầu hết trong số họ không biết chữ, nhưng họ vẫn tự hào mình là người cách mạng.

Ở vùng này có Hòe Nhiên là tên đầu trộm đuôi cướp. Hắn dám vào các bản và vào cả trại cày ăn trộm trâu lừa về chợ miền xuôi bán. Dân bản nhiều lần dùng phù phép để bắt, nhưng hắn đều thoát được. Mọi người đều nghĩ rằng hắn là ma quỷ. Nông dân trại cày đã bố trí một số thanh niên lực lưỡng đuổi bắt và đâm thủng bụng Hòe Nhiên ngay giữa chợ. Tin đó truyền đi rất nhanh, nhân dân các bản đồn ầm lên rằng: “Cộng sản tài thật! Cộng sản đánh được cả ma quỷ!”

Đó là chiến công đầu tiên của nông dân trại Thọ Lộc. Uy tín của trại càng tăng lên. Dân bản càng tin yêu, thỉnh thoảng

mang lợn hoặc trâu, nai, bò cúng cho trại. Những người trong trại càng tự hào, càng ra sức củng cố trại mỗi ngày một bề thế hơn.

Toàn trại chỉ có một số ít người có gia đình, còn hầu hết là thanh niên. Họ ở chung, ăn chung, tài sản chung, tạo ra một mô hình ấu trĩ về xã hội cộng sản....

“...Thọ Lộc hồi trước làm được thì bây giờ ta cũng làm được. Ta nắm được chính quyền rồi, ta lại không tổ chức được làng cộng sản giỏi hơn Thọ Lộc à?...” cả làng Hậu Luật háo hức bàn luận về một tương lai đầy lãng mạn: tổ chức làng cộng sản!

Quy hoạch xây dựng đại khái như thế này: tách bạch từng khu ở riêng theo lứa tuổi và giới tính - cụ ông, cụ bà, nam thanh niên, nữ thanh niên, thiếu niên, nhi đồng.

Lũ mục đồng chúng tôi đang thả trâu ở đồng Lao, ùa nhau chạy tới xem mấy ông lãnh đạo đang đứng trên cồn đất chi trở bốn phương và bàn với nhau những điều rất hệ trọng; dãy nhà của lão ông xây ở Đập Tràn, dãy nhà của lão bà xây ở Mo Nặng, dãy nhà của nam thanh niên xây ở Giếng Triều, dãy nhà của thiếu nhi xây ở Cồn Rùa...

Mấy đứa chúng tôi sợ quá, quay lại nói với nhau: “Chúng mình được ở Cồn Rùa, gần trường học, chỉ cần nghe trống đánh là rủ nhau đi học. Không bao giờ sợ trễ giờ học...”

Tối hôm ấy, giấc ngủ của tôi cứ bồng bênh như nằm trong mây. Viễn cảnh huy hoàng chờn vờn trước mặt như ráng hồng bình minh. Mình được ở chung với thằng Bá, thằng Bàng, thằng Viễn, thằng Dần... Bao giờ cũng ở bên cạnh nhau, không cần phải gọi nhau mỗi sáng lùa trâu ra đồng. Khi có

cái bánh, gói kẹo, không phải tìm nhau để chia sẻ, mà trái lại, cùng ngồi ăn chung một mâm, cùng ngủ với nhau một giường, cùng học với nhau một bàn. Thế giới đại đồng đẹp như giấc mơ thần tiên biến hóa muôn màu sắc quyến rũ. Tưởng chừng giờ tay với, trái chín của thế giới đại đồng đã nằm ngọt ngào trong năm ngón tay mềm mại của tuổi thơ...

Những năm tháng này, sao cuộc đời đẹp đến thế. Gặp gỡ ngoài đường, mọi người đón đả chào nhau bằng “đồng chí”. Đêm mùa hè nóng bức, không phải cài cửa trước khi ngủ, chẳng sợ ai lẻ vào ăn cắp gạo ăn cắp áo quần.

Bác tuần Chư trước kia là một hình ảnh ghê sợ đối với chúng tôi. Trâu thả rong mon men đến ruộng lúa, chưa kịp ăn khóm lúa nào, bác dùng roi quất tôi chảy máu. Nếu cãi lại một câu thì bác quất thêm ba, bốn roi. Cho nên mỗi lần bị bác đánh chỉ có cách là im thin thít. Thế mà dạo này bác trở nên hiền khô. Buổi trưa, đi tuần đồng, mở cơm mo ra ăn, bác gọi chúng tôi đến cùng ăn cho vui.

Những đêm trăng sáng, chúng tôi thường xuống đồng đặt đó, đặt lừ, bắt cá, tôm, cua. Đứa này thường ăn trộm cá đứa kia. Có lần đánh nhau chảy máu đầu. Cho nên, để khỏi bị mất cắp, cứ phải trải manh chiếu nằm bên cạnh đó, cạnh lừ suốt đêm. Riêng bác tuần Chư không canh gì cả. Bác nghĩ ra một cái mẹo rất ác: Tãi gai bờ kết xung quanh chỗ đặt đó, đặt lừ, hễ đứa nào lẻ đến, dẫm phải gai sẽ rất nguy hiểm; hoặc bác bó gai ngay vào đó, vào lừ, đứa nào láu táu ăn trộm cá sẽ bị gai đâm chảy máu tay. Thế là bác cứ ngủ li bì, sáng mai đành hoảng mang cá về... Đây là chuyện xảy ra cách đây ít lâu. Còn bây giờ thì khác rồi. Chẳng ai nữ ăn trộm cá của ai. Chúng tôi cứ đặt đó, đặt lừ dưới đòng suốt đêm, tha hồ rủ nhau tụ họp để tập hát tập múa. Bác tuần Chư cũng không cần chơi cái trò ác rải gai bờ kết nữa. Thậm chí có lần thấy tôi được ít cá, bác cho tôi cá và nói: “Cháu mang

thêm về cho mẹ cháu. Tôi nghiệp, mẹ cháu lo công việc xã hội phải đi suốt ngày...”. Tôi rơm rớm nước mắt.

Tối nào lũ trẻ chúng tôi cũng ngủ chung với nhau. Được ngủ chung là niềm vui lớn mà cách mạng ban phát cho tuổi thơ.

Nhập nhoang hoàng hôn. Ăn cơm xong. Đứa này sang nhà đứa kia, đi gọi nhau khắp làng, đến một địa điểm nào đó để tập hát. Tiếng hát vang lên từ đêm này qua đêm khác, vang lên từ xóm này qua xóm khác. Lời ca tiếng hát trở thành biểu tượng lạc quan của cách mạng. Tập hát chán, lại chơi các trò chơi cướp cờ, tìm thư bí mật, tập trận giả.

Thường là quá nửa đêm mới ngủ. Gặp đâu ngủ đó. Đêm hè thì nằm ngủ trên bờ giếng, trên bãi cỏ đầu thôn. Có hôm sương xuống thấm ướt cả quần áo. Đêm đông thì chen chúc nhau ngủ trong ổ rơm tại nhà một đứa nào đó. Nếu nằm ổ rơm không đủ, trải chiếu nằm khắp nhà, khắp thềm, chẳng có chăn màn, ôm nhau ngủ ngon lành đến tận sáng. Lắm hôm bị muỗi đốt lấm tẩm đỏ khắp chân tay, mặt mày. .

Tôi là một thằng bé nhút nhát hơn những đứa trẻ khác trong xóm. Mẹ không cho xuống đồng sâu một mình, không cho đi chơi đêm, không cho ngủ qua đêm bất kỳ ở nhà ai. Nhưng dạo này mẹ tỏ ra dễ tính đối với tôi. Thỉnh thoảng mẹ chỉ dặn: “Đừng ngủ ngoài sương nhiều, dễ ốm đau”. Hôm nào tôi đi chơi về muộn, không ăn cơm nhà, là mẹ ngầm hiểu tôi đã ăn cơm nhà thằng Bá, thằng Dần, hoặc thằng Bàng gì đó. Cũng như nhiều hôm, bọn chúng nó đến chơi ở nhà tôi, mẹ bảo ăn cơm, chúng nó ngồi ăn một cách tự nhiên. Tôi có cảm giác tất cả mọi thứ đều là của chung rồi: nhà chung, cơm chung, ở đâu cũng được, ăn đâu cũng được.

Tối hôm ấy, mưa to gió lớn. Đợi mãi, trời vẫn không tanh ráo, tôi nằm thiu thiu ngủ. Nửa đêm, tỉnh dậy, vẫn mưa gió ào ào, tôi bồn chồn nhớ

bạn. Chúng nó có ngủ chung với nhau đêm nay không? Nếu ngủ thì ngủ tại nhà ai? Bây giờ nằm ở nhà một

mình, không có bạn thì ngủ làm sao được! Không ngần ngại, tôi đội nón, xắn quần, chạy một mạch đến nhà thằng Bá. Vừa ra khỏi ngõ, gặp mẹ tôi đi học về, mẹ hỏi: “Con đi đâu mà đi vào lúc này?”, tôi vừa chạy vừa trả lời vội vàng: “Con ngủ quên ở nhà, con phải đi ngủ chung đây!”. Ra đến cây đa xóm Bắc, mấy chú dân quân hô: “Ai? Đứng lại!”. Tôi vẫn cứ vừa chạy vừa trả lời: “Cháu đây mà! Cháu ngủ quên ở nhà, cháu phải đi ngủ chung đây!”. Tôi nghe một giọng nói rất đôn hậu: “Thằng Trục con bà Đoan, chắc nó chạy đến ngủ nhà thằng Bá.”.

Vào tới nhà Bá, cửa để trống hoang trống huếch, tôi lặng lẽ bước qua ngạch cửa. Ồ, chúng nó đã nằm chen chúc nhau chật kín cả hai gian. Tôi chẳng rửa chân gì cả, lấy chổi xể lau qua cho sạch bùn, rồi nằm len vào giữa. Giấc ngủ chung với bạn bè nồng ấm làm sao?

Tôi được vào đội Nhi Đồng Cứu Vong! Còn niềm vui nào lớn hơn? Gặp đứa trẻ nào trong xóm tôi cũng khoe: “Tao đã được vào đội Nhi Đồng Cứu Vong!” Lúc đầu, ban lãnh đạo thôn chọn chừng hai chục đứa để thành lập Đội - tôi là một trong vài chục đứa được vinh dự ấy.

Cái thời phong kiến, thực dân, làng tôi và nhiều làng khác có hội Mục Đông. Đứa trẻ chăn trâu, chăn bò nào muôn vào Hội phải nộp từ một cân thóc trở lên tùy theo nhà giàu nhà nghèo, để gây quỹ Hội. Làng còn cho ba sào ruộng. Hội Mục Đồng tự nó ngồi ăn một cách tự nhiên. Tôi có cảm giác tất cả mọi thứ đều là của chung rồi: nhà chung, cơm chung, ở đâu cũng được, ăn đâu cũng được.

Tối hôm ấy, mưa to gió lớn. Đợi mãi, trời vẫn không tanh ráo, tôi nằm thiu thiu ngủ. Nửa đêm, tỉnh dậy, vẫn mưa gió ào ào, tôi bồn chồn nhớ

bạn. Chúng nó có ngủ chung với nhau đêm nay không? Nếu ngủ thì ngủ tại nhà ai? Bây giờ nằm ở nhà một

mình, không có bạn thì ngủ làm sao được! Không ngần ngại, tôi đội nón, xắn quần, chạy một mạch đến nhà thằng Bá. Vừa ra khỏi ngõ, gặp mẹ tôi đi học về, mẹ hỏi: “Con đi đâu mà đi vào lúc này?”, tôi vừa chạy vừa trả lời vội vàng: “Con ngủ quên ở nhà, con phải đi ngủ chung đây!”. Ra đến cây đa xóm Bắc, mấy chú dân quân hô: “Ai? Đứng lại!”. Tôi vẫn cứ vừa chạy vừa trả lời: “Cháu đây mà! Cháu ngủ quên ở nhà, cháu phải đi ngủ chung đây!”. Tôi nghe một giọng nói rất đôn hậu: “Thằng Trục con bà Đoan, chắc nó chạy đến ngủ nhà thằng Bá.”.

Vào tới nhà Bá, cửa để trống hoang trống huếch, tôi lặng lẽ bước qua ngạch cửa. Ồ, chúng nó đã nằm chen chúc nhau chật kín cả hai gian. Tôi chẳng rửa chân gì cả, lấy chổi xể lau qua cho sạch bùn, rồi nằm len vào giữa. Giấc ngủ chung với bạn bè nồng ấm làm sao?

Tôi được vào đội Nhi Đồng Cứu Vong! Còn niềm vui nào lớn hơn? Gặp đứa trẻ nào trong xóm tôi cũng khoe: “Tao đã được vào đội Nhi Đồng Cứu Vong!” Lúc đầu, ban lãnh đạo thôn chọn chừng hai chục đứa để thành lập Đội - tôi là một trong vài chục đứa được vinh dự ấy.

Cái thời phong kiến, thực dân, làng tôi và nhiều làng khác có hội Mục Đông. Đứa trẻ chăn trâu, chăn bò nào muôn vào Hội phải nộp từ một cân thóc trở lên tùy theo nhà giàu nhà nghèo, để gây quỹ Hội. Làng còn cho ba sào ruộng. Hội Mục Đồng tự cày cấy, chăm bón và thu hoạch.

Hằng năm, sau hai vụ gặt hái, đồng điền còn bỏ không, bọn trẻ tha hồ thả rong trâu bò. Hội tổ chức đắp cồn Mục Đồng tức là cồn thờ Thần Nông. Giữa cánh đồng trũng, cồn đất được đắp cao che rợp bóng cây đa. Mỗi năm hai lần đắp, cồn cao dần như một ngọn đồi. Sau khi đắp xong, Hội

mua chuối hương để cúng Thần, tổ chức một bữa ăn chung. Thế là làng bắt đầu vào vụ cày cấy.

Tôi hỏi mẹ tôi: “Có đội Nhi Đồng Cứu Vong thì có còn hội Mực Đồng cúng Thần Nông nữa không?” Mẹ trả lời: “Cúng Thần Nông là chuyện mê tín nhảm nhí, còn đội Nhi Đồng Cứu Vong là Đội cách mạng”. Tôi thoáng một chút buồn: hội Mực Đồng vui thế mà bây giờ không còn nữa...

Công việc đầu tiên của đội Nhi Đồng là phá cồn Mực Đồng. Suốt hàng tuần lễ, chúng tôi rầm rập vác cuốc vác xẻng đi san cồn đất. Không dễ dàng một chút nào khi dẫn ngã một cây đa to sù sụ. Tổ chim bị vỡ, trứng rơi xuống nhầy nhụa lòng đỏ lẫn lòng trắng. Trong lùm cỏ rậm cũng có những tổ trứng chim xinh xắn của lũ cà cà, vịt trời. Thậm chí trong lòng đất có cả trứng chim đa đa... Tất cả chúng tôi như một đội quân đi làm nhiệm vụ tiêu thổ kháng chiến - Xông vào, cuốc! Xông vào, đào! Xông vào, phá! Đào phá, cuốc xới không tiếc tay. Chuột chạy tứ tung. Chim bay tung tóe. Có đứa vô tình cuốc phải một tổ chim, trứng vỡ ra, con chim non bé xíu, ngộ nguây. Tôi chạy đến, ứa nước mắt nâng những chú chim nhỏ trong lòng bàn tay: có chú còn đỏ hỏn, có chú vừa mọc lông... Thôi vĩnh biệt nhé, vĩnh biệt cồn đất thân thuộc của tuổi chăn trâu, vĩnh biệt tán đa mát rượi những trưa hè tuổi thơ, vĩnh biệt đàn chim yêu quý! Cây đa đổ xuống... ầm! Vòm trời trống quang. Một vầng xanh mãi mãi chết đi cùng với thời bé dại hồn nhiên.

Sau chiến tích chặt đổ cây đa và phá cồn Mực Đồng, chúng tôi xông vào những ngày vui triền miên: cắm trại, hành quân, tập

võ, tập hát. Cờ trống tưng bừng: cờ đội hình vuông, cờ tiểu đội hình tam giác. Quần áo dính đầy những phù hiệu, cấp hiệu màu xanh màu đỏ màu vàng. Đầu cạo trọc, sắp hàng dài dằng dặc, diễu hành dưới nắng hè. Bà con bỏ việc chen nhau đứng xem hai bên đường. Mắt chúng tôi nhìn

thẳng, kiêu hãnh và tiến lên phía trước. Lòng nhẹ tênh tênh. Tưởng như trước mặt mình, ở ngọn núi kia, ở bãi cỏ kia, ở mái đồi thoai thoải kia đã bày sẵn thiên đường cộng sản - chúng tôi sẽ hạ trại ở đó, nổi trống, ca hát, diễn kịch, sống những ngày no ấm, vô tư.

Tối đến là họp. Hầu như tối nào cũng họp. Cuộc họp nào cũng giống như người lớn, có đủ các mục: báo cáo tình hình thế giới - báo cáo tình hình trong nước - báo cáo tình hình nội bộ - yêu cầu - chất vấn.

Một hôm, đang họp dở tại nơi cắm trại, trời đổ mưa. Vẫn cứ ngồi họp • họp với tinh thần cách mạng cao cả. Đứa nào đứa nấy ướt nhẵn tóc tai, quần áo. Đến mục báo cáo tình hình trong nước, có bạn phát biểu: “Mấy chục người ăn mày ở chợ Mới đã về quê hết rồi. Quê họ ở ngoài Bắc cũng giành được chính quyền. Từ nay ở chợ Mới và ở khắp nước ta không còn ăn mày nữa!”. Tất cả vỗ tay hoan hô. Đến mục báo cáo tình hình nội bộ, một bạn đứng dậy nói: “Lúc chiều đồng chí Trục vào nhà ông Giai, con chó лай xô ra sủa, đồng chí Trục quát “đồng chí chó лай không được sủa”. Gọi con chó лай bằng đồng chí là phạm lỗi”. Nhiều bạn khác nhao nhao: “Gọi chó bằng đồng chí tức là phản động!” “Phải phạt đồng chí Trục”.Bác Chết kể quàng áo mưa, bước vào bất ngờ, lên nòng súng lách cách: Thằng Trục gọi chó bằng đồng chí à! Đội viên đội Nhi Đồng Cứu Vong mà thể à? Cháu không xứng đáng là đội viên!” Tôi run bắn người, ngẩng lên nhìn mặt bác lấp lánh đôi kính cận. Bác nhìn thẳng vào tôi, tôi cúi xuống. Một bạn đứng dậy: “Thưa bác, phạt đồng chí Trục bằng cách nào?” Bác Chết Kế giơ tay: “Hử... Gọi chó bằng đồng chí là phạm trong tội. Hử... Các cháu có biết hai tiếng đồng chí thiêng liêng như thế nào không? Hử... Phạt như thế nào là do các cháu dân chủ bàn bạc...” Có tiếng đề nghị “Bắt đồng chí Trục ngồi cùm.” Mọi người nhất loạt đồng ý. Thế là lần đầu tiên tôi bị cách mạng phạt.

Sau khi cướp chính quyền, làng có làm một cái lều nhỏ ở gốc cây đa xóm Trung, trong đó đặt cái cùm gỗ. Ai “có tội” với cách mạng thì tùy tội nặng nhẹ mà cùm một chân hoặc hai chân, cùm một ngày hoặc hai, ba ngày. Cái cùm này đã cùm mấy người phạm lỗi với cách mạng: Hai ông say rượu, nói lè nhè; một bà ăn cắp váy của hàng xóm; một ông thầy xem tướng ở chợ Mới... Bây giờ đến lượt tôi bị đưa chân vào cùm vì tôi gọi chó là “đồng chí”. Nhưng tội của tôi chỉ ở mức cùm một chân, còn chân kia vẫn cử động tự do. Tuy có xấu hổ, nhưng tôi vẫn cảm thấy tự hào rằng: “Mình không phải là thằng bé bình thường, mà là đội viên đội Nhi Đồng Cứu Long bị cùm”. Quá nửa đêm, thằng Bá lò dò đến thăm tôi. Hắn mang cho tôi một bầu nước chè xanh. Đang cơn khát cháy người, tôi ngửa cổ uống ừng ực. Bụng đã đầy no nước, tôi vẫn cố uống cho hết bầu, sợ chốc nữa lại khát. Nước không tiêu kịp, căng đầy bụng đáí. Tôi cố cắn răng nhịn, cuối cùng không nhịn được, tôi đáí vung ra ướt cả cùm gỗ.

VII

vĩnh biệt những cây cổ thụ

Làng tôi nằm giữa vùng đồng chiêm trũng. Dân cư quanh năm nghèo đói. Hầu hết là nhà gianh vách đất. Nhưng nhờ có những cây cổ thụ mà xóm mạc trở nên sầm uất. Mỗi cây gắn liền với một chuyện kể, một bài vè hoặc một câu ca. Cổ thụ là tình yêu là máu thịt của quê hương. Bao nhiêu thế hệ nối tiếp nhau sinh ra, lớn lên và qua đời, gửi lại cho cây những chứng tích kỳ diệu của thời gian,

Thế mà những ngày hôm nay, những ngày tháng sục sôi của cách mạng, những ngày tháng phồn thịnh của tinh thần dân quê, hàng chục cây cổ thụ lần lượt nằm xuống! Như những lão tướng xông pha trận mạc, bão bùng, sấm sét, không còn được sự chiêm ngưỡng của dân gian nữa, xin hãy vĩnh viễn lui về quá khứ. Hầu như trong tâm tưởng của một số người nào đó, trong một phút cuồng nhiệt, họ muốn chặt phá đi tất cả những cái gì xưa cũ để rồi vun trồng lên những gì non tơ hơn, mới mẻ hơn, giàu sức sống hơn. Và từ một số ít người, ý nghĩ đó được lan truyền, được kích động vào số đông. Thế là chính những con người đã tự tay mình chăm bón, đã từng gắn bó máu thịt cuộc đời mình với cây, lại thân nhiên xông ra chặt cây.

Tuổi lên chín lên mười tôi vừa được chứng kiến những ban mai cờ dăng rợp trời vừa đau lòng nhìn thấy những vòm cây khổng lồ bị hạ xuống.

Theo bác Chắt Ké, những thân cây to lớn này và những cồn đất làm địa thế cho cây mọc lên, địch có thể lợi dụng làm pháo đài. Vì thế, phải phá tất, chặt tất! Làng xóm và đồng tiền quang quẻ, trơ trụi, vô duyên như một người cao nhẵn thín lông mày. Cây muỗm nơi đền thờ Bạch Y Thần để chừng cao tới bốn, năm chục mét. Cách xa mười cây số có thể thấy ngọn

cây mờ xanh như một đám mây. Mỗi lần tôi sang bà ngoại một mình, mẹ tôi dặn: “Lúc về, nhớ may bị lạc đường, con cứ nhìn ngọn cây muỗm mà đi.”

Dáng cây thẳng tắp. Cảnh tỏa đều đặn xung quanh. Càng lên cao càng bé dần. Từ xa trông tới, cây giống như cái tháp xanh hùng vĩ.

Sự tích cây muỗm gắn liền với sự tích ngôi đền. Lúc đầu các già làng định xây đền ở nơi khác, nhưng khi khởi công thì thấy cây muỗm mọc lên ở khu đất cao ráo này. Cây lớn rất nhanh, mỗi ngày cao thêm chừng năm gang. Xung quanh gốc, cỏ chết hết. Đến ngày thứ chín, mây vần vũ trên khu đất, một tiếng sấm nổ ra rồi một bóng áo trắng bay lên trời. Sáng hôm sau, cây muỗm bỗng tốt quá đầu người và tỏa tán xanh mướt.

Các cụ bảo đó là điềm thiêng, khu đất cao ráo này mới là nơi Thần ngự, bèn bỏ địa điểm cũ, quyết định xây ngôi đền tại đây.

Cây muỗm và ngôi đền đã từng gắn bó với nhau hàng trăm năm nay như sông với núi, như trời với đất, như âm với dương, thế mà bây giờ phải chia lìa nhau!

Sáng hôm ấy, hơn mười trai làng vác rìu ra chặt thì chợt thấy chân hương cắm chi chít quanh gốc. Họ có cảm giác chờn chợn, gầy gầy lạnh. Nhiều bó hương còn ngun ngún cháy, chốc chốc lại bùng lửa. Khói bốc lên nhiều đến nỗi ám lại như sương trên những cành lá um tùm. Họ làm “kế hoãn binh”, ngồi tán dóc, uống nước chè xanh, hút thuốc Lào Sòng Sọc. Bác Chắt kể bước tới: “Các đồng chí chưa bắt đầu chặt à?” Họ lúng túng chưa biết trả lời thế nào thì một thanh niên chỉ cho bác thấy chân hương cắm đồ quanh gốc muỗm. Bác hiểu ý, tỏ vẻ tức giận, đôi mắt sáng quắc sau mặt kính cận: “Hừ... Các đồng chí lại mê tín dị đoan à?... Hừ!... Tối hôm qua bọn phản động lại bày ra cái trò này để cản trở công cuộc kháng chiến kiến quốc... Hừ!...”. Mãi về sau, dân làng mới biết rõ đầu đuôi sự việc: Một số cụ

già thương tiếc cây muỗm, trong nỗi thương tiếc có pha niềm tín ngưỡng, đêm hôm trước đã ra thắp hương khấn vái lần cuối cùng để rồi vĩnh viễn không được nhìn thấy cây muỗm nữa...

Từ khi mái đền không còn được bóng cây che mát, người ta đồn rằng có một đám mây trắng ngày đêm lớn vờn trên đó - đám mây đó chính là áo trắng của vị thần hiện về đòi lại cây xanh.

Cây đa Cồn Rộng đứng sừng sững giữa đồng không mông quạnh. Cây không mọc trên mặt đất bằng phẳng mà mọc trên cồn đất cao và rộng đến ba sào, cho nên cây càng được tôn lên vẻ đẹp uy nghi. Vốn lúc đầu người ta đắp một cồn đất giữa cánh đồng trũng, rồi trồng cây lên đó để bà con nông dân ăn trưa và nghỉ ngơi sau những giờ làm việc mệt nhọc. Cây đa dân dã ấy khi đã xanh um như hòn núi nhỏ thì trở thành cây đa thiêng: có thần cây đa trị vì và quỷ canh giữ. Người ta xây miếu nhỏ dưới gốc đa và hương khói thờ phụng những ngày mùng một, ngày rằm hằng tháng. Nơi đó không còn là nơi nghỉ mát. Người ít lui tới. Cỏ dại mọc um tùm. Cây đa bủa rễ phụ chẳng chịt như những vòng tay hung dữ ôm chặt ngôi miếu. Rễ chẻ đôi bệ thờ. Rễ quấn chặt bát hương.

Những trưa hè oi ả và những đêm khuya thanh vắng, gió nam thổi ù ù, từ gốc đa vọng ra tiếng hú ghê rợn, tiếng võng đưa kéo kẹt, tiếng ru hời ai oán. Thậm chí có người thấy cả bóng quỷ đầu trâu mặt ngựa đi lang thang. Nghe đồn rằng có một cô gái xinh đẹp ở làng chùa đi chợ về, đặt gánh ngồi nghỉ mát, quỷ đòi lấy làm vợ, cô ta khẳng khẳng từ chối, bị quỷ hiếp, mấy tháng sau cô đẻ ra một đứa bé mặt giống mặt ngựa.

Lũ trẻ cũng không dám vào đó chơi. Riêng thằng Bá rất liệ, nhiều lần Bá rủ tôi đến bắt chim, tôi không dám đi theo, Bá đi một mình. Tôi đứng từ xa nhìn tới, thấy Bá lao thoăn thoắt từ cảnh này qua cảnh khác. Đêm về, trong giấc ngủ, tôi thấy Bá đánh nhau với quỷ và quỷ thua bỏ chạy.

- Bá ơi, người ta bàn nhau chặt cây đa Cồn Rộng! - Ai bảo? Bá giật mình, hỏi lại tôi.

- Còn ai bảo nữa. Mai người ta chặt rồi! Một trung đội dân quân khỏe nhất ra chặt.

- Có thật không? - Thật!

- Cách mạng to gan.

- Người ta chọn những người khỏe nhất để nhổ ra thần thánh có vật thì cũng không vật nổi.

Sự thật diễn ra đúng như thế. Mấy chục dân quân to khỏe như trâu mộng vác rìu, búa, cưa, cuốc chim xông thẳng tới cây đa Cồn Rộng. Họ trương khẩu hiệu: “Cách mạng quyết thắng thần thánh ma quỷ!” “Đào tận gốc trốc tận rễ đầu óc mê tín dị đoan”. Thế là họ hùng hục đào, cuốc, chặt. Bát hương vỡ tung tóe. Bệ thờ nát thành vụn vụn, gạch vụn. Bỗng một tô rắn bung ra, rắn con rắn mẹ bò lổn ngổn. Tất cả bỏ chạy tán loạn. Mấy chục dân quân đánh tháo về nhà ngồi im thin thít.

Bác Chắt Kế biết được việc này, bèn cho họ một bài học về tinh thần dũng cảm của người chiến sĩ cách mạng: “Các đồng chí hãy gột sạch đầu óc cổ hủ thì mới xứng đáng là thanh niên của thời đại dân chủ cộng hòa... Hủ... Thanh niên mà sợ ma quỷ, sợ rắn rết... Hủ... thì tức là thanh niên của thời phong kiến, đế quốc... Hủ... các đồng chí phải ra quân dũng cảm...” Mấy chục người ngồi há mồm nghe bác diễn thuyết. Gương mặt bác vuông vức, sáng sủa, vầng trán cao, cặp kính cận long lanh càng tôn vẻ trang nghiêm của lời nói,

Sau bài học về lòng dũng cảm mà bác Chắt kể ban ra, cây đa Cồn Rộng nổi tiếng là linh thiêng, không còn được phép tồn tại nữa.

Cây đa Đập Trùn tỏa rộng tán giữa cánh đồng màu. Tiết tháng Năm, vào vụ thu hoạch khoai lang, cây đa càng được đặc dụng.

Nắng chói chang. Cả cánh đồng tấp nập đàn ông, đàn bà, trẻ con, trâu bò, cày bừa, gồng gánh. Khoai dỡ lên đở óng chất lại thành từng đống. Ban trưa, họ ngồi quây quần dưới bóng đá trò chuyện. Gió nồm mát rượi. Rổ khoai lang vừa mới đổ trong nôi đất ra, bốc ra mùi mật ngọt thơm. Ăn củ khoai lúc này mới ngon làm sao. Củ khoai bẻ đôi, bùi ngậy. Khoai nghệ vàng óng như mật ong. Khoai chiêm xốp bổ trắng tinh như bột. Khoai đường trong veo.

Trên vòm cây, chim sáo sà xuống hàng trăm con, kêu ríu rít, đùa nghịch, làm rơi bộp... bộp... những quả chín vàng nứt nẻ.

Trong cái vất vả, lam lũ của người dân đồng quê thì những phút nghỉ ngơi như thế này thật là hạnh phúc, mồ hôi đầm đìa, ngồi dưới bóng cây vừa nghe chim hót vừa ăn củ khoai béo ngậy đầu mùa. Thế mà bóng cây bị xóa đi, chỉ còn mồ hôi và nắng xối. Vụ thu hoạch khoai đầu tiên sau khi cây đa bị chặt, người nông dân ngồi túm tụm từng nhóm giữa nắng lửa, bàn tán:

- Lợi đâu chưa thấy, đã thấy cái hại ập đến trước mặt!

Cây đa xóm Bắc ở ngay đầu cổng xóm, tán tỏa rộng trùm lên ba, bốn sào đất. Kể chừng cây có trên năm trăm tuổi, vì các cụ già gọi là “cây đa phù Lê” tức là cây đã có công giúp vua Lê đánh giặc Minh. Cây lại ở đền thờ Bạch Y Thần tức là vị thần cứu vua Lê thoát khỏi vòng vây của giặc. Nhưng chắc chắn hơn, cây có tuổi thọ chừng hai trăm năm, vì trên mình cây còn mang những vết đạn của thời kỳ Cần Vương chống Pháp.

Cây đa xóm Bắc, chứng nhân của nhiều thời đại, pho sử của làng. Bộ rễ bủa tung ra, xoắn xuýt, hăm hở, dữ dằn, triu mến như cuộc đời người nông

dân cắm sâu vào đất đai quê hương. Thở gỗ cuồn cuộn vạm vỡ từ gốc đến ngọn. Sần sùi từng u gỗ phòi ra, rắn đanh lại. Khi cây bị xẻ, người ta còn thấy những mảnh đạn cắm sâu vào thịt làm méo mó những đường vân.

Bao nhiêu thế hệ thanh niên đã lấy gốc đa này làm nơi hò hẹn tình ái. Đêm trăng phượng vãi, trai các làng lân cận thường nhóm họp nơi đây, rồi đi vào các ngả xóm hát đối đáp với những cô gái quay xa kéo sợi. Trưa hè, nắng ngọt ngạt, sau bữa cơm cà với canh mùng tơi, người ta kéo nhau ra hóng mát. Tán đa trở thành mái nhà thiên nhiên lồng lộng gió. Người kể về hát những bài về theo điệu hát giặm: hài hước châm chọc, ngậm ngùi tình sử, hùng tráng thần tích. Không biết từ năm nào, thời nào, người ta lưu truyền câu chuyện “thần hát giặm” li kỳ và ảo não. Cô gái ấy có tài hát đối đáp với bất kỳ một chàng trai nào trong thiên hạ. Bỗng một hôm, cô gặp người trai lạ cất lên lời hát chín mươi chín câu hỏi. Cô không trả lời được và bèn hóa thân vào gốc đa. Cô vẫn được gái trai làng kính trọng và tôn là “thần hát giặm”.

Có thể nói cây đa này là nơi sản sinh ra nhiều bài về mang đậm đà tính thời sự, là quê hương của nhiều câu ca dao mượt mà, là cái nôi của nhiều mối tình dân quê trong trắng.

Bây giờ “thần hát giặm” đi đâu? Những người kể về phiêu dạt phương trời nào? Những cặp trai gái lấy nơi nào để hò hẹn? Cây đa bị triệt hạ như tổ ấm bị phá vỡ. Một khoảng trống của nỗi tiếc thương ngày ngày hiện ra đầu cổng xóm và hiện ra trong lòng người. Cho đến bao giờ, đến bao giờ mới có vòm đa khác thay thế che rợp cái khoảng trống ấy?

Cây đa xóm Trung gắn liền với câu ca dao:

Xóm Trung mà đổ cây đa

Cả làng Hậu Luật đàn bà chữa hoang

Cây mọc trên một cồn đất đầu cồn xóm nhô ra cánh đồng trũng giống hình một cái b. Đối diện cồn đất đó là một cồn đất khác hình tam giác giống như một cái 1. Bởi vì cái b. hoang chĩa vào cái 1. hoang thì con gái sẽ chữa hoang nhiều, cho nên phải trồng lên đầu b. một cây đa để chặn lại sự xâm lấn. Không biết cây đa đã trồng bao nhiêu thế kỷ rồi mà rễ phụ và rễ gốc bủa ra chằng chịt đan nhau như cái lồng nhốt chặt b. vào trong đó.

Nghe nói thuở mới trồng cây đa, cứ nửa đêm là cái cồn b. này quấy đành đập và cái cồn 1., đối diện cũng rung lên chờ đợi. Một hôm, cồn b. quấy mạnh quá làm đổ cây đa, tức thì trong làng có một cô gái chữa hoang. Cô ta xinh đẹp nổi tiếng và hát rất hay trong những đêm trăng phừng vãi. Bây giờ lỡ chuyện như thế, cha mẹ đánh đập, bà con khinh bỉ, làng đe dọa sẽ cạo trọc đầu bôi vôi, cô bèn nhảy xuống bến đò Oan tự vẫn.

Sau vụ cô gái chữa hoang làm rung động dư luận cả vùng Nam Diễn Châu, các cụ trồng lại cây khác và nghĩ cách làm cho thần b. không quấy rối nữa. Đàn bà, con gái đi chợ và đi làm đồng khi trời chưa sáng hơn, qua cồn b. thì dừng lại, quay mặt vào cây đa, tuốt váy lên. Các bà có con gái đến tuổi cập kê thì kỹ tính hơn, đêm đang nằm ngủ, hồ tỉnh dậy là chạy ra cồn b. kéo váy lên một chốc rồi quay về ngủ tiếp. Các bác nông dân dắt trâu cái bò cái qua cồn b. là thế nào cũng bắt trâu bò dừng lại quay đít vào cây đa. Nhà nào nghèo quá, không có trâu bò, đành bắt chó cái hoặc mèo cái làm cái động tác đó. Như vậy là thần b. đêm nào cũng được nhìn 1. không quấy nhiễu nữa. Cho mãi đến lúc cây đa to lớn, cường tráng, đủ sức trị lại thần b. thì phong tục cho thần xem 1. ban đêm mới được bãi bỏ. Từ đó, trong làng không có cô gái nào chữa hoang.

Chuyện xưa còn truyền lại như thế. Trong cuốn hương sử, cụ Phán Liễu có ghi lại việc này. Vậy mà bây giờ người ta dám chặt cây đa, thật là to gan. Các cụ sợ, sợ mà không dám nói thành lời. Một số cụ không cho con trai

mình đi chặt cây, nhưng ngăn cản thế nào được thanh niên thời đại mới. Họ xông ra chặt bảy ngày bảy đêm thì triệt hạ được cây đa. Riêng cái gốc, rễ cái rễ phụ nhiều quá và ăn sâu quá, đành chừa lại. Cây đa này rất to, bốn, năm người ôm mới khít vòng tay. Cây hạ xuống, cưa thành nhiều khúc, chở lên đường quốc lộ số bảy làm ụ kháng chiến.

Các cụ nói có sai đâu. Sau khi chặt cây đa, chuyện cũ lập lại, ba cô gái trong làng chữa hoang. Đau đớn thay cho cái làng từ xưa đến nay nổi tiếng là phép tắc nghiêm ngặt, nhiều người học hành đậu đạt. Thế mà bây giờ có con gái chữa hoang, không phải một mà những ba cô. Các bậc làm cha mẹ tỏ vẻ bất bình, tuyệt nhiên không cho con gái đi ngủ tập trung ban đêm ở trụ sở dân quân, tự vệ nữa.

Một hôm, lũ trẻ chúng tôi thả trâu ngoài đồng, rủ nhau đi cắt cỏ, chợt thấy trong bụi rậm một hình hài nhi đỏ hỏn. Mấy đứa chúng tôi nhìn nhau tái xanh mặt. Tôi bỏ chạy. Những đứa trẻ khác cũng bỏ chạy. Riêng thằng Bá trấn tĩnh lại rất nhanh. Bá gọi chúng tôi đứng vây quanh, phân công mỗi đứa một việc: đứa thì đào hố, đứa thì chạy về nhà lấy giẻ để bọc hài nhi, tôi ra chợ mua hương. Dưới sự chỉ huy của thằng Bá, chúng tôi tổ chức một đám tang chu đáo cho em bé chưa kịp cất tiếng khóc chào đời đã phải về bên kia thế giới. Tôi cắm nén hương lên ngôi mộ nhỏ, nước mắt đầm đìa.

Chỉ sau vài tiếng đồng hồ là chuyện này loang ra khắp làng. Người ta xôn xao bàn tán. Mẹ của đứa bé là ai? Mẹ nó là người làng mình hay người làng khác? Sinh đẻ giữa trời giữa đất thế này, mẹ nó có còn sống được không?

Cả tổng Thái Xá chỉ có một trường tiểu học. Trường ở cạnh làng tôi. Sân trường có ba cây phượng tuổi thọ đến gần nửa thế kỷ. Bóng rùm ròa tỏa mát khoảng sân rộng chừng ba sào đất. Hoa phượng là hình ảnh thân

thương của lứa tuổi học trò. Khi tiếng ve dóng dả thì hoa phượng cũng nở đỏ như ba vòm pháo bông khổng lồ. Hoa rụng xuống sân đầy đặc như một tấm thảm đỏ.

Trước cách mạng tháng Tám, tôi được cấp sách đến trường chừng vài năm. Tôi chỉ được hưởng hai mùa hoa phượng, nhưng suốt đời tôi không thể nào quên màu hoa ấy. Đằm thắm dường bao cái sắc đỏ của tuổi thơ, cái sắc đỏ của muôn vàn kỷ niệm không bao giờ phai nhạt. Sắc đỏ ấy là trang vở trắng tinh khôi, là tình yêu bè bạn, là lòng kính trọng thầy giáo.

Khi trận bão quét đổ cây phượng ở giữa thì cả trường nào động như một sự kiện bi thảm. Thầy trò ra sức dựng cây phượng lên, nhưng không thể nào dựng được, rễ cái bị bật chổng chơ trên mặt đất. Cây nằm xoài ngang sân đau đớn, dường như van lơn chúng tôi! “Các bạn ơi, lẽ nào các bạn lại bỏ tôi, hãy cứu tôi!” Thầy giáo cứ đứng lặng tê tái, ngậm ngùi nói: “Em nào tìm cách dựng cây phượng sống lại thấy cho ba điểm 10”. Nhưng dựng thế nào được nữa thầy ơi. Vĩnh biệt!...

Thầy giáo Cư quê ở Nam Định, vào làm giáo học ở đây khi con trai trẻ, rồi lấy vợ, sinh con, lập cơ nghiệp tại cái làng nghèo khổ này của xứ Nghệ. Mảnh đất quê người hóa thành tổ ấm của thầy hơn bốn chục năm. Ngôi trường nhỏ là tất cả tình yêu của thầy. Ngoài giờ dạy, thầy tu sửa, chăm chút quanh trường. Khi tấm biển trước của trường nhạt nước sơn, tự tay thầy quét lại sơn trắng và viết lại mấy chữ bằng sơn xanh l'école de Thaixa. Mỗi lần theo cha đến chúc mừng thấy trong dịp tết Nguyên Đán, tết Đoan Ngọ, tôi sung sướng như được sống trong ngày hội. Tôi mặc chiếc áo mới, xách túi quà, tung tăng đi cùng cha đến nhà thầy, lòng nôn nóng mong chóng tới để cúi xuống lễ phép cất lời “kính chào thầy” và nghe thấy khen “cháu dạo này học giỏi lắm”.

Gần nửa thế kỷ, thầy giáo, mái trường, hoa phượng đã từng in bóng vào tâm hồn bao lứa tuổi thơ. Dẫu đã về hưu, chiều nào thấy cũng tới trường vun luống hoa, trồng cây bàng hoặc quét mạng nhện ở cửa sổ.

Không thể tưởng tượng được nỗi đau của thầy đến mức nào khi nghe tin người ta sắp sửa chặt hai cây phượng để bán lấy tiền chi cho bữa ăn dân làng đắp bờ. Khi bắt đầu về thụ giáo ở đây, thầy trồng ba cây phượng. Thầy chăm bón cây như chăm sóc dạy dỗ học trò. Khi bão quật đổ một cây, thầy buồn đến đứt ruột. Bây giờ bỗng dưng người ta chặt nốt hai cây còn lại. Thầy gặp chính quyền để hỏi “vì sao lại chặt cây?” Mấy ông chính quyền trả lời: “Chặt cây để xây lại trường khác to lớn hơn”. Thầy thở dài. Lúc dân quân vác rìu ô ạt ra đứng quanh gốc cây, thấy lại đến van xin một lần nữa: “Năm mươi năm tôi trồng cây lớn được chừng này, các ông mà chặt nó thì tôi khổ tâm lắm”. Mặc, những lưỡi rìu phũ phàng vẫn chém vào gốc cây như chém vào lòng thầy. Thầy đành chịu bó tay, đứng bần thần. Rồi thầy lại lủi thủi lên gặp ủy ban xã: “Công tôi trồng, tôi chăm bón nó mấy chục năm trời. Bây giờ nó không được sống nữa thì các ông cho tôi mua gỗ đem về nhà...”.

VIII

tập trung tổ tiên

Hôm nay cả làng nghỉ lao động để làm một trong những việc trọng đại nhất trong lịch sử làng: tập trung tổ tiên. Quy hoạch xây dựng lại làng xóm để người sống ở tập thể chưa thực hiện được, thì thực hiện trước cho những người đã mất. Đối với người sống, khó lắm! Chặt tất cả các cây cổ thụ chỉ mới là triệt hạ cái cũ, còn cái mới thì chưa dựng lên được. Muốn dựng một làng mới theo quan niệm thế giới đại đồng, phải có vôi có gạch, phải lắm tiền nhiều của để xây từng dãy nhà dài cho từng giới và từng lứa tuổi nam, phụ, lão, ấu. Lại cần phải xây một cái bếp thật lớn có nhiều nồi, nhiều bát đũa, nhiều mâm. Nhiều khê lắm. Thôi, người đang sống cứ tạm ở như vậy đã, mời hồn người chết tập trung về ở một nơi, dễ dàng hơn, chỉ một ngày là làm xong!

Phong tục hình thành bền vững hàng trăm hàng ngàn năm, nhưng “cách mạng” cái phong tục này lại quá đơn giản, tập trung bà con để giải thích ý nghĩa của công việc. Sáng hôm sau từng gia đình rước tổ tiên đến nhà thờ họ. Rồi từ nhà thờ họ, tổ tiên lại được trược đến nhà thờ đại tôn. Như vậy là cả làng chỉ có một nơi thờ tự, tất cả mọi bàn thờ cá thể bị phá bỏ.

Lũ trẻ chúng tôi nghỉ học. Tôi rủ Bá, Bàng, Thiều, Dân, Viễn... chạy lóng nhóng khắp làng để xem rước. Tôi cảm thấy sung sướng vô cùng. Từ ngày cách mạng thành công đến nay, kéo dài liên miên những chuỗi ngày hội hè, đời mở ra trước mặt một chân trời rộng rãi. Chỉ có cách mạng mới gieo vào lòng tôi niềm vui lớn như thế. Chỉ có cách mạng mới bảo ban bà con nông dân cổ hủ làng tôi thay đổi nếp sống nhanh chóng đến thế.

Tôi chạy trên đường làng, đôi chân nhẹ nhàng như chạy trong đám mây của miền tiên giới. Không thể đi chậm được, cũng không dừng lại ở đâu quá vài phút. Tôi chạy thật sự theo đúng nghĩa đen của từ “chạy”. Chạy để hưởng tất cả mọi niềm vui, không để sót một niềm vui nào dù rất nhỏ. Tôi chạy từ nhà này qua nhà khác, từ nhà thờ họ này qua nhà thờ họ khác, từ nhà thờ đại tôn đến cổng làng, từ cổng làng về nhà mình. Như một con thoi, phơi đầu giữa nắng hè, tôi chạy...

Có đám rước nào trên thế gian độc đáo như đám rước của làng tôi ngày hôm nay? Hai trăm gia đình tổ chức hai trăm đám rước cùng một lúc. Mỗi gia đình một vẻ, muôn hình muôn sắc. Nhà giàu thì rước to, nhà nghèo thì rước nhỏ. Nhà đông con cháu thì đám rước đông, nhà ít người thì đám rước bé. Bố, mẹ, con, cháu rối rít thành đoàn lũ. Có nhà rước giá gương. Có nhà rước cọc đèn Sơn đỏ. Có nhà rước bát hương... Tội nghiệp cố Tuấn không vợ không con, đám rước chỉ có một mình cố, hai tay bưng cái bát đàn sứt miệng đổ đầy cát cắm mấy cây hương đen cháy ngậm ngùi... Bà Đồn cũng một gia cảnh tương tự như vậy. Bà đi làm thuê suốt ngày, tối về nằm cong queo trên cái chõng tre trong túp lều gianh lụp sụp. Trên sáu mươi tuổi rồi, có bao giờ bà thờ cúng ai đâu, có tham dự một đám hội nào đâu. Giữa ngày vui lớn này, bà cũng được tổ chức đám rước, được dự hội. Hai cái bát đàn dùng cho bữa ăn, bà đành liều lấy một cái bát đổ cát vào và cắm hương, tự mình trước đến nhà thờ họ. Bát hương của bà cũng được đặt ngang hàng bát hương của những nhà giàu có. Bà cúi xuống vừa chấp tay lạy vừa lau nước mắt... Đám rước của nhà bà Cựu Diễm lớn nhất. Thăng Viễn là con trai bà, hẳn chỉ đi chơi với chúng tôi một chốc rồi về dự rước cùng gia đình. Nhà bà khá đông, khoảng chục người, sắp hàng chỉnh tề. Đoàn người vừa ra khỏi cổng ngõ thì cả xóm xúm lại xem. Dẫn đầu đoàn là một người bê giá gương, người thứ hai bên chiếc bát hương to có đế gỗ, người thứ ba cầm cọc đèn, thăng Viễn đi thứ tư cầm chuông vừa

bước chậm chạp vừa gõ, rồi tiếp đến những người khác cầm câu đối và liên thờ phấp phới màu đỏ màu vàng. Từ nhà bà đến nhà thờ họ chỉ chừng hơn trăm mét mà đi hết gần tiếng đồng hồ. Trẻ con ríu rít theo sau làm cho đám rước trở nên long trọng, đông đến ba, bốn chục người.

Tổ tiên của các gia đình được nước đầy đủ về nhà thờ họ, ông tộc trưởng chỉ huy đám rước chung của cả họ ra nhà thờ đại tôn. Già, trẻ, trai, gái trong họ hầu như không thiếu một ai. Cho nên đám rước của họ nào cũng đông, cũng lớn, vừa nghiêm trang vừa lộn xộn: có ông già bê giá gương, có bà già bê bình hương, có cô gái cầm lọ hoa giấy, có cậu bé cầm cờ lông công, có bác trung niên bê mâm bông... Cả làng tôi có tới mười tám chi nhánh họ, cho nên các đám rước ra khỏi nhà thờ họ một đoạn là gặp nhau. Họ này nhường đường cho họ kia, vùng xình gần hết ngày mới hoàn thành việc rước tổ tiên.

Riêng nhà tôi, cha đã soạn sửa bàn thờ từ chiều hôm trước. Để bà con lảng giềng không biết, mãi đến tối mịt cha mới đem trưng tất cả các đồ tế khi mà trước đây chỉ ngày tết mới trưng ra: đĩa son, bát trái hồng, đĩa cây trúc, đĩa con phượng, đôi hạc đồng ngâm hoa sen, mâm đồng... Tôi xúng xảng bên cạnh cha, cũng soạn cái này sửa cái kia để làm vừa lòng cha. Tẩn mẩn tôi hỏi: “Đến mai là tết à, cha?” Cha lặng lẽ trả lời: “Ông bà, tổ tiên chỉ được hưởng những thứ này lần cuối cùng thôi con ạ. Sớm mai ông bà đi tập trung rồi, có về nhà mình nữa đâu”. Cha thắp thỏm suốt đêm, rất ít ngủ, lúc thì dậy thắp hương, lúc thì thay nước cúng, lúc thì thay rượu cúng. Gà gáy canh năm, cha đã thu dọn tất cả các thứ trên bàn thờ, cất vào hòm gỗ sơn. Có lẽ cha sợ để đến lúc sáng bạch, người hàng xóm sang chơi, biết nhà mình cúng lễ long trọng quá sẽ bị phê bình... Mẹ tôi hình như thâu đêm không ngủ, quá khuya mới đi học về. Mẹ lo vo nếp, làm thịt gà để cúng. Trước khi rước ông bà đi tập trung, mẹ tôi đúng chấp tay khấn. Ở, sao lạ thế, chưa hề bao giờ tôi thấy mẹ khấn. Những ngày giỗ ngày tết chỉ

có ông hoặc cha khấn, chứ đàn bà con gái có được khấn đâu. Thế mà bây giờ, lần đầu tiên, mẹ khấn. Đang khấn dở chừng, bỗng nhiên mẹ òa khóc, chạy vào buồng. Tôi chạy theo mẹ, hỏi tại sao mẹ lại khóc, mẹ không trả lời, tôi cũng khóc theo. Mẹ nói nhỏ với tôi qua nước mắt: “Con ra khấn ông bà đi, lớn lên con không được khấn nữa đâu...”. Tôi làm theo lời mẹ dặn. Hai tay chắp lại khấn tổ tiên mà lòng tôi lại hướng niềm kính trọng về mẹ. Trong gia đình, mẹ là người chuốt tốt nhất trong việc thờ phụng ông bà. Những năm mất mùa, đói kém, đến ngày giỗ ông bà, cha tôi bảo chỉ thắp hương tưởng nhớ là được rồi, nhưng làm thế mẹ không yên lòng, thế nào mẹ cũng chạy vạy mua được cân nếp về thổi xôi để cúng. Mẹ chỉ mới đến ở cái nhà này mấy chục năm, nhưng trong tâm tưởng mẹ, dòng máu huyết tộc thiêng liêng đã chảy từ thời xa xưa cho đến đời tôi bây giờ và cả đời cháu đời chắt sau này nữa. Phận làm dâu, chữ hiếu thật là lớn lao. Bây giờ mẹ lại thêm một vai gánh công việc đoàn thể. Mẹ lo lắng cho tròn cả hai bên. Người mẹ ngày càng gầy xòm. Phải tiễn ông bà, tổ tiên đi tập trung, mẹ buồn, nhưng mẹ cố giấu đi, sợ nước mắt chảy ra, các đồng chí lại chê cười là mẹ chưa gột rửa được đầu óc cổ hủ.

Bác Chắt Kể là chi trưởng của một chi họ Võ. Nhà bác là nhà thờ của ông tổ chi trên. Ngày hội hôm nay bác không thể vắng mặt. Bác mở cửa nhà thờ để bà con họ hàng rước bài vị đến. Các chi khác có tổ chức mâm cỗ sơ sài, sum họp một lần cuối cùng để rồi vĩnh viễn không đến nhà thờ nữa. Riêng chi bác Chắt kể, chi có trầu và nước chè xanh, đám rước cũng xuềnh xoàng... Vài ba hôm sau, bác Chắt Kể cũng giỗ cụ, Bác cùng mấy người con nghiêm chỉnh ra nhà thờ đại tôn, bảo ông từ mở cửa, vào đúng bàn thờ riêng của nhà mình, đặt nải chuối, đĩa trầu, thắp hương, khấn vái, rồi lại mang lễ vật về. Cử chỉ của bác nêu cho dân làng ba bài học: một là cúng tổ tiên nơi tập trung, hai là tiết kiệm thời gian, ba là tiết kiệm vật chất, tránh chè chén linh đình.

Tổ tiên đã rước đi nơi khác, bác Chắt Kế biến gian nhà thờ cũ thành nhà ở cho cô con gái mới lấy anh bộ đội. Việc này bác làm vội vã quá. Dẫu không cúng tổ tiên ở đó nữa, nhưng vẫn còn cái hơi hướng thiêng liêng của một ngôi nhà thờ qua nhiều năm, ai lại biến thành cái phòng tân hôn. Nhiều cụ ông cụ bà bất bình, xầm xì: “Có đời thuở nhà ai lại đem nhà thờ làm cái nơi ngủ của bà O với ông Dương. Đời sống mới gì mà lạ thế? Đời sống mới đến đâu cũng phải giữ lấy nề nếp gia phong chứ”. Có người đánh liều nói nhỏ với bác Chắt Kế. Bác đỏ mặt, tức giận. Lần đầu tiên bác giận vì có người dám phản bác mình.

Sau cuộc rước tổ tiên tập trung về một nơi, tất cả các nhà thờ họ trong làng đều bị phá. Có nhà thờ biến thành địa điểm hội họp. Có nhà thờ biến thành kho phân. Hầu hết các nhà thờ đều dỡ ra, cùng với những đồ tế tự, đem chia đều cho mọi người: người được gạch, người được cái cột gỗ, người được cái xà ngang, người được cái án thư, người được cái trường, người được chực bát....

Thế là thôi, hết nơi thờ tự, hết nơi sum họp huyết tộc. Các dòng họ bỗng dưng ly tán.

Cả làng chỉ còn lại một nhà thờ đại tôn. Mỗi năm một lần giỗ tổ vào ngày 24 tháng Tư âm lịch. Trước kia, đến ngày giỗ, làng

mở hội linh đình. Nhưng nay thì vắng tanh, vắng ngắt, may ra có dăm bảy cụ đến thắp hương, ăn trầu, rồi im lặng ra về. Thậm chí, có năm chẳng cụ nào đến cúng, chỉ có ông từ tha thối vào điện thờ một mình.

Cách đây chừng bảy trăm năm, ông Võ Chính Đạo từ ngoài Bắc vào, chiêu dân lập ấp. Hình như thuở ấy, sau khi đánh thắng quân Nguyên, nhà Trần tổ chức di dân vào đây khai phá đất hoang. Ông Võ Chính Đạo dừng chân bên sông Bùng, nhìn thay thế núi Hai Vai dựng phía tây, biển Đông mở

ra trước mặt, bèn cắm đất dựng làng. Cuộc đời của ông Tổ mang đầy huyền thoại, trong gia phả có ghi lại mấy mẫu.

Từ ngàn dặm xa xôi phương Bắc vào, mệt quá, ông nằm ngủ mê man trên bờ sông Bùng. Trong giấc mộng, ông thấy rồng cõng ông bay lên chu du khắp vòm trời. Khi tỉnh dậy, ông hóa thành người khổng lồ đầu gối lên núi Hai Vai, chân duỗi ra bể Đông. Ông vươn vai và trở thành ông Đùng. Ông giết hết rắn rết, hổ báo, gọi dân về cày cấy. Sau khi ông mất, dân làng tôn ông là đức tổ Triệu Cơ và lập nhà thờ tưởng nhớ ông, gọi là nhà thờ đại tôn.

Chín mươi chín phần trăm dân làng là họ Võ. Về sau, một Số gia đình họ Trần, họ Đào, họ Dương, họ Lê, họ Nguyễn đến xin ở, cũng tôn ông tổ họ Võ là ông tổ của mình và cùng thờ cúng ở nhà thờ đại tôn.

Mấy trăm năm qua, nhà thờ đại tôn chỉ thờ đức Triệu Cơ một cách tôn nghiêm, bỗng dưng bây giờ thờ đến hàng trăm người quá cố. Như thế là ông tổ Triệu Cơ cùng bình đẳng với trẻ em, thậm chí cả lưu manh, kẻ cắp và ăn mày. Nhiều cụ tỏ vẻ không bằng lòng, nhưng cũng đành im cho xong chuyện, thời nào theo phép ấy, chống lại làm sao được.

Đã thế thì đành phải thế. Chi hiếm một nỗi là nhà thờ chỉ có ba gian, mà phải đặt hồ lớn đủ các đồ tế tự: long ngai, hạc gỗ, giá gương, bát hương sứ, bát hương sành, thậm chí cả bát sứ bát mẻ, nhiều điều rách che giá gương... Ôi thôi, trăm thứ bà rần chen chúc nhau lộn xộn. Còn ra thể thống gì nữa! Còn gì là tôn nghiêm nữa! - Nhiều cụ thấy tình cảnh như vậy, chán nản, không muốn đến dự ngày giỗ Tổ. Nhà thờ đại tôn càng ngày càng hoang vắng. Ngói vỡ. Tường gạch loang lổ từng mảng. Câu đối bị đánh cắp. Trẻ em viết nguệch ngoạc, bậy bạ lên cánh cửa...

Đùng một cái, ông bí thư đảng ủy của xã quyết định lấy nhà thờ đại tôn của họ Võ làm kho thóc. Các cụ không thể ngồi yên, bàn với nhau: “Cả làng

chỉ còn lại một nhà thờ mà ông Đảng cũng đòi chiếm làm kho thóc thì thờ cúng vào đầu. Con cháu vô ơn bội nghĩa với tổ tiên à? Phải kêu lên tận đảng ủy”. Lời kêu đặng vào tai ông bí thư, ông ta đành mặt nói như búa bổ: “Đồng bào miền Nam hy sinh xương máu không tiếc, bà con ta ngôi ở hậu phương lại tiếc cái nhà thờ Tổ!” Các cụ ầm ức, nhưng đành phải buông tay xót xa nhìn ngôi nhà thờ biến thành kho thóc.

IX

tập trung thần, thánh, phật

Dòng sông Bùng chảy qua cánh đồng làng tôi tuy không lớn nhưng nó là huyết mạch tình cảm từ lâu đời. Bến đò ngã ba sông trở thành nơi hò hẹn của những đôi trai gái trong các phiên chợ Si, chợ Chùa, chợ Lèn, chợ Mới. Bao nhiêu đêm trăng, đám trai làng đã đóng bè chuối vượt sông để hát đối đáp với con gái làng bên. Con sông tình và cũng là con sông thần thoại. Sự tích các thần trong làng đều ít nhiều quan hệ với dòng sông. Đã có một thời người ta tin rằng dòng sông thiêng liêng này là dòng sống của các vị thần, cho nên hai bên bờ sông được giữ gìn rất sạch sẽ. Trong dịp kỷ niệm hằng năm, dân làng làm những con thuyền tre dán giấy màu sắc sặc sỡ thả xuống sông để các thần du ngoạn.

Sông Bùng là cái nôi sản sinh ra các vị thần. Vì thế trong làng có nhiều đền thờ thần. Ông Đùng đã dùng bàn tay khổng lồ se đất mở nên sông Bùng để tiêu nước cánh đồng trũng ra bể, Thần Cửa Thung từng đánh nhau với lũ thủy quái để ngăn nước mặn thủy triều ngập vào đồng lúa. Thần Áo Trắng đã cứu vua Lê thoát khỏi tay giặc Minh ngay bên bờ sông... Ngoài các vị thần còn có các vị thánh, các nhân vật lịch sử có công với làng xóm, còn có cả chùa thờ Phật, miếu thờ những vong hồn bất hạnh... Hồi Tây mới cai trị nước ta, một tên cố đạo dẫn lính vào làng, định phá nhà thờ đại tôn để xây nhà thờ Thiên Chúa giáo. Dân làng uất ức tìm cách đối phó. Một người đàn bà tứ cố vô thân, nấp trong bụi cây, rình lúc cố đạo vừa bước vào cổng làng, bà xông ra cởi váy đập túi bụi vào mặt cố đạo. Bị cú trả thù bất ngờ và choáng mát, cố đạo chạy, không dám quay lại nữa. Và bỏ ý định xây nhà thờ đạo.

Đền chùa miếu mạo nằm rải rác trong làng và cả ngoài cánh đồng. Nhưng làng tôi ở giữa vùng chiêm trũng, cứ vào tiết tháng Tám, hễ mua một đêm là nước ngập trắng mênh mông, làng biến thành hòn đảo. Qua nhiều đời, dân làng đã ra công đắp những gò đất cao để xây đền, chùa - những gò đất này vừa tôn vẻ sầm uất, linh thiêng, vừa có tác dụng về thủy lợi. Đình chùa cùng với những sự tích huyền thoại đã góp phần rất lớn vào sự hình thành lịch sử và nền văn hóa của làng tôi, đã góp phần tạo nên phong tục tốt đẹp và tình cảm, nhân nghĩa của bao nhiêu thế hệ. Tuổi thơ tôi đã từng được bắt rễ sâu thắm thắm vào các tầng đất đai của quá khứ. Một nét cong đầu đao của mái đình, một pho tượng Phật, một ánh nến trong điện thờ, một vòm cổ thụ thâm u che rợp ngôi miếu đều in bóng trong hồn tôi và lung linh mở ra những vầng mây thần thoại.

Sẽ còn lại gì sau khi các vị thần vị thánh tập trung về một nơi?

Sẽ còn lại gì sau khi các ngôi đền ngôi miếu bị phá và các gò đất bị san bằng? Sẽ còn lại gì để làm cái cầu cho các thế hệ mai sau trở về thăm lại tiền nhân?

Tất cả các thánh, thần, phật ở rải rác cá thể trong thôn trong xã đều phải về ở tập trung tại đền Hàng Khoán dưới chân núi Hai Vai! Đó là lệnh của chính quyền địa phương, không ai được cưỡng lại.

Trời ơi, cái cú tập trung ông bà, ông vải, tổ tiên đã làm cho mọi người choáng, bồi thêm cái cú tập trung thần thánh này nữa có thể làm cho dân làng bị ngất!

Lệnh ban ra quá gấp, cho nên đình chùa miếu mạo chỉ có thể tổ chức cùng một đêm lễ tiễn đưa thần thánh. Nhiều ông cụ, bà cụ tất tưởi chạy hết miếu này đến miếu kia qua chùa nọ để thắp hương, để khấn vái, nhờ bỏ sót một nơi nào trong giờ phút tiễn biệt thiêng liêng thì sợ thần thánh giận.

Mẹ tôi đi họp suốt mấy ngày đêm để cùng với đoàn thể bàn việc trọng đại này. Đêm cuối cùng, tan họp thì đã qua giờ tý, mẹ cũng lén lút cầm mấy bó hương đi làm lễ tiễn đưa thần thánh. Nhưng đêm sắp chuyển về sáng rồi, mẹ chỉ đến được một ngôi chùa và một ngôi miếu. Lúc trở về, mẹ mệt như người, mặt bệch bạc vì mất ngủ. Chẳng ăn uống gì cả, mẹ nằm xoài trên giường. Tôi lặng lẽ đến ngồi bên cạnh, mẹ nói: “Cách mạng triệt để con ạ! Chủ nghĩa cộng sản là tập thể hóa. Thần thánh tập thể trước, sau đó sẽ tập thể người. Không biết đời mẹ có được hưởng thế giới đại đồng không? Chắc chắn đời con thì sướng lắm. Con cố học cho giỏi...”. Nghe mẹ nói, người tôi cứ rung rung. Chợt thấy khóe mắt mẹ đầm ướt. Tôi hỏi: “Làm cách mạng sao mẹ lại khóc?” Mẹ không trả lời. Hình như trong lòng mẹ đang nén lại một điều gì khó bộc lộ cho ai biết.

Bọn trẻ chúng tôi lại được một phen chơi bời thỏa thích. Tôi nhớ trong một cuộc họp của đội Nhi Đồng cứu vong, bác Chắt kể có nói “cách mạng là ngày hội của quần chúng”. Càng suy tôi càng thấy đúng. Hết hội rước ông bà, tổ tiên tập trung về nhà thờ đại tôn, lại tiếp đến hội trước thần thánh tập trung về đền Hàng Khoán. Sau cuộc hội này không biết sẽ còn những cuộc hội nào nữa?

Tất cả các đền, chùa, miếu, nhà thánh đều sáng trưng ánh nến, khói hương nghi ngút, trống chiêng ồn ã, tấp nập người vào ra. Náo nhiệt khắp làng xóm một không khí tiễn đưa thần thánh. Có tiếng reo của trẻ con. Có nụ cười gặp gỡ của trai gái. Có nước mắt của các cụ già. Có lẽ thâu đêm suốt sáng thần thánh cũng không ngủ. Thần thánh bồi hồi về cuộc đời lớn lao này? Hẳn là thế. Hàng mấy thế kỷ qua, mỗi vị thần ngự một điện thờ riêng, mỗi vị thánh hưởng một mùi hương riêng, nay sắp được về ở tập thể, các vị tránh sao được nổi chờ đợi nôn nao. Không có đường dây liên lạc, mà tin truyền đi rất nhanh - những cái tin rất thiêng. Pho tượng đức thánh Khổng Tử ở nhà thánh của hội Tư Văn bỗng nhiên mặt đỏ bừng

bừng. Pho tượng Phật ở ngôi chùa xóm Trang Hà bỗng lắc lư làm rung cả tòa sen. Bình hương ngôi miếu sau đền bỗng nhiên bốc lửa. Long ngai ở nhà thánh tổng bỗng nhiên chảy máu.

Từ đền này đến miếu kia, từ chùa này đến nhà thánh nọ, tin truyền như con thoi. Các cụ càng chăm chú ra sức lễ bái. Khói hương bay ngọt ngọt đến tức thở. Qua ánh nến mờ ảo, các pho tượng, các long ngai, lư hương, cọc đèn, hạc gỗ, giá gương đều rung lên một vẻ tôn nghiêm khác thường. Hàng chục cây nến hồng nhỏ nước mắt lã chã.

Hồi làm nhà thánh tổng Thái Xá, ông nội tôi cũng một số tiền cho nên được Hàng Tổng phong là “ông tổng Quyền”. Sau khi ông qua đời, cha tôi chăm đi lễ thánh, gọi là để giữ cái gia phong do ông truyền lại. Đêm nay, cha tôi đi dự ở các miếu, chùa rất nhanh, nhưng dừng lại khá lâu ở nhà thánh tông. Khi cha bước vào, các cụ tỏ vẻ trọng vọng: “Mời ông tổng Quyền vào... Ông tổng Quyền thắp hương tiện thánh đi... Ông tổng Quyền dâng rượu tiên thánh đi...”. Thường ngày, người ta gọi cho tôi theo tên của chị cả tôi: ông Đoan. Giữa giờ phút long trọng này, người ta gọi cha theo tên của ông nội tôi: ông tông Quyền. Tôi cảm thấy tự hào. Đứng ngoài cửa, tôi dõi nhìn cha tôi khắp xếp, mặc áo lương dài, bước từng bước thận trọng qua nhiều tầng án thư, rồi dừng lại trước pho tượng Khổng Tử: chắp tay lại và cúi đầu một hồi lâu. Từ sau cách mạng tháng Tám thành công, cha làm chủ tịch thôn, chẳng bao giờ trang phục lễ hội, thế mà đêm nay, có lẽ là lần cuối cùng, cha tôi đội cái khăn xếp và mặc chiếc áo lương. Có lẽ cũng là lần cuối cùng cha được nghe các cụ già gọi một cách trân trọng “ông tổng Quyền”. Xem cha lễ xong ở nhà thánh tổng, gà đã gáy canh ba, tôi theo bọn thằng Bá, thằng Viễn đến đền thờ vị thần Áo Trắng. Đây là đền thờ lớn nhất và thiêng nhất ở làng tôi. Đền nằm giữa một khu rừng rậm rạp, có cây muỗm cao sừng sững như cái tháp xanh khổng lồ. Ông từ nói: ngày mồng một và ngày rằm hằng tháng, ông vào thắp hương thường thấy

hai con rắn mào đỏ châu hai bên ngai thờ. Cứ mỗi năm, đến ngày hội, ông thường thấy vị thần Áo Trắng hiện về như một áng mây nhẹ nhàng bay từ bờ sông Bùng qua rừng rậm đến mái đền rồi bay vào hậu cung... Ai đi qua cửa đền cũng phải cất nón. Những người đang có đại tang không được vào đền lễ bái và không được đi qua đền. Một lần, có người đàn bà đầu thắt khăn đại tang quê bên kia sông, đi chợ Len về qua cổng đền, bị hộc máu chết tươi tại chỗ. Lũ mục đồng chúng tôi mỗi lần sắp đến cửa đền là phải xuống trâu... Vẻ đẹp tôn nghiêm của ngôi đền càng được giữ gìn qua trường tồn năm tháng. Cây mọc lên ngày càng nhiều, cổ thụ ngày càng cao hơn, bao bọc mái đền như tán long ngưỡng vọng của dân chúng qua nhiều thế hệ che chở sự bền vững của lịch sử.

Thần phả còn được cất giữ cẩn thận trong hộp sơn son thiếp vàng đặt ở thượng điện. Trong cuốn Lam Sơn thực lục, Nguyễn Trãi cũng ghi: “Vua cùng với Lê Liễu chạy đến bên sông Khả Lam thì thấy một người đàn bà mình mặc áo trắng, đeo xuyến vàng và thoa vàng, chết nằm ở đấy - Vua và Liễu ngửa mặt lên trời và khẩn rằng: Ta bị giặc Minh đuổi, xin giúp ta thoát nạn, sau (nếu ta) định được thiên hạ, sẽ lập miếu thờ, hễ có lợn bò cúng tế xin cúng trước”.(Vua và Liễu đắp mộ chưa xong thì giặc xua chó ngao đến. Vua và Liễu chạy vào gốc đa. Giặc lấy mũi giáo đâm vào đùi bên tả Liễu. (Liễu) lấy tay xoa cát nắm vuốt mũi giáo cho hết vết máu. Bỗng có một con chồn trắng (từ gốc cây) chạy ra, chó ngao đuổi theo chồn. Giặc không nghi ngờ (trong cây có người) nữa, liền bỏ đi. Vua nhờ vậy được thoát, khi định xong thiên hạ, (vua) phong thần áo trắng làm Hoàng Hưu đại vương”.

Thần tích ghi là Bạch Y Thần tức là vị thần áo trắng này. Đêm nay là đêm hội cuối cùng tại ngôi đền. Nghi lễ được tổ chức long trọng như ngày hội lớn. Hai dây cờ tả hữu phát phới bay. Ngọn cờ đại bằng ni thêu chữ “Thần” quanh đặc lượn sóng. Cửa tam quan mang nhiều vết đạn thời kỳ cụ Nghè Ôn đánh Pháp bỗng ngời sáng màu ngọc bởi nhiều ngọn nến. Những giải

cờ đỏ gắn lục lạc cắm đầy trên cửa chính của phủ, gió thổi vô hồi, lục lạc reo tung bừng.

Trong điện thờ, các cụ từng đôi một đi hai bên dâng rượu, dâng hương. Cụ chủ tế mặc áo thung đỏ vừa “hơng... bái...” vừa nước mắt chảy ròng ròng. Các cụ khác, cứ ba người một thay nhau vào tấm chiếu hoa trái trước án thư quỳ lạy. Có cụ thụp đầu xuống rất lâu ngỡ như bị ngất vì cảm xúc động lớn. Không xúc động làm sao được! Thần đã cứu vua Lê thoát khỏi nanh vuốt giặc Minh. Thần đã phù hộ cho dân làng vượt qua trăm nghìn trận nguy nan. Sáng mai Thần phải đi tập trung, Thần phải vào thế giới đại đồng cùng với các vị thần khác trong xã. Chỉ còn một đêm, một đêm nay nữa thôi mà. Thần ở với dân làng, cuộc tiễn biệt này nặng nề quá sức chịu đựng của các bậc cao niên.

Trống gióng. Chuông đổ hồi. Lục lạc reo. Rượu cứ rót. Hương cứ thắp. Và “hơng... bái...”. Và quỳ lạy. Một cụ già khi dâng rượu, đứng khấn rất lâu, rồi gục xuống dưới chân ngai uy nghi sơn màu đỏ, phải có người lên dắt cụ mới tỉnh lại. Trong lòng mỗi già làng đêm nay đều phân ra làm hai nửa bằng nhau: một nửa là thành kính thần thánh, một nửa là tin theo thế giới đại đồng, vừa muốn Thần ở lại với dân làng, vừa muốn Thần đi tập thể để làm gương cho con cháu.

Lễ hội kéo dài đến tận tàn canh. Trời bừng sáng. Không thể nấn ná thêm được nữa. Đã đến giờ tiễn đưa Thần. Lòng các cụ rối bời như tơ vò. Ông chủ tế trong các ngày lễ chỉ đứng làm nhiệm vụ “xướng” như người chỉ huy dàn nhạc, bỗng nhiên ông phá mọi luật lệ bình thường, chạy đến gục đầu dưới chân ngai, khóc nức nở như trẻ nhỏ.

Không thể nấn ná được nữa, mười sáu thanh niên lực lưỡng ghé vai khiêng kiệu “loan giá”. Kiệu đi rất chậm tường như hàng thế kỷ mới nhích được một bước, vì người chen chúc xô vào đông quá. Các già làng xếp hàng

đi sau kiệu, mặt iu xiu như bánh đa ngâm nước. Không ai bảo ai, tất cả mọi già làng đều òa khóc.

Thế là thôi, thế là xong, kiệu đã ra khỏi cửa tam quan... Cuộc tiễn biệt đau buồn như cuộc vĩnh biệt...

Thần đã đi rồi. Thánh đã đi rồi. Phật đã đi rồi. Những ngôi đền, ngôi chùa, ngôi miếu như cái xác không hồn... Dân tử chiến tranh nhau cướp giết mang đi: người được hòn đá tảng, người được cái cửa vọng, người được viên ngói viên gạch, người được cái cột gỗ...

Ôi tan hoang đến tột cùng tan hoang sau cuộc rước các thánh về thế giới đại đồng. Tại nhà thờ thánh, tượng Khổng Tử lăn long lóc như người ăn mày tha hương chết đường chết chợ, bị trẻ con ném cút vào mặt. Tại ngôi chùa Trang Hà, hàng chục pho tượng đổ ngổn ngang, bị lũ mục đồng ném bùn lấm láp nước sơn. Cái giếng hình bán nguyệt trước cổng chùa đẹp đến thế mà cũng bị phá phách, cày xới để trồng lúa. Mấy tấm đá ghép cầu bị bê lên làm hố tiêu. Mấy chiếc bia lớn ở nhà thờ thánh tổng, cái thì đem bắc cầu, cái thì bị bọn mục đồng khiêng đi làm trò chơi rồi ta đá vung vãi lên mặt bia.

Còn đền thờ Bạch Y Thần thì sao? Khu rừng cổ thụ đã được đoàn Thành Niên Cứu Quốc phá sạch sành sanh để trồng khoai theo lời kêu gọi “tắc đất tắc vàng” của ủy ban kháng chiến. Cây muỗm mấy trăm năm đã bị đào tận gốc trốc tận rễ, Mùi phân bắc, phân lợn, phân trâu bò xông lên hôi hám khắp cả khu đền cũ. Thượng điện biến thành kho phân. Hạ điện biến thành nơi hội họp. Cửa tam quan bị san bằng hoàn toàn, không còn lại chút dấu vết oanh liệt xưa. Nhà tả mạc, hữu mạc bị phá trụi và được dựng lên đó những túp nhà gianh của các gia đình nghèo khó,

Không còn nữa mùi hương ổi của khu rừng cũ để bọn trẻ chúng tôi vào hái những ngày tháng Bảy. Không còn nữa mùi hương mít quýt rữ vào dịp

đầu thu. Không còn nữa những trái thị chín vàng phảng phất hình bóng cô Tấm vào dịp trăng tròn tháng Tám. Không còn nữa câu chuyện hoang đường thiêng liêng con rắn mào đỏ về châu Ngai, bóng áo trắng của Thần bay lượn trên mái đền... Nghĩa là mất tất cả. Lũ trẻ chúng tôi đã bị tước mất niềm tin tôn kính thiêng liêng vào quá khứ, vào lịch sử. Chúng tôi vô tâm vô tư xông vào hậu cung bẻ gãy đầu rồng của Ngai thờ, nghịch ngợm chặt đôi chặt ba con rùa đội hạc, hung ác cầm gươm thần đánh nhau trong những cuộc tập trận giả, tàn ác đập vỡ hòn sơn giả có gốc si bủa rễ bao bọc hàng trăm năm...

Cả xã chỉ còn lại một đền thờ Hàng Khoán dưới chân núi Hai Vai, Đền này có vị trí đẹp, nhưng chẳng có sự tích gì đáng lưu ý. Những người thợ đá lập ngôi đền này để cầu xin thần núi đừng làm hại họ.

Thần, thánh, phật, ma, quỷ đều tập trung về đền Hàng Khoán để cùng nhau sống trong không khí thế giới đại đồng. Đền có nhà thượng nhà hạ, nhưng tất cả thần thánh trong xã tề tựu về đây thì hóa ra chật chội. Từ ngoài cửa đền trông vào rất buồn cười: tượng ông Khổng Tử đứng bên cạnh ông Thích Ca Mâu Ni, ngai thờ Bạch Y Thần xếp cùng án thư với thần ăn mày, bài vị ông Đùng đặt kề lư hương đất thờ thần dân, giá gương thờ cụ tổ nghề làm nón làng Xuân Viên để sát vào thanh gươm thờ tên tướng cướp.

Mọi tôn ti trật tự bị đảo lộn lung tung phèo. Xã hội thần linh đang bình yên, bỗng như bị trận lốc xô tới bất ngờ khiến các vị thần không kịp trở tay đối phó, không kịp van xin cầu cứu Ngọc Hoàng.

Thỉnh thoảng dăm bảy cụ già nhớ ngày tế thần của làng mình, kéo nhau lên thắp hương. Nhưng thấy điện thờ lộn xộn quá, ngao ngán quay về. Dần dà về sau, không ai nhòm ngó, không ai hương khói, đền Hàng Khoán vắng tanh và bị phá phách. Ván cửa bị giật. Ngói vỡ, mưa nắng dột nát. Hạc gỗ bị

gãy cổ. Ngai thờ bị vút lắn ngã nghiêng. Và cuối cùng, ngôi đền bị phá hủy hoàn toàn, cỏ hoang mọc um tùm.

Thế giới đại đồng của thần linh thế là tan vỡ. Các vị thần quay về chốn cũ thì chốn cũ đã tiêu điều. Bây giờ các vị thần phiêu dạt nơi đâu?

X

tập trung mồ mả

Đất canh tác bị chia cắt manh mún thành hàng trăm mảnh nhỏ. Mảnh thì vuông. Mảnh thì méo. Mảnh thì xiên xẹo. Trong những mảnh ruộng ấy, chen chúc bao nhiêu ngôi mộ lớn mộ nhỏ. Có những thửa ruộng rất thảm hại: đất cấy lúa trồng khoai len lách giữa mồ mả choán gần hết diện tích. Đất bị xé ra như lòng người bị xé vụn bởi những ganh ghét. Đã mấy đời như thế rồi, hỡi đất đai?

Chủ trương của chính quyền cách mạng tập trung mồ mả vào một nơi là phải. Tập thể hóa tổ tiên, thần linh là việc làm nghiêm túc - hài hước, là tiếng cười mỉa mai sau khi người ta bình tĩnh nhìn lại niềm tin ấu trĩ. Nhưng tập trung mồ mả là việc làm nghiêm túc, hoàn toàn không pha vị hài hước. Hàng trăm ngôi mộ cũ đã được dời đi, đông đúc trong quang quẻ, thoáng mát, cây lúa cây khoai mọc lên một cách đàng hoàng, không phải chui rúc giữa mồ mả.

Có ngờ đâu công việc nghiêm túc ấy, người ta lại vô tình biến thành công việc hài hước và độc ác. Đáng lẽ chính quyền phải báo cho các gia đình tự lo liệu lấy việc dời hài cốt, gia đình không tự lo nổi thì mới yêu cầu sự giúp đỡ của tập thể. Đàng này người ta lại dùng dùng phát động thanh niên mở chiến dịch đào mồ đào mả.

Sáng hôm ấy, con gái và con trai, cuốc và xẻng, thuổng và bàn vét, ngổn ngang ồ ạt xông ra đồng. Hai cánh đồng Ruộng Quan và Cồn Rộng nhiều mồ nhất, phải mở hai mũi quân mạnh nhất xung phong vào hai “cứ điểm” này. Không biết từ bao giờ ông cha mình chọn nơi đây làm nghĩa địa cho người nghèo. Hầu hết những nhà giàu có, người ta táng vào thửa ruộng riêng, ngôi mộ to hơn và thế đất thịnh vượng hơn. Chỉ có nhà nghèo, hiếm

ruộng hoặc không có ruộng, mới táng nhờ vào mảnh đất công này. Có khi đào huyệt mới lại chạp vào tấm áo quan cũ hoặc tiêu sành cũ. Mộ chen chúc nhau. Mộ chồng lên mộ, tầng tầng lớp lớp hài cốt. Đủ mọi dạng mọi kiểu cất táng: tiểu sành, tiểu gỗ, nồi đất, chiếu... Mỗi năm xương khô là một cuộc đời riêng, một thế giới riêng được giấu kín vào lòng đất, phức tạp và huyền bí. Mộ ông Liễn, một tay đặt chuyện và nổi tiếng. Ngôi mộ ông là pho biên niên sử đã khép lại trang cuối cùng, ta vẫn cảm được qua nắm đất cái xôn xao đầm ấm của hương thôn, cái châm chọc cay nghiệt đối với bọn hào lý. Mộ anh Tiểu, con ông mỹ nghèo xơ xác, tác giả của nhiều câu ca dao trữ tình trong những đêm hát phường vải. Mộ o Thiện, một cô gái con nhà giàu, lẳng lơ, đa tình, trốn cha trốn mẹ để ân ái với những chàng trai nghèo. Mộ ông Đường, không vợ con, là thầy lang suốt đời mang cái bị thuốc đi làm phúc cho thiên hạ, đến lúc chết không kèn không trống, chỉ có vô khối những nén hương ân huệ cắm lên mồ.

Những cuộc đời riêng là vậy, những nỗi niềm riêng là vậy! Thế mà đến sáng mai này tất cả mọi bộ hài cốt được trộn vào trong một khối cộng đồng bao bọc bởi tấm ni lông! Vốn lúc đầu đám thanh niên cũng còn giữ được lễ nghĩa: mỗi bộ hài cốt để riêng một nơi. Nhưng mộ nhiều quá, nếu cứ cẩn thận như vậy, tiến trình chiến dịch sẽ kéo dài, họ xô bồ đào xới và xô bồ bốc tất cả hài cốt vào một tấm ni lông. Hàng chục cái sọ dừa, hàng chục cái xương tay xương chân, hàng chục bộ răng đổ ào vào một đống.

Ông T. quê làng Thanh Lý, đang làm thuê ở Phủ Quỳ, xa trên năm chục kilômét, nghe tin xã mình tổ chức dời mồ mả để quy hoạch lại đồng điền, ba chân bốn cẳng chạy về. Đến đầu làng, áo quần ướt đầm mồ hôi và lấm bê bết bụi bặm, chợt thấy đám thanh niên đang lố nhố đào mả ngoài đồng, ông hộc tốc chạy ra, vừa khóc vừa la hét: “Hài cốt của cha tôi đâu rồi? Bọn thanh niên láu cá đánh lừa ông: bốc riêng ra một cái sọ dừa và mây cái xương trao cho ông. Ông ôm bộ hài cốt, khóc rưng rức. Một lúc sau, trầm

tĩnh lại, ông thấy còn thiếu một ống xương chân, đòi kỳ được. Mấy cậu thanh niên mặt tỉnh khô, trả lời: “Mộ cha ông chôn lâu ngày, làm sao mà đủ được xương!” Ông T. vẫn không chịu, nằng nặc đòi cái xương ống chân của cha. P., một thanh niên lớn tuổi nhất, xóc xóc đóng hài cốt trong túi ni lông, nhặt ra một đoạn xương chân trao cho ông T. (!).

Sau mấy ngày đào bới, tất cả hài cốt được mang lên táng tại khu nghĩa địa mới chung của toàn xã. Nói là nghĩa địa, nhưng nào có ra cái hình dáng gì đâu. Ở một số xã khác như xã Diên Thái, nghĩa địa được xây dựng rất nghiêm trang, xung quanh trồng cây, phía trong có lối đi ngang đi dọc, hàng trăm ngôi mộ nằm im lặng gợi không khí thiêng liêng. Còn ở xã tôi, hầu như người ta quá “duy vật”, cho nên không coi trọng việc xây dựng nghĩa địa cho tử tế. Giữa cánh đồng màu, nham nhở lồi lõm mô gò, bùn lầy, xương cốt vùi xuống, đất lấp lên, thế là xong! Để tiết kiệm đất, không được đắp riêng từng nấm mộ, mà mỗi chi họ đào một cái rãnh dài, rồi xếp các bộ hài cốt liền nhau, đắp đất như bờ ruộng. Tệ hơn nữa là có mấy cậu thanh niên nghịch ngợm, đắp khu mộ hình khẩu súng lục hoặc hình khẩu súng trường.

Chôn cất kiểu này khó mà phân biệt được mộ của ai. Chỉ biết đấy là mộ chung, mộ tập thể. Có gia đình cẩn thận làm mộ chí bằng đá, mấy ngày sau bọn xấu bụng ăn cắp mộ chí đem về làm đá tảng kê cột nhà. Người ta lại làm dâu tại ngôi mộ bằng cách đóng cái cọc tre thật sâu, cũng chỉ mấy ngày sau là bọn trẻ chăn trâu nhổ cọc tre vứt lung tung. Chúng nhổ cọc tre để làm gì? Chẳng làm gì cả, nghịch thể thôi, không có mục đích.

Mọi người thờ dãi, bó tay, đành chịu vậy. Thời buổi thế thì phải chịu thế, chứ biết làm sao. Một số cụ già nhìn nghĩa địa luôm nhuôm như vậy, sợ thân phận mình sau khi nhắm mắt xuôi tay. Ai sẽ thờ phụng mình? Mộ mình có còn nữa đâu để con cháu tảo mộ? Lúc sống đã cơ cực, còn nghìn lần cơ cực sau lúc chết. Có cụ đâm ra sợ chết. Tôi nói thật đấy mà. Tâm lý

dân tộc ta là người đã bảy mươi, tám mươi, ra đi rất thanh thản. Thế mà ở làng tôi, cụ cổ Đính nhìn cái nghĩa địa tồi tệ mà sợ mình phải chết. Cổ đã trên tám mươi tuổi. Vào giờ phút lâm chung, con cháu khiêng cổ ra nhà ngoài, cổ không cho khiêng, con cháu thay áo mới, cổ không cho thay. Cô nói thều thào: “Tao nhìn cái nghĩa địa, tao sợ lắm, đừng bắt tao chết...”

Chủ trương dời mồ mả để quy hoạch lại đồng điền là đúng. Nhưng các ngôi mộ có tính chất lịch sử và không ảnh hưởng đến đất đai canh tác, có nên dời không? Dĩ nhiên trăm phần trăm là không nên! Ấy thế mà ở làng tôi, người ta dời tuốt tuồn tuột, bất kỳ ngôi mộ nào.

Mộ bà cô trước nhà thờ đại tôn. Bà là con gái đức tổ Triệu Cơ. Dân làng kính trọng gọi là “bà cô” chứ hồi ấy bà chị mới lên tám tuổi. Hằng ngày, bà đi chăn trâu cắt cỏ. Cô bé bình thường như hàng trăm cô bé khác, nhưng cuộc đời cô đã được dân làng dệt nên những tấm áo huyền thoại khoác lên thân thể và trở thành một “bà cô” đầy hấp dẫn qua nhiều thế hệ. Bà có nhiều công trạng giữ biên cương đất đai của thôn ấp. Lúc bị bọn giặc cỏ đến cướp đất, bà trát bùn đầy người và tả xung hữu đột. Hàng trăm mũi tên giặc không thể bắn thủng được lớp bùn trên người bà. Chẳng may giữa một trận kịch chiến, bùn bị rơi và trôi ra một mảng da, mũi tên giặc bắn trúng vào đó, bà ngã xuống. Sau khi bà chết, dân làng vẫn đặt thi thể bà trên lưng trâu và lừa trâu đuổi giặc. Tội giặc sợ cái uy của bà, bỏ chạy như vịt cỏ.

Mộ bà được táng trước nhà thờ Tổ, tức là nhà thờ bố. Điều đó rất có ý nghĩa. Cơm có gì mà phải dời ngôi mộ ấy? Ngôi mộ nhỏ thôi, nằm khiêm tốn ở góc sân nhà thờ, chẳng choán một tấc vườn tấc ruộng của ai, người ta cũng đào lên và đem chôn chung với hàng loạt ngôi mộ khác. Thế là mất mộ “bà cô”, mất một dấu vết của huyền thoại.

Mộ Tổ nổi lên như một cái gò, rộng chừng ba sào đất, ở giữa làng. Đây chính là ngôi mộ của đức Triệu Cơ Võ Chính Đạo, người đã sáng lập cái làng này từ thế kỷ XIII. Cách ngôi mộ chừng ba chục mét là nhà thờ đại tôn thờ đức Triệu Cơ.

Gần mộ Tổ có “cồn Tổ con” tức là ngôi mộ táng hài cốt con trai ông Võ Chính Đạo Cồn Tổ con rộng một sào đất, nổi lên cao thành một cái gò bên cạnh những bụi ruối già cỗi. Tục truyền rằng: khi đức tổ Triệu Cơ đã về chầu trời, người con trai buồn bã cỡi voi đi lang thang, đến bụi ruối này ông cột voi lại và “hóa” theo cha. Cây ruối có nghĩa có tình sống qua thế kỷ này đến thế kỷ khác, nghiêng bóng mát trên ngôi mộ luôn luôn xanh mướt cỏ.

Mộ Tổ và cồn Tổ con cũng bị đào, bị phá tanh bành. Thật là một sự xúc phạm quá lớn đối với tổ tiên. Một làng Việt Nam giữ gìn được mộ ông Tổ khai sáng làng mình cách đây gần bảy trăm năm quý giá biết chừng nào - quý về mặt lịch sử và mặt dân tộc học. Thế mà đến cái thời đại văn minh này người ta lại cả gan tung hô một cách vô ý thức.

Tim hài cốt đức Triệu Cơ có dễ dàng gì đâu. Mộ rộng ba sào đất, ở giữa nhô cao lên và có mộ chí, người ta tưởng hài cốt

ngay dưới chân mộ chí nhưng đào xuống chẳng thấy gì cả. Người ta lại đào lung tung, đào toang hoang, đào kỳ được mới thôi. Cuối cùng, tìm được hài cốt và không hề ngần ngại, người ta mời cụ Tổ vào nằm chung với bảy thế kỷ con cháu (!).

Mộ Cổ Hùng rộng gần một mẫu, nổi cao giữa vùng đồng trũng ngay bên bờ sông Bùng. Vốn lúc đầu chỉ là một ngôi mộ bình thường, qua nhiều đời mộ được đắp to thêm. Dân cho đó là điềm “phát” của một ngôi mộ thiêng, hễ cứ ai đi qua ném vào một hòn đất cho nên mộ lớn dần thành cái gò đường bộ như ngày nay.

Cố Hùng là ai? Hương sử còn ghi và thần phả còn lưu lại. Tên thật là Võ Cương, con trai một lực điền. Khi Lê Lợi và Nguyễn Trãi kéo quân qua vùng này, dừng lại để tuyển quân bằng cách tổ chức hội vật. Ngài đã võ bụng liên tục hàng trăm đối thủ. Vua Lê chọn ngài vào hàng quân vệ. Ngài đã cùng góp mưu với Đinh Lễ hạ thành Trại của giặc Minh, tức thành Diễn Châu. Sau khi thắng trận, Ngài được vua Lê phong là Hùng Lễ Bá. Do đó dân làng thường gọi là “Cố Hùng”. Ngài qua đời, dân lập đền thờ ở giữa làng, gọi là đền thờ Cố Hùng.

Hằng năm, đi tảo mộ, thế nào ông tôi cũng dẫn đến sửa mộ đức tổ Triệu Cơ, mộ bà cô và mộ Cố Hùng. Ngày lễ đền, trước khi vào điện thờ, ông bắt tôi phải tắm rửa, thay quần áo mới. Hình ảnh linh thiêng của chiếc ngài sơn đỏ và ngọn nến đỏ in sâu vào tâm trí tôi như một hoài vọng cao cả của tuổi thơ.

Huyền thoại về Cố Hùng bao bọc lấy đời tôi như kén bọc tằm. Nhiều lúc đi chăn trâu, nằm trên mộ, áp tai vào cỏ, tôi tưởng tượng nghe được tiếng gươm khua, tiếng ngựa phi và mơ thấy võ tướng Hùng Lễ Bá ào ào đuổi giặc.

Ngôi mộ quá lớn, phải huy động tới ba chục thanh niên ra đào bới. Đào suốt một ngày ròng, chẳng thấy hài cốt đâu cả. Mặt gò bằng phẳng, xanh mướt cỏ, bỗng trở nên lổn nhổn những lỗ đào xuống, những tảng đất trời lên. Mấy cậu thanh niên cáu tiết, đào mộ chỉ bằng đá khá lớn, khiêng đi một đoạn xa, rồi ném tòm xuống ruộng nước.

Chừng nửa tháng sau, bác Chắt Kế đi dạo mát ngoài đồng, chợt thấy giữa ruộng nhô lên một khối đá hình đầu rồng. Bác xắn quần lội xuống, đến tận nơi xem, mới biết đó là cái mộ chí. Tôi đang tát nước ở gần đấy, bác gọi đến, cùng bác khiêng mộ chí lên bờ. Bác múc nước rửa sạch mặt đá, rồi

trương mục kinh đọc những dòng chữ Hán đã mờ nét. Một lát sau, bác thở dài:

- Cháu ạ, mộ chí Cổ Hùng. Đứa nào chơi cái trò vô ý thức này?

Tôi thưa:

- Đám thanh niên hôm trước đào không thấy hài cốt, chúng nó khiêng mộ chí ném xuống đấy.

Mặt bác đỏ gay:

- Ai giáo dục cho thanh niên làm việc đó? Chủ nghĩa cộng sản phải biết quý trọng lịch sử dân tộc cháu ạ. Hử... Hồi hoạt động ở Thái Lan, bác Hồ còn viết diễn ca về ông Trần Hưng Đạo, Hử... Thanh niên vô ơn với tổ tiên thì làm cách mạng sao được! Cháu có biết lịch sử Cổ Hùng không? Hử... một võ tướng của Lê Lợi. Lúc nào bác rỗi, bác kể lại cho cháu ghi sự tích Cổ Hùng.

Bác là người có vốn Hán học khá uyên thâm, hiểu biết tường tận lịch sử làng xóm. Nghe bác nói tôi “vàng” “dạ” và tỏ lòng kính trọng bác. Hai bác cháu hì hục khiêng mộ chí chôn vào chỗ cũ, vừa làm vừa trò chuyện.

- Thưa bác. Cổ Hùng là tướng của vua Lê đánh giặc Minh, Như thế thì ngôi mộ này đã có năm thế kỷ, theo cháu thì không nên dời đi.

- Hử... Đã dời mồ mả phải dời tất cả thì mới quy hoạch đồng điền theo thể đúng chủ nghĩa xã hội được. Làm cách mạng phải làm triệt để cháu ạ, chứ cách mạng nửa vời thì hỏng bét.

Một thời gian sau, hàng chục thanh niên lại được huy động đi đào hài cốt Cổ Hùng. Đào một ngày không được thì đào hai ngày, hai ngày không được thì ba ngày. Cương quyết không để một ngôi mộ nào nằm cá thể

ngoài đồng. A, đây rồi, đây có phải là hài cốt Cố Hùng không? Một nắm xương bọc trong chiếc mo cau xơ xác. Lục thần phải xem thì đúng đó là hài cốt võ tướng Hùng Lễ Bá. Cụ già đọc thần phả, mắt rớm lệ, còn các cậu thanh niên thì tinh khô. Cụ gọi một số bô lão lên gặp ông chủ nhiệm để xin mười lăm đồng mua chiếc tiểu sành đựng hài cốt. Ông chủ nhiệm xăng giọng trả lời: “Mộ vua mộ chúa mộ thượng thư cũng dập thành đồng đất, hưởng hồ là một ông tướng làng các cụ”. Mấy cụ già xui mặtra về. Thế là số phận một vị tướng được chuyển từ mảnh mo cau sang tấm ni lông và táng vào chiếc huyệt chung của khu mộ mới (!).

Mộ cũ thì sao? Gò đất rộng một mẫu, vẫn còn đó. Đất rắn lắm, cày cấy sao được. Vẫn còn nguyên hình dáng và vị trí ngôi mộ, chỉ có điều là trong lòng ngôi mộ ấy không còn nắm hài cốt của Hùng Lễ Bá.

Bác Chắt Kể đi công tác xa, trở về làng, nghe tin tìm được hài cốt Cố Hùng trong mo cau, rơm rớm nước mắt. Bác tìm gặp tôi: “Trực ơi, có ai mang mộ chí lên nghĩa địa mới không?” Tôi trả lời: “Thưa bác, không ạ”. Hai bác cháu lại hò hụi đến ngôi mộ cũ để tìm mộ chí, ông hàng chài cho biết rằng đám thanh niên đã ném chiếc mộ chí có tuổi thọ năm thế kỷ ấy xuống sông Bùng!

XI

núi hai vai xệ một bên vai

Núi Hai Vai có tên chữ là Lưỡng Kiên Sơn, một di tích khảo cổ và là một thắng cảnh lớn của vùng Hoan Diễn cổ xưa. Núi thuộc địa phận làng Kẻ Dặm, cho nên còn có tên là Lèn Dặm. Vua Lê Thánh Tông đi kinh lý vào phương nam bằng đường biển, nhìn ngọn núi giống hình người đàn bà búi tóc, bèn đặt tên là Kế Sơn. Nhà sư ở chùa Hà Trang nhìn dáng núi như một vị tu hành chân chi tụng kinh niệm phật, đã đặt tên là núi Di Linh.

Núi ở cách làng tôi theo đường chim bay hơn một kilômét. Làng ở giữa Lưỡng Kiên Sơn và Bùng Giang tạo nên phong cảnh hữu tình. Chiếc võng mẹ mắc hai đầu sông núi, ngàn đời ru cho bao nhiêu thế hệ trẻ thơ lớn lên trong điệu dặm vè và điệu hát ví phường vải. Tôi cũng được lớn lên trong cái nôi trữ tình và thần thoại ấy.

Những cuốn sách cổ về lịch sử và dư địa chỉ khảo cứu vùng Hoan Châu - Diễn Châu đều có nhắc đến núi Hai Vai như một kỳ công hùng vĩ của tạo hóa. Nho sĩ Bùi Dương Lịch làm thơ ngợi ca Chống trời xương cốt nhục - Non nước nặng hai vai. Trong nhà thờ cụ Nguyễn Xuân Ôn cũng có đôi câu đối tôn thờ ngọn núi như khí thiêng của trời đất. Tại nhà thờ đại tôn đức tổ Triệu Cơ của làng tôi, trong hậu cung, lấp lánh màu vàng ánh câu đối khẳng định sự trường tồn huyết tộc cùng với sự bền vững của núi non; Di linh phong cao thế hệ trường.

Phường thợ đá trong quá trình khai thác đá đã tìm được những di vật của thời kỳ đồ đá mới. Lẫn lộn trong lòng hang, cùng với phân dơi và phốt phát là những bát cổ đời Lý đời Trần, những cọc đèn đồng đời Lê đời Nguyễn, những thanh gươm gi thời Văn Thân chống Pháp...

Bao quanh những di vật ấy là huyền thoại của tròng giang lịch sử. Đây là bộ xương người bị ép chặt vào đá - một tài liệu quý của khảo cổ học hay xã hội học? Đây là cửa hàng mà vị thần đã nằm ngủ, mộng thấy ngọn lửa xanh lạ kỳ bốc lên từ lòng đất và nơi đó đã trở thành lò rèn Nho Lâm cổ nhất ở nước ta. Nhấp nhô những tảng đá rêu phong kia là trận địa của Mạc Mậu Giang đấy ư? Dưới gốc cây đa cổ rễ và gan góc kia, La Sơn Phu Tử đã ngủ lại một đêm trên đường đi tìm đất định đô cho vua Quang Trung. Dấu chân Tác Bay, một vị tướng tài ba của cụ Nghè Ôn, còn in hằn trên đá gợi lên khí vị thiêng liêng của dấu chân ông Đùng trong mô típ dân gian...

Đâu rồi, đâu rồi, tất cả những gì xa xưa ấy? Đâu rồi, đâu rồi, quá khứ cần lao và hùng vĩ? Đâu rồi? Đâu rồi?...

Còn đâu nữa! Người ta đã phá sạch rồi! Hơn mười năm, một công trường đã được mở ra tại núi Hai Vai để khai thác đá xây dựng đường sá, cầu cống, cơ quan, xí nghiệp. Mìn nổ liên miên suốt ngày này qua tháng khác. Đá ào ào từ trên cao đổ xuống. Rồi đá lại theo hàng đoàn xe tải chở đi tứ phương. Ty Văn Hóa kiện ty Công Nghiệp. Ty Công Nghiệp phát lời. Mìn cứ nổ. Đá cứ đổ. Ty Văn Hóa lại kiên nhẫn phát đơn kiện. Đến lúc ủy ban tỉnh ra lệnh cấm dùng mìn, dùng bộc phá để khai thác đá, thì kết cục thật là thảm hại: núi Hai Vai bị xẻ mất một bên vai!

Ngọn núi từ muôn ngàn xưa đường bộ biết bao. Núi là biểu tượng của khí phách của khát vọng dân chúng. Từ phía mặt trời mọc nhìn lên phía tây, núi ngẩng cao đầu, nhô hai vai như dáng người nghị lực phi thường nghìn trận thắng giông tố, bão bùng, giặc giã. Sừng sững giữa trời cao đất rộng một tháp đá uy nghi, vững chãi, thế mà cũng bị con người chém đứt hẳn một bên vai. Ông bí thư đảng ủy còn dong dạc tuyên bố: “Chúng ta phải mở một nhà máy xi măng ngay ở chân núi Hai Vai. Cho đến lúc hết sạch đá hóa thành đồng bằng, ta có thêm hàng chục mẫu đất để tăng gia sản xuất”,

May mà ủy ban tỉnh ban hành lệnh giữ gìn núi Hai Vai không đến nổi quá muộn, không thì ông bí thư đảng ủy ấy đã dùng phép phù thủy hóa núi thành đất màu mỡ cấy lúa trồng khoai, đem lại ấm no cho nhân dân!

. Tôi nói “không đến nổi quá muộn” tức là cũng đã muộn rồi. Biểu tượng khát vọng của nhân dân bị băm vằm rách nát: Từ làng Nho Lâm nhìn lên, núi giống một người thợ rèn khom lưng cầm búa gõ đe. Cho nên nghề rèn ở Nho Lâm đã được thịnh vượng trên hai nghìn năm. Bây giờ ông thợ rèn không lô ấy đã bị cụt đầu!

Từ làng Đậu Lý nhìn xuống, núi giống cái mũ của quan võ. Cho nên, qua nhiều đời, làng này sản sinh ra những vị tướng tài và đặc biệt là tướng Tác Bay với sức khỏe phi thường đã nhổ gốc đa cổ thụ quật vào đội quân giặc bỏ chạy tan tác. Bây giờ cái mũ của quan võ ấy bị rách rồi!

Từ làng Côn Sắt nhìn sang, núi giống chiếc mũ cánh chuồn của quan văn. Cho nên làng này có nhiều người học hành, đậu đạt cao, tiêu biểu là cụ Nghè Nguyễn Xuân Ôn. Bây giờ cái mũ quan văn ấy đã bị mất hai cánh chuồn!

Từ làng Kẻ Sừng nhìn chếch về phía đông nam, núi giống một đụn thóc. Cho nên vùng này là cái vựa lúa của Hoan Châu, từng cung cấp lương thực các hội nghĩa quân đánh giặc, giữ gìn đất đai tổ quốc. Đồng ruộng nơi đây có loại nếp rồng hạt to và rất thơm. Bây giờ cái đụn thóc ấy đã xệ ra rồi, còn đụn thóc làm sao được nữa!

Từ làng Kẻ Hến nhìn chếch về phía tây bắc, núi giống hình chiếc dao cầu xắt thuốc bắc. Cho nên làng này đời nào cũng có thầy lang giỏi, đi chữa bệnh khắp thiên hạ. Bây giờ con dao cầu ấy đã gãy mất cán, liệu có còn lương y kiếm từ mẫu nữa không?

Nghe tin bác Chắt kể vừa ở trên tỉnh về, tôi chạy đến thăm. Trong lúc trò chuyện thân mật, tôi hỏi:

- Tỉnh có chủ trương xây nhà máy xi măng ở núi Hai Vai không bác?

- Tỉnh chưa có chủ trương. Cháu nghe ai nói? - Ông bí thư đảng ủy xã ta. - Có lẽ là nhà máy của huyện.

- Nếu đúng thế thì cháu rất sợ... Làm được một ít xi măng thì ngọn núi bị hư hỏng, tiếc lắm.

- Sao lại tiếc? Lý luận của Mác là con người phải cải tạo thiên nhiên, cải tạo thế giới.

Hai bác cháu rủ rỉ ngồi nói chuyện với nhau khá lâu.

Bác am hiểu khá tường tận về ngọn núi này, biết nhiều chuyện từ đời xưa đời xưa, nào là chuyện hổ về làm tổ trong hang, nào là chuyện nghĩa quân Cần Vương lấy núi làm đại bản doanh... Đang đà vui chuyện, bác kể cho tôi nghe chuyện thời bí mật bác đã phải lần trốn trong các hang hốc như thế nào, nhin

đói nhin khát như thế nào...

- Hay là bác dẫn cháu lên núi, chỉ cho cháu biết “trận địa” của bác? Cháu muốn ghi lại...

- Cũng được,

Thế là bác đi trước, tôi đi sau. Vừa đi đường bác vừa khuyên bảo tôi: “Thanh niên làng ta ít được học truyền thống đấu tranh của Đảng, cháu nên viết lại mà in thành sách. Thời Mặt Trận Bình Dân, chi bộ làng ta cũng học hành trên núi, cũng giấu truyền đơn trên đó, đến Hàng Khoán là địa điểm liên lạc của Đảng... Cháu nên viết lại thời kỳ đó, gian khổ lắm, oanh liệt lắm cháu ạ...”

Đến chân núi, hai bác cháu dừng lại. Lạ quá, núi thay hình đổi dạng hoàn toàn. Tìm mãi, không thấy lối trèo lên. Những gốc đa sần sùi, những chùm rễ si già cỗi, những lòng hang âm u... đều biến mất. Bác tỏ vẻ bần thần, cứ đi đi lại lại, ngó chỗ này rồi nhìn nơi kia. Thình thoảng bác tự nói một mình: “Chúng nó làm hỏng hết rồi... Phá phách ghê quá...”. Bác giơ tay vẫy tôi, rồi dẫn tôi đi vòng quanh chân núi, như vị tướng già dẫn một tân binh về thăm chiến trường cũ. Chiến trường đã hoang phế, không còn chút dấu vết hùng tráng của dĩ vãng. Gương mặt bác thoáng vẻ buồn. Chốc chốc bác dừng lại và chỉ tay: Nơi ấy hồi trước có cửa hàng, chi bộ thường vào họp... Nơi ấy hồi trước có tảng đá nhô lên, bác ngồi chờ suốt mấy đêm để nhận tin tức của Đảng... nơi ấy hồi trước có khóm lau già, mấy đồng chí thường hẹn gặp nhau ở đó...

Nơi ấy, hồi trước... Chẳng lẽ tất cả những gì thuộc về “hồi trước” đều bị xóa đi bởi bàn tay vô ý thức và tàn bạo của con người ngày nay?

Bác Chắt kể lể đầu:

- Không được cháu ạ! Phá phách như thế này thì lấy gì mà giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên?

Tôi hỏi lại:

- Sao lúc nãy bác lại nói là cháu không nên tiếc khi người ta phá núi làm nhà máy xi măng?

Bác không trả lời...

Tuổi thơ của tôi gắn bó với ngọn núi trước hết bởi những hang động và chuyện kể về những hang động ấy: hang Nhà Nước, hang Kẽm, hang Bông, hang Thắt Cổ, hang Chó Đẻ...

Những trưa hè chói chang nắng, gió nam dội hùng hục vào núi như lửa dội ngỗ chừng có thể làm sủi bọt cả khối đá vôi khổng lồ, Lũ trẻ chúng tôi tìm được thú vui riêng: chui vào các lòng hang để bắt sáo. Lòng hang mát rượi, vách đá ri rỉ nước thấm mát cả cơ thể tưởng như cái thế giới nhỏ bé này tách hoàn toàn khỏi cái thế giới oi bức ngoài kia.

Tiếng chim líu ríu, trong trẻo và ngây thơ như vọng lại từ thời hồng hoang. Chúng tôi cũng kênh nhau, bám vào vách hang, leo lên tận trần, thò tay vào những hõm đá để bắt chim. Có tổ còn ủ nguyên những quả trứng tròn xanh, giơ ra trước ánh sáng mờ mờ ở cửa hang, vỏ trứng ánh lên một màu xanh non nã dễ thương, chúng tôi lại cẩn thận đặt vào tổ. Có hốc đá chìa ra mấy sợi cỏ khô động đậy khe khẽ, chúng tôi thò tay vào thì chao ôi, mấy chú chim non còn đỏ hỏn ngo ngoàng. Phải thật sự là những chú chim đủ lông đủ cánh, đập bọng đá, chúng tôi mới bắt về nuôi.

Những thú vị hơn là vào lòng hang để trốn tìm, chúng tôi có khi năm đứa, có khi mười đứa hoặc hai ba chục đứa rủ nhau vào, luồn theo những lối đi cheo leo từ hang này qua hang khác, từ động này qua động khác. Tiếng hú gọi nhau âm âm uu vọng dài nghe xa xôi như tiếng hú từ lòng đất dội lên. Đang lom khom đi, bất chợt một luồng sáng dội vào, ngẩng đầu lên: óng ánh chùm thạch nhũ buông xuống ngon lành tưởng có thể há mồm ngoạm ăn như ăn một thứ trái chín ở vườn tiên. Đang dắt díu nhau chui xuống đáy sâu thăm thẳm, ngọt ngọt, chợt luồng gió thổi vào

mặt mát lạnh, chúng tôi reo lên: “Cửa hang đây rồi!”. Kia, cửa hang mở ra với cái chuông thạch nhũ treo lủng lọng. Gõ tay vào, đá ngân lên trong trẻo, tiếng ngân lấp lánh theo màu đá đổi thay với những đường vân xanh vện tím vẫn hồng.

Tòa thiên nhiên lộng lẫy ấy chỉ trong mười năm đập phá là bị tiêu tan hết.

Người ta thù hằn với thiên nhiên chẳng? Người ta thù hằn với cái đẹp chẳng?

Cách đây bao nhiêu thiên niên kỷ, con người đã in dấu chân lên hòn núi này và đã thổi tâm hồn mình vào đó với những

miếu thờ thâm u, những mái chùa thơ mộng, những cửa đền oai nghiêm và nối tiếp chuỗi dài huyền thoại. Mỗi thế hệ đi qua đều để lại dấu ấn của mình, đều tô chuốt cho thiên nhiên đẹp đẽ hơn, huyền diệu hơn. Tại sao đến thế hệ này, thế hệ của những năm cuối thế kỷ XX sau công nguyên này, không những không tô chuốt thêm, mà lại phá trụi mọi dấu ấn của thế hệ trước, hơn thế nữa, còn phá trụi cả tòa lâu đài thiên nhiên đã được tạo lập qua hàng triệu triệu năm.

Ngôi chùa ở lưng chừng núi Hồ Linh, bên cạnh núi Hai Vai vừa là một thắng cảnh vừa có liên quan đến lịch sử thời kỳ Văn Thân và thời kỳ Đảng hoạt động bí mật, đã xếp hạng bảo tồn và cấm tắm biển cấm vi phạm". Tất cả những thứ cấm vi phạm" ấy đã hóa thành một đồng đồ nát.

Tôi bần thần ngỡ mình như hòn núi ấy, bị quỷ cướp mất hồn, tôi đi lang thang và dừng lại tại vị trí ngôi chùa cũ ở lưng chừng núi, lưng chừng trời, lưng chừng mây. Tôi bới tìm trong đồng gạch vụn và đá vụn, vô tình nhặt được khối thạch nhũ đẹp như bầu vú sữa bị một lưỡi rìu chém đứt ngang.

XI

thuế khả năng

Trường học xa nhà ba mươi kilômét. Tôi phải mang gạo đi trọ, chiều Chủ Nhật đến trường, chiều Thứ Bảy về. Lớp học

trong một ngôi đền bỏ hoang. Học sinh tự túc bàn ghế: bàn xếp, ghế xếp bằng gỗ tạp, lúc vào học thì mang vào, lúc tan học thì mang về. Lích kích lăm, vai bên này mang cái bàn, vai bên kia mang cái bị cỏi đựng sách vở, tay xách ghế. Đang ngồi học, có lúc chân bàn choãi ra, bàn sập xuống, mực đổ nhòe nhoẹt cả trang vở.

Trận đói ập đến. Cái cảnh ở trọ của học trò nghèo thật vô cùng cơ cực. Bụng đói meo, học đến tiết thứ ba, thứ tư thì mắt

mờ tay run. Đêm nào cũng thức khuya bên ngọn đèn dầu, bụng đói, muỗi đốt, có dạo lại bị sốt rét vàng da, phải tiêm kỹ ninh ù cả tai. Ban ngày, ngoài giờ lên lớp, chúng tôi phải vào rừng thông thái củi, ra đồng hái rau khoai. Nông dân cũng đi hái rau khoai, rau má rất đông. Rổ ngọn khoai của chúng tôi đầy quá, phải lấy nón đập lại để khỏi xấu hổ. Nhiều ngày chỉ dám dùng một bát gạo, chia đều ba phần nấu làm ba bữa, nồi cháo lều bều gạo với ngọn rau khoai, ăn nhều nháo để có cảm giác là mình đã ăn. Một bao diêm có thể dùng hàng tháng, tôi xin được lưỡi dao cạo, nhẹ tay chẻ dọc que diêm, hai nửa đều có thuốc... Bà chủ nhà thấy chúng tôi ăn khổ quá, thỉnh thoảng xới bát cơm mời chúng tôi ăn với cá. Ở trọ hàng năm như vậy, thế nào chủ nhà cũng có ngày giỗ. Gặp ngày giỗ, trời ơi, sướng biết chừng nào. Sáng dậy, bà chủ đã vo nếp và nói với chúng tôi: “Hôm nay nhà có giỗ, cháu đi học nhớ về sớm ngồi cỗ với gia đình cho vui”. Cái buổi học ấy, khó mà tiếp nhận bài giảng của thầy, bụng bồn chồn trông cho chóng hết giờ. Cô có nhiều nhận gì đâu, vài đĩa thịt gà luộc, vài đĩa xôi - đối với học trò

nghèo, thế cũng thần tiên lắm rồi. Cộng thêm vào thái độ trịnh trọng của vợ chồng bác chủ nhà, mùi hương thơm, ngọn đèn lliu hliu trên bàn thờ, tôi càng thấy xúc động và nhớ nhà vô kể, nhớ cha mẹ, nhớ tuổi thơ...

Hàng tuần, chúng tôi chờ đợi ngày Thứ Bảy như chờ mẹ đi chợ về. Mười hai giờ tan lớp, chẳng ăn uống gì cả, chúng tôi cuốc bộ một mạch ba mươi kilômét, lòng phơi phới, chân bước nhanh. Cái cảnh đi bộ của lũ học trò chúng tôi chẳng khác gì những người dân quê đi bộ gần trăm cây số lên miền ngược để làm thuê. Mấy bạn nữ nhiều lúc theo không kịp, phải gọi: “Chờ chúng tôi với, các cậu đi không có tình cảm gì cả”. Có lần, về dọc đường, đói hoa cả mắt, chúng tôi đánh liều rủ nhau vào ruộng ngô vờ ngồi ỉa để bẻ ngô non ăn. Lúc đầu, mấy bạn gái còn xấu hổ, vờ làm bộ làm tịch, nhưng rồi cũng không chịu được cơn đói hành hạ, đành theo bọn con trai chúng tôi đi bẻ trộm ngô non,

Ở nhà, mẹ cũng thường đợi tôi vào chiều Thứ Bảy. Nếu bạn việc phải đi vắng, mẹ để phần sẵn cho tôi một bát khoai khô xéo với đậu hoặc mấy củ khoai luộc hoặc bát cơm nguội. Dẫu có túng thiếu đến mấy, mẹ cũng mua một ít thịt hoặc một ít cá kho mặn để tôi ăn ngày Chủ Nhật. Niềm vui của mẹ là loay hoay làm thức ăn để tôi mang đi ăn cả tuần ở nhà trọ, món ăn tiện lợi nhất là tôm kho thật mặn còn lẩn nhẩn muối, con tôm cứng lại, để hàng tuần không bị thiu. Ăn như thế thành quen, tôi thấy ngon miệng, về sau rất khó ăn nhạt. Nếu ăn dè mỗi bữa ba con tôm thì có thể ăn được gần cả tuần, nhưng thường ngồi học đến mười giờ đêm, bụng đói, đem tôm ra ăn, chỉ vài ba hôm là hết sạch. Và món ăn dự trữ tiếp theo là rau khoai rau má ngoài đồng.

Chưa bao giờ gia đình tôi gặp khó khăn đến thế. Mới tháng Giêng mà chỉ còn một chum thóc. Gần ba tháng nữa mới có lúa gặt. Với chum thóc ấy

cả nhà tôi chỉ ăn chừng nửa tháng nữa là hết. Đôi lúc tôi có ý định bỏ học. Mẹ khuyên răn, dỗ dành, tôi đành tiếp tục học.

Tinh thần cách mạng của bà con dân làng có tác động rất lớn đối với tôi. Tuy đói, vẫn có đông người xung phong đi bộ đội, đi dân công. Làng huy động đi đào ao, đắp bờ, phá đình, phá chùa, chặt cây, họ vẫn tham gia đầy đủ, dẫu bữa ăn tập đoàn chỉ đơn sơ vài bát cơm và mấy đĩa cà. Điều đặc biệt là hầu như tối nào cũng họp, cuộc họp nào cũng rất đông. Hôm nay họp để nghe giải thích về chính sách tiết kiệm, mai học tập chính sách thuế nông nghiệp, ngày kia nghe phổ biến tin chiến thắng... Họp nhiều quá, có người đâm ra nghiện họp, cứ chập choạng tối là ngong ngóng nghe loa gọi mời họp. Thỉnh thoảng có đêm không đi họp, dĩ nhiên là không có tiếng loa gọi, nhiều người vẫn rủ nhau tới địa điểm họp ngồi quanh nùn rơm, điếu thuốc lòn chuyền tay nhau hút sòng sọc. Sang trọng hơn nữa là có thêm ấm nước chè xanh nấu trong nồi đất, người này uống, người kia uống, uống cho đến lúc nước nhạt phèo, trong nồi chỉ còn trơ cái bã lá nát nhừ.

Nội dung của cuộc họp trong vụ đói này là “đấu tranh phát hiện thuế khả năng”.

Người điều khiển những cuộc họp này là chú Văn mắt toét, chi hội trưởng Nông Hội. Sở dĩ gọi là Văn mắt toét vì làng tôi có hai người tên Văn. Chú Văn chi hội trưởng từ lúc nhỏ đến lúc lớn mắt luôn luôn toét nhoèn, để phân biệt với Văn kia, người ta thường gọi Văn này là Văn mắt toét. Đi ở, làm thuê hầu như trở thành cái nghề của chú. Hết vụ này sang vụ khác, hết năm này sang năm khác, chú đi ở cho các nhà giàu. Nhiều năm chú đi ở rất xa, cuối năm trở về làng ăn tết dăm bảy hôm rồi lại tiếp tục đi ở. Từ khi cách mạng thành công, gia đình chú được chia vài sào ruộng công điền, chú chấm dứt cuộc đời đi ở làm thuê. Rồi chú được bầu làm chi hội trưởng

Nông Hội. Chú có học bình dân học vụ, biết đọc biết viết võ vẽ dăm ba chữ, nhưng tất cả các văn bản đều phải nhờ người khác đọc cho nghe và viết hộ, chú chỉ việc ký một chữ “Văn” loè loẹt.

Chú Văn mắt toét tuyên bố lý do cuộc họp như sau:

“Tình hình vấn đề đòi hỏi hiện nay rất khẩn trương. Đa phần các đồng chí hội viên nông dân không còn lương thực và thực phẩm. Vấn đề đói rất khẩn trương như vấn đề hóa và vấn đề thủy. Hội viên nông dân ta đi theo cách mạng thì không thể để vấn đề đói đe dọa, vấn đề là phải cứu đói như vấn đề cứu hóa và vấn đề cứu thủy. Vấn đề phải giải quyết một cách kiên quyết và triệt để tức là vấn đề hội viên nông dân ta phải đoàn kết nhất trí như sắt thép để tranh đấu lại với vấn đề đầu cơ tích trữ để bọn đầu cơ tích trữ không thể ngồi mát ăn bát vàng để hút máu hút tủy hội viên nông dân chúng ta, Các đồng chí hội viên nông dân ta vấn đề là phải phát hiện ra cái bọn đầu cơ tích trữ đó, vấn đề là để chúng không đầu cơ tích trữ được nữa. Ai thấy ai có khả năng đầu cơ tích trữ thì nói ra, vấn đề là phải nói ra cho hết để bắt người có khả năng nộp thuế, vì thế chủ trương của cấp trên là phải làm thuế khả năng. Nhà ai thừa mười tạ bắt nộp mười tạ. Nhà ai thừa năm tạ bắt nộp năm tạ. Nhà ai thừa một tạ bắt nộp một tạ...”

Chú Văn mắt toét nói xong, ngồi thở phì phò. Cả hội trường im lặng... năm phút... mười phút... mười lăm phút... Như thấy mình bị hẫng, chú đột ngột đứng dậy, vung hai nắm tay, nói như búa bổ: “Vấn đề là hội viên nông dân phải biết đoàn kết. Giai cấp vô sản không sợ bất cứ ai. Vấn đề là thấy ai thừa thóc tích trữ đầu cơ thì cứ nói toạc ra để vấn đề là bắt họ phải đóng thuế khả năng”.

Một bà đứng dậy hỏi: - Bắt bọn đầu cơ tích trữ đóng thuế khả năng thì tôi có được chia thóc không?

Chú Văn mắt toét trả lời đanh thép: - Vấn đề là ai đói cũng được chia!

Một người khác: - Mùa vừa rồi, đồng lòng ta bị lũ lụt, sâu keo mất trắng, làm gì có gia đình nào thừa thóc để đầu cơ tích trữ.

Chú Văn mắt toét đùng đùng vung nắm tay về phía trước:

- Ông nói như thể là bao che cho bọn đầu cơ tích trữ, hút máu hút mủ của bà con hội viên. Vấn đề là phải vạch mặt chúng để chúng phải nộp thuế khả năng. Ai vừa bao che đó, có phải ông H. không? Tôi thấy ông H. còn khả năng, ông H. phải đóng hai tạ.

Ông H. bật lò xo:

- Nhà tôi thì kéo cày rào từ đầu nhà đến cuối nhà không vướng cái chum cái bể nào thì còn khả năng đầu nũa mà đóng

Mặt chú Văn đã đỏ lại càng đỏ hơn:

- Ông H. phải đóng hai tạ! Anh Bá thư ký ghi vào biên bản!

Ông H. chống chế:

- Bán cả gia tài điền sản nhà tôi cũng không được hai tạ thóc. Xin anh Bá chưa ghi biên bản vội.

Chú Văn đập bàn:

- Anh Bá cứ ghi biên bản! Ông bán gia tài điền sản không đủ hai tạ thì ông bán cái thân ông đi mà đóng thuế.

Cả hội trường im như chết. Rồi giải tán. Thế là cuộc họp đầu tiên về thuế khả năng kéo dài đến nửa đêm, mới được hai tạ thóc. Bà con vừa đói vừa mệt, lếch thếch ra về. Họ thì thầm với nhau: “Ông H. thì có mấy quyển sách chữ nho, mấy cái bút lông, chứ có cái ma gì mà bán để mua đủ hai tạ thóc đóng thuế...”

Cái ông đồ ấy cũng đói meo như ta...”

Tôi nghỉ học đã ba ngày. Sáng nào mẹ cũng giục đi nhưng tôi nấn ná ở nhà để gánh đá thuê cho thợ nề làng Bút Trận nung vôi, được đồng nào tôi đưa cho mẹ đồng nấy. Mẹ không cầm: “Con góp lại, đem đến nhà trọ mua thêm thức ăn mà học, dạo này con gầy quá...”. Tôi vẫn giúi tiền vào tay mẹ, mẹ quay mặt đi và khóc.

Người tôi như tê dại. Giá tôi nghe lời mẹ thì tôi đã sang Trung Quốc học rồi. Năm ấy, cả huyện chỉ chọn tôi và hai đứa nữa đi học ngân hàng, vì gia đình tôi cũng có đóng góp ít nhiều cho cách mạng. Huyện gọi tôi lên và nói: “Nước nhà đang đánh giặc, cháu sang bên đó bác Mao nuôi cho ăn học để sau này về xây dựng tổ quốc. Như thế là cháu vinh dự lắm. Gia đình cháu là gia đình cán bộ thì cháu mới được chọn đi học nước ngoài”. Ông cán bộ huyện vừa nói xong, không hiểu sao tôi lại trả lời ngay: “Cháu xin cảm ơn bác, cháu không muốn đi đâu. Bác cho cháu ở nhà”. Mẹ rất bất bình với tôi việc này. Mẹ khuyên can mãi, tôi vẫn nhất mực không nghe. Tôi cứ tưởng ở nhà ngày nào cũng đi cắm trại, tối nào cũng đi tập hát, thế giới đại đồng đến nơi rồi, cho nên tôi không muốn xa quê hương, đất nước. Ai ngờ có trận đói thế này. Mẹ phải vất sức, vất mồ hôi, chặt bóp từng đồng tiền, bát gạo để nuôi tôi ăn học.

Những năm cách mạng mới thành công, mẹ hăng hái tham gia công việc đoàn thể, công việc xã hội, lại xoay xở việc đồng áng, cửa nhà. Bây giờ tôi thấy mẹ có phần mệt mỏi. Càng ngày mẹ càng già càng gầy yếu. Tôi tưởng như thời gian đi qua trên gương mặt mẹ từng ngày từng giờ. Còn bao lâu nữa tôi mới học xong để kiếm đồng tiền nuôi mẹ. Thế giới đại đồng càng ngày càng lùi xa. Chân mẹ gầy yếu thế làm sao mẹ đi tới được cái đích cao sang mà mịt mờ tí tắp ấy? Con có cảm giác như mẹ đang dẫn con đi trên dặm đường thiên lý sa mạc ngàn ngút nắng gió, chốc chốc lại hiện ra trước mặt mình những lâu đài tráng lệ, nguy nga của ảo giác lừa dối, để rồi

lại tiêu tan hy vọng, để rồi lại nuôi hy vọng hiện lên những tòa lâu đài khác...

- Con không đi học nữa đâu mẹ ạ, con ở nhà gánh đá thuê lấy tiền góp vào cho gia đình qua cảnh khốn khó này...

- Không được đâu con ạ! Con bỏ học thì sẽ ngu dốt suốt đời, khổ suốt đời! Cha con trước kia vác một cái song đi khắp tỉnh xắt thuê thuốc Lào cũng không đủ nuôi gia đình. Muốn thoát cảnh này, cả nhà chỉ trông cậy vào sự học hành của con. Anh con đã đi bộ đội... còn ai nữa... Tự nhiên ngực tôi nóng ran, cổ nghẹn lại. Không nói thêm được câu nào, tôi loay hoay sắp sách vở để tiếp tục trở lại nhà trường. Chắc mẹ sung sướng lắm, mẹ tất tưởi đong gạo vào ruột tượng và đổ thức ăn vào ống nứa để tôi mang đi. Mẹ vừa làm vừa nước mắt chảy dàn dựa trên gò má nhăn nheo. Rồi mẹ vào buồng nằm, quay mặt vô bức vách. Tôi thẩn thờ đến mở ống nứa xem, thấy ống nứa đựng đầy thịt kho muối - thịt vụn một phần thì muối đến mười phần, mặn hoắc, nhưng đối với cảnh học trò trọ chúng tôi thì đây là món ăn sang trọng. Tôi lục khắp tất cả mọi góc ngách chum, vại, chỉ còn chục cân thóc và một ít khoai khô. Gạo thì hết sạch - mẹ đã dành tất cả cho tôi mang đi. Tối nay mẹ lại ăn khoai.

Trên đường đến trường, tôi nghĩ lan man về mẹ, về gia đình bà con thân thuộc và quê hương. Cái đất quê mình cực quá chường. Đói và đói lưu cữu. Cứ tưởng cách mạng thành công thì dân làng mở mày mở mặt, không ngờ đói cứ xô nhau ập đến. Tình cảnh cũ trở lại, người ta lại lục tục kéo nhau lên Phủ Quỳ kiếm ăn và lúc trở về thì mang theo bệnh sốt rét và cổ trướng. Tôi nhớ bà Luyện nằm đói liệt mấy ngày, mẹ tôi đem sang cho một bát cà muối lẫn với củ chuối, nước đặc sệt đen ngòm. Bà run tay bưng bát cà ăn và liếm sạch, không còn một chút nước.

Tôi yên tâm học làm sao được? Bồn chồn đợi đến Thứ Bảy để về, Cái Thứ Bảy ấy, thật là kỳ lạ đối với tôi. Sáng dậy, không có chút gì vào bụng. Mười hai giờ trưa, học xong, tôi cuốc bộ một mạch suốt chặng đường nắng chói chang, không uống nước, cũng không dừng lại bẻ trộm ngô non. Nhớ nhà quá, nhớ quê quá, quên cả đói bụng.

Bước vào nhà, vắng tanh vắng ngắt. Bố mẹ đi đâu? Các em đi đâu? Năng lọt phen thừa rụng xuống những giọt vàng trên bếp tro lạnh. Bụi bay đều hiu. Muối kêu vo ve. Lạnh ghê người. Lúc này tôi mới chợt nhớ từ sáng đến giờ không ăn không uống, cơn đói quấy lên, bụng cồn cào. Tôi lục lọi tất cả nồi niêu, không tìm ra cái gì để ăn được. Tôi đành lấy điều thuốc Lào kéo một hơi dài, rồi nằm say lừ đừ trên nền nhà. Bà láng giềng sang xin lửa, gọi tôi dậy và cho biết cha mẹ tôi đi dự hội nghị đấu tranh thuế khả năng, còn hai em đi hái rau chưa về. Trời ơi! Lại thuế khả năng! Cả cái làng này, ai còn khả năng để đóng thuế? Mà cứ họp hành mãi, chẳng có biện pháp gì để chống đói. Cứ họp liên miên để rán sành ra mà ăn ư?

Tối. Tôi đi dự họp. Chú Văn mắt toét vẫn điều khiển hội nghị. Không khí căng thẳng. Hầu hết những người ngồi họp ở đây đều là những người đói. Người này biết người kia cũng đói như mình, nhưng vẫn hy vọng người kia cấu ra chút da chút thịt để mình ăn qua cơn hoạn nạn. Người này không nỡ làm việc đó, bụng rấm rứt, nhưng được ai đó kích động, cộng thêm vào tính ích kỷ bẩm sinh, nên đã nói liều rằng người kia còn dư hai tạ thóc, hoặc ba tạ thóc, hoặc bốn tạ thóc..

Chú Văn mắt toét tỏ ra rất kiên quyết. Hai tay giơ lên hạ xuống. Gân cổ nổi chằng chịt. Nói rất to. Phòng họp chỉ chừng năm chục người dự mà chú nói như diễn thuyết trước hàng ngàn người: “Vấn đề là phải chống đến tận gốc bọn tích cơ đầu trử, bọn ngồi mát ăn bát vàng. Các đồng chí hội viên ta phải bới ra cho hết những ai tích cơ đầu trử, lấy thóc về mà ăn, không thì

vấn đề là chết đói cả nút. Mọi người phải thông hiểu vấn đề đến tận gốc ý nghĩa quan trọng của vấn đề. Ai đang chần chừ, biết người tích trữ đầu cơ mà không nói ra thì vấn đề là cứ ngồi đó mà đói nhăn răng...”

Chú dừng lại một chốc, thở rất to, rồi nói tiếp: “Những người có tên phải đóng thuế khả năng mà bà con đã phát giác mấy đêm trước, vấn đề là phải nộp mau mau, không thì thế này này - chú nắm chặt hai nắm tay, nắm này đấm vào nắm kia - cứ cầm vô mà nện từ trên đầu nện xuống, nên cho đến khi nào mồm ợ ra mới thôi... Tôi nhắc lại ông Khương bốn tạ, bà Hương ba tạ, ông cụ Vân hai tạ...”. Những người này đứng dậy xin rút xuống sổ thóc phải đóng, ai cũng phân bua gia đình khó khăn. Chú Văn mắt toét cắt ngang: “Không rút xuống rút lên gì cả. Sáng mai vấn đề là phải đóng đủ, nộp đủ, không đóng thì thế này này - chú xấn hai ống tay áo, lại nắm chặt hai nắm tay, nắm này đấm vào nắm kia - cứ cầm vô mà nện từ trên đầu nện xuống, nên cho đến khi nào mồm tra mới thôi...Anh Bá thư ký cứ ghi tên vào biên bản cho tôi”. Ông Khương đứng dậy: “Nông Hội rút bớt cho tôi, tôi xin mang ơn, nhà tôi cũng kiệt rồi”. Chú Văn mắt toét đập bàn một cái rất mạnh làm nhiều người giật mình: “Vấn đề là ông chống lại Nông Hội à? Ông sợ đóng bốn tạ ít quá à? Thế thì ông đóng năm tạ. Anh Bá ghi cho tôi, ông Khương năm tạ”.

Không khí nặng nề như núi đè lên đầu. Chẳng mấy ai muốn phát biểu ý kiến. Ông Hành Giật xin giơ tay: “Thưa với chú Văn, Nông Hội ta muốn thu được nhiều thuế khả năng thì cứ sang bên Bút Điền, Hà Cát mà lấy, bên đó nhiều tạ lắm, muốn lấy hàng chục tạ cũng được, còn làng ta chỉ toàn vỏ chứ moi đâu ra hạt mà nộp thuế”. Chú Văn mắt toét ngơ ngơ ngác ngác, chưa hiểu ông Hành Giật nói gì. Một lát sau, bà con cười ầm lên, thì ra ông ta nói hai làng Bút Điền và Hà Cát có nhiều người họ Tạ, còn làng Hậu Luật thì toàn họ Võ (phát âm thành vỏ). Chú Văn mắt toét vẫn chưa hiểu, nhưng thấy bà con cười nhiều, đoán là ông Hành Giật xỏ xiên gì mình, bèn quát

tướng lên: “Yêu cầu ông Hành Giật phải nghiêm túc. Đề nghị bà con đừng cười. Cười là đồng lõa với bọn phong kiến, đế quốc. Vấn đề là...” Ông Hành Giật là tay nói trang nổi tiếng trong làng, bất kỳ ở đâu đông người, đào ao, đắp bờ, hội họp, ông đều nói những câu pha trò để gây cười. Chú Văn mắt toét vừa dứt lời, ông lại đứng dậy, mặt tỉnh bơ: “Tôi xin phát một ý kiến nghiêm túc. Làng ta có nhiều thì ra xóm chợ Mới vay hạt về đóng thuế”. Cả hội trường lại cười rộ lên: xóm chợ Mới có mấy người có tên cúng cơm là Hạt. Ông ta chẳng nề ai, đến tên cúng cơm của người ta, ông cũng mang ra để đùa cợt. Chú Văn mắt toét đỏ lừ mặt: “Ông Hành Giật coi chủ tịch hội nghị không ra gì cả. Vấn đề là trong đợt thuế khả năng này không chia cho ông một lạng thóc nào”. Vẫn chưa chịu ngồi yên, ông đối đáp rất nhanh: “Nông Hội không chia cho lạng nào thì xuống chợ Chùa tôi xin ăn bún ba tháng cũng chưa hết. Muốn ăn trăm lạng cũng được, nghìn lạng cũng được.” Ai còn lạ gì nữa, bà Hoe Lạng béo như cái bồ cạp thường xuyên ngồi bán bún ở chợ Chùa (!).

Không khí cuộc họp nặng như núi, bỗng chốc tan loãng như nước bởi những đợt cười chảy nước mắt nước mũi. Chú Văn mắt toét bị bao vây bởi những tiếng cười, chú giơ tay đề nghị phá cái hàng rào bao vây đó: “Bà con không nghiêm túc họp thì giải tán, không thuế khả năng khả niêu gì cả, chết đói cả nút...”. Lác đác một số người đứng dậy phủi bụi đít quần, định đi ra thì chú Văn mắt toét lại giơ tay lên: “Tôi xin đọc tiếp danh sách những gia đình có khả năng đóng thuế: Ông Diệt ba tạ? Bà Đoan ba tạ...”. Bà Đoan ba tạ? Bà Đoan ba tạ? Bà Đoan ba tạ? Nông Hội bắt mẹ tôi đóng thuế khả năng ba tạ thật ư? Như bị một cơn sốc, tôi choáng đầu choáng óc. Căn cứ vào đâu mà họ bắt mẹ tôi đóng ba tạ? Con số ma. Con số bịa đặt. Con số cưỡng bức. Búa bổ lên đầu tôi cũng chỉ choáng đến thế là cùng. Mẹ tôi đứng dậy, giọng nói run run: “Xin bà con dân làng xét cho thấu đáo. Cả nhà tôi chỉ còn hơn mười cân thóc với vài chục cân khoai khô...”, Chú Văn mắt

toét cắt ngang: “Ba tạ! Ba tạ! vấn đề là bà phải gương mẫu”, Giọng nói của mẹ tôi như nhúng trong nước mắt: “Từ khi cách mạng giành được chính quyền đến nay, tôi chấp hành nghiêm chỉnh mọi chính sách của nhà nước, của Nông Hội. Nhưng bây giờ thì quả là tôi không còn một chút khả năng để nộp thuế nữa. Không tin, mời Nông Hội vào nhà tôi khám xét. Sợ tôi cất giấu của cải thì xin Nông Hội vào khám ngay bây giờ...”. Vừa nói xong, mẹ tôi ngồi thụp xuống, ôm mặt khóc. Chú Văn mắt toét cười gằn: “Không còn thóc thì bà gỡ sân gạch bán mà nộp thuế. Vấn đề là khối người còn đói hơn bà. Vấn đề là bà còn giàu gấp vạn nhà tôi”.

Bá đang làm thư ký, bật dậy nói: “Tôi biết, tôi biết, nhà bà Đoan cũng đói lắm. Lúa hết. Gạo hết. Khoai hết. Còn gì nữa mà đóng”. Bá chơi với tôi từ nhỏ. Bây giờ Bá vẫn thân với tôi, thường vào nhà tôi chơi, gia đình tôi giàu nghèo sướng khổ thế nào Bá biết rất rõ. Tính Bá thành thật và thẳng ruột ngựa, thấy gì nói nấy, nói toạc ra sự thật. Nhiều người tin lời nói của Bá, xì xầm: “Anh Bá nói đúng. Nhà bà Đoan còn thóc với thếch gì nữa mà đóng”.

Chú Văn mắt toét hơi lúng túng, rồi trấn tĩnh ngay, giọng chú nói chan chát như đinh đóng cột: “Thôi được, vấn đề là chiếu cố gia đình cán bộ, rút mức thuế cho bà Đoan từ ba tạ xuống hai tạ”. Bá đối chát: “Hai tạ! Hai tạ! Mang bồ mang chum ra mà đóng thuế à? Nhân đà đó, mẹ tôi lại mếu máo: “Xin Nông Hội vào khám nhà tôi ngay tối nay xem còn được mấy hộc thóc. Nếu bắt tôi đóng thì tôi xin khát đến mùa”. Chú Văn mắt toét xấn ống tay áo: “Bà là cán bộ, bà phải gương mẫu. Người ta đang đói lẫn chiêm mà bà lại nói đến mùa mới nộp. Vấn đề là cho bà khát ba ngày. Bà không đóng thì thế này này - chú nắm chặt hai nắm tay, nắm này đấm vào nắm kia - cứ cầm vỗ mà nện từ trên sọ nện xuống cho đến khi mồm ợ ra mới thôi”.

Đêm hôm ấy, nhà tôi như có đám tang. Cha nằm thở dài. Chị dâu ngồi dưới bếp, gục mặt lên hai đầu gối. Mẹ nằm trên võng, một lát đi ra rồi lại đi vào. Tôi nằm trên chiếc chõng tre đặt đầu hè. Ánh trăng hạ tuần nhợt nhạt. Muỗi kêu vo ve. Chuột chạy rúc rích. Tôi buồn nấu gan nấu ruột, suy nghĩ lao lung. Chú Văn chẳng phải là người độc ác. Cui đánh đục đục đánh sáng, cấp trên dõng xuống cho chú thì chú phải làm. Từ tám tuổi chú đã phải bán sức lao động cho thiên hạ để kiếm miếng cơm manh áo. Khi bác Chắt kể cớ khởi nghĩa trên cây phượng nhà thờ đại tôn, chú đang cày thuê, bỏ chạy về tham gia đoàn biểu tình, Mấy lần chú xung phong đi bộ đội, chỉ vì mắt toét mà chú không trúng tuyển... Tôi cứ nghĩ lẫn thẩn, giá mắt chứ không toét, chú đi bộ đội thì đêm nay gia đình tôi đỡ khổ, mẹ tôi đỡ khổ. Nhưng mà chú được đi Vệ Quốc Quân, thì có người khác thay chú, cũng quát mắng mẹ tôi như chú. Biết đâu người thay chú lại ác hơn chú thì sao?

Nghe tiếng võng cọt kẹt, tôi biết mẹ đang nằm. Khi tiếng Võng im, tôi biết mẹ ra sân. Tôi đã từng nằm trên chiếc võng ấy và mẹ đã từng nghiêng xuống đời tôi che chở cho tôi bằng bao nhiêu niềm vui nỗi khổ lớn lao như trời bể. Con lớn rồi, cớ cách mạng về rồi, cứ tưởng đời mẹ dần dần bớt khổ. Có ngờ đâu khi con rời chiếc võng ấy thì mẹ lại nằm lên đó với nỗi buồn nặng nề, nỗi buồn vô hình, nỗi buồn không cất nghĩa được. Ngày mới cướp chính quyền. Mẹ hăng hái biết chừng nào, mẹ cùng các đồng chí tạo lập nên cái thế giới đại đồng với sức tưởng tượng tràn đầy lãng mạn. Bây giờ lòng mẹ đã trầm xuống, niềm hưng phấn đã giảm đi rất nhiều, mẹ vẫn cần mẫn nấu cơm cho cán bộ, cho thương binh vào ở nhà mình, mẹ vẫn không vắng mặt một cuộc họp chi bộ nào, mẹ vẫn gương mẫu trong mọi việc làng việc xã. Nhưng cái thuế khả năng nay mẹ gánh làm sao được? Mẹ gương mẫu làm sao được? Thóc vét đến tận đáy bồ rồi!... Tiếng võng im. Và bước chân mẹ đi rất nhẹ đến bên giường cha đang nằm. Cha gối đầu lên chiếc gối gỗ của ông đồ nghèo xứ Nghệ đã từng đỡ cái đầu chứa đựng

những luân thường đạo lý Khổng Mạnh, bây giờ cái gối cũ kỹ ấy vẫn hằng đêm đỡ cái đầu chứa đựng những giấc mơ Mã Khắc Tư - Liệt Ninh. Cha tôi vào Đảng chậm hơn mẹ tôi vài năm, vì cha có tính rụt rè, không xốc vác, không quyết đoán như mẹ. Các đồng chí trong làng thường bảo tinh thần đấu tranh của mẹ tôi cao hơn cha tôi. Những việc quan trọng trong gia đình thường do mẹ đề ra, rồi quyết định sau khi bàn bạc qua loa với cha... Bây giờ đây, hẳn có việc gì quan trọng mẹ sắp bàn với cha? Đêm im lặng. Ngoài vườn, ri rí tiếng dế kêu và tiếng tàu chuối lất phất...

Mẹ cầm đèn dầu hỏa soi cho cha trèo lên gác khênh chiếc hòm gỗ xuống. Để làm gì nhỉ? Để làm gì giữa đêm khuya này? Câu hỏi xoáy vào ruột gan tôi. Chiếc hòm bằng gỗ trắc từ đời cụ đời kỵ để lại, màu gỗ đã trơ lỳ, nhẵn thín. Trong hòm đựng những đồ tế tự quý như đôi hạc đồng ngâm hoa sen, bát đĩa cổ đời Tống đời Thanh. Mẹ vẫn cầm đèn soi để cha nhẹ tay sắp ra từng cái. Hằng năm, vào dịp tết Nguyên Đán và ngày giỗ ông giỗ cụ, cha tôi mới đem những thứ đồ cô này ra để cúng, rồi lại cẩn thận cất vào hòm Sao hôm nay nhân dịp gì mà cha mẹ lại đem những thứ này ra? Ngày mai có giỗ chạp gì đâu...

Tâm trí tôi hơi hoang mang. Tôi đi lang thang ra đường làng. Ánh sao mờ nhạt. Chó sủa vu vơ...

Sáu mấy tháng buồn chán, nghỉ học, hôm nay tôi trở lại trường, Thật tình mà nói vì thương cha thương mẹ mà tôi tiếp tục đi học, chứ tôi cũng chẳng nghĩ gì đến cái thế giới đại đồng mai sau tôi sẽ đem kiến thức ra để phục vụ...

Mẹ đã kho sẵn một mớ tôm mận cứng lớn nhón muối. Thằng Bá biết tôi sắp đi, ra đồng bắt lươn nấu với củ chuối gọi tôi tới cùng ăn. Bá dành một ít lươn còn lại kho cũng từng khoanh bỏ vào ống nứa để tôi mang đi. Chú cu Nhuyên láng giềng nấu khoai nếp xéo (khoai khô nấu trộn với nếp và

đỗ), bưng sang cho tôi một bát. Mẹ tôi nói: “Hôm nay chú còn nếp với đồ kia à? Chú trả lời: “Đến ngày bốn là giỗ ông, sống chết chi cũng phải mua một ít nếp để hương khói, tưởng là anh Trực ở nhà đến ngày đó sang uống chén rượu cho vui. Nhưng hôm nay anh đi thì bớt một ít nếp của ông để mời anh trước”. Mẹ rơm rớm nước mắt: “Chú làm thế có tội với ông”. Chú trả lời chân thành: “Biết là có tội. Nhưng cũng thương anh Trực lắm, đi học xa, ở trọ, đói kém...”

Sự chăm chút của mẹ cha, của làng xóm khiến tôi vừa xúc động vừa ngượng ngùng. Giá hồi ấy tôi nhận lời sang Trung Quốc học thì để cả làng kéo đến tiễn đưa. Đầm ấm sao tình thôn mạc nghĩa lân bang.

Bá cứ ngồi mãi ở nhà tôi, im lặng, thỉnh thoảng mới nói một câu. Mẹ tôi vừa đổ khoai vào ruột tượng cho tôi vừa hỏi chuyện đá: “Cháu làm thư ký đợt thuế khả năng này có lẽ mệt lắm”, Chứa sẵn trong người sự bức tức, Bà nói như chặt trốc ếch: “Cháu xin thôi làm thư ký bà ạ. Cháu xin đi làm dân công ba tháng ở Lào, khỏe cái thân cháu. Chúng nó điều lắm. Nhà bà không còn hột thóc nào, chúng nó cũng bắt đóng ba tạ. Mọi ruột người ta ra mà ăn à!” Mẹ tôi kéo ghế ngồi gần lại, hạ thấp giọng: “Ai chẳng biết thế. Nhưng cả làng đang đói lẫn ra. Cháu đừng đi dân công. Cháu gắng ở nhà giúp Nông Hội làm cho xong đợt thuế khả năng này”. Bá lại xẵng giọng: “Thật thà thì cháu làm. Điều toa thì cháu thôi. Đói thì chịu đói chung. Chứ thằng đói lại xẻo thịt thằng đói để ăn là cháu không chịu”.

Tôi cảm thấy buồn nẫu cả người. Bá đi dân công ở Lào ba tháng ư? Thế là Chủ Nhật tới tôi về không gặp Bá. Thế là tôi phải xa Bá ba tháng. Ba tháng dài đằng đẳng. Sống mà thiếu bạn bè là tôi buồn lắm. Huống chi Bá là thằng bạn rất chân thành, thân với tôi từ những ngày chăn trâu cắt cỏ. Thứ Bảy nào ở trường về thế nào tôi cũng chạy ra nhà Bá ngủ và cùng ăn với Bá một bữa cơm. Để bữa cơm chung được mặn mà, Bá ra đồng bắt sẵn

cá hoặc tôm hoặc lươn, ếch nấu sẵn đợi tôi về, Cái vị mặn mòi của ếch nấu với cà, lươn nấu với củ chuối trộn lẫn với mùi thơm của bạc hà, tíá tô trở thành hương vị quê hương vô cùng đậm thắm.

Bá đội mê nón đi với tôi một quãng đường dài. Càng đi tôi càng thấm thía cái tình bạn chân lấm tay bùn. Nếu Bá cố tích cực làm thư ký thuế khả năng cho Nông Hội thì Bá sẽ được chi bộ Đảng đánh giá là phần tử tích cực, được kết nạp Đảng, rồi được làm cán bộ xã. Nhưng bản năng trong sáng đã thúc giục Bá từ chối tất cả mọi sự cám dỗ ấy một cách tự nhiên.

Qua làng Nho Lâm, Bá kéo tôi vào chợ Cộ, moi mấy hào bạc nhảu nheo trong túi áo mua cho tôi một năm cá khô, Chợ này vốn thường bán cá biển và một ít đồ rèn, sao bỗng hôm nay bán nhiều đồ cổ đến thế. Tôi bùi ngùi nhớ lại bài hát dậm mẹ thường ru tôi hồi nhỏ:

Gặp năm lụt lội mất mùa Lúa khoai mất sạch tôm cua trắng đồng Khắp
nam bắc tây đông Nghe kêu van chuyện đói Nghe phàn nàn chuyện đói

Cơ trời làm tội Đồ cộ (cổ) mang ra Bán hết cả ông bà Tổ tiên chi cũng
bán Tổ tiên này cũng bán

XIII

đấu tranh chính trị

Đền thờ Bạch Y Thần trở thành địa điểm của những họp lớn. Thượng điện biến thành kho phân, luôn luôn bốc lên một mùi hôi thối. Hạ điện là nơi họp, bốn góc nhà bị trẻ em nghịch ngợm đá, nước tiểu thấm vào tường xông lên mùi khai nồng nặc, Đạo này liên miên đêm nào cũng họp, toàn là những cuộc họp quan trọng, người ngồi chật ních cả ba gian.

Rét. Đói, Mưa dầm. Người dự họp vẫn đông. Họp để vạch mặt những người man khai thuế nông nghiệp, để đấu tranh với những người không chịu nộp thuế nông nghiệp, dần dần phát hiện ra “bọn phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng” - gọi là đấu tranh chính trị.

Có hai ngọn đèn dầu hỏa: một ngọn đặt ở bàn chủ tọa, một ngọn đặt giữa hội trường. Ánh sáng rất mờ chỉ đủ hiện lên những cái đầu lố nhố. Xung quanh ngọn đèn, chừng mười khuôn mặt hiện ra có thể nhìn thấy được • vốn những khuôn mặt này đã gày gò và nhuốm màu lam lũ, ánh sáng đèn ăn vào càng làm cho khuôn mặt hốc hác.

Khác với những cuộc họp trước đây, không khí hội trường có vẻ nghiêm hơn, nặng hơn. Người ta im lặng chờ đợi một cái gì rất quan trọng đang nhích đến từng phút từng giây như đoàn người kéo gổ không có con lăn làm đà, gổ nhích đi từng ly từng tí, mệt mỏi biết đường nào!

Đồng chí chủ tọa tuyên bố: “Các chiến sĩ ta đang đổ xương đổ máu ngoài chiến trường để giành độc lập, tự do, hạnh phúc cho toàn dân, thì có một thiểu số phần tử ở hậu phương rất là cá nhân ích kỷ, man khai thuế nông nghiệp, chui chui rúc rúc như chuột nhắt. Đồng bào ta phải đoàn kết, triệu người như một, đấu tranh với những phần tử phi chính trị, phi lập

trường giai cấp, phi ái quốc, phi hòa bình để thúc đẩy công cuộc kháng chiến, kiến quốc chóng đến thắng lợi hoàn toàn. Nếu chúng ta không tố giác, không đấu tranh với những phần tử đó thì các chiến sĩ ta càng đổ nhiều xương máu, hòa bình thế giới sẽ bị đe dọa. Bà con ta đồng tâm nhất trí đào tận gốc trốc tận rễ những phần tử trốn thuế nông nghiệp như đập vỡ ổ rắn độc". Chủ tọa buổi họp là ông cu Đình xóm Tây, nói lưu loát một mạch, không ngắt ngứ chỗ nào. Ông nói trơn tru như đọc, nhưng lại không phải là học sinh đọc bài, mà dõng dạc, oai nghiêm, có khi ông thét lên, có khi ông nghiêng răng lại. Nhờ có khoa nói mà ông được cử làm bí thư Nông Hội xã. Đêm nay, người ta cử ông làm chủ tọa vì cần có một người điều khiển cuộc họp biết nói năng hoạt bát, hùng hồn.

Ông nói xong, hội trường im như chết. Ngọn đèn im phăng phắc. Hàng chục bóng người im phăng phắc. Hàng chục cái đầu im phăng phắc. Cái im lặng này rờn rợn như thời tiết trước khi nổ ra giông bão.

"Nào? Mời bà con tố giác! Nếu không tố giác hết phần tử này, chiến sĩ ta ngoài mặt trận sẽ không có súng đạn, không có cơm ăn áo mặc để đánh giặc, bà con ở hậu phương sẽ đói khát, bọn phản động quốc tế sẽ tấn công lại ta và phá hoại sự nghiệp độc lập, tự do, hạnh phúc của ta", ông cu Đình lại tiếp tục nói. Hội trường lại vẫn im như chết. Ông có vẻ bất bình với cái tập thể im lặng trước mặt ông. Ông đứng lên, lại ngồi xuống, nhìn vào nhóm người này, lại nhìn vào nhóm người kia. Tiếp đó, ông kéo một hơi thuốc lào rất dài, tiếng kêu sòng sọc của ống điếu là âm thanh duy nhất vang lên trong lúc này.

Hội trường vẫn im như chết.

- Không ai nói thì tôi chim mời trước - ông cu Đình giơ cao nắm tay - Bà Hinh, ông Khang đã nộp thuế chưa? Ban thuế trả lời cho biết. Ai ở trong ban thuế, đứng lên trả lời!

- Chưa nộp! Như lửa đã châm được mỗi, ông cu Đình gần giọng: - Bà Hình, ông Khang lên đây!

Chủ tọa và mọi người quay đầu nhìn xung quanh tìm bà Hình, ông Khang, không thấy đâu cả. Chủ tọa cu Đình lại hỏi:

- Bà Hình, ông Khang có mặt ở đây không?

Không một tiếng trả lời. Hội trường im như chết. Bỗng có người cất giọng cà lăm:

- Ông... ông... ông... Khang... Khang... ngồi cạnh... cạnh tôi... Còn bà... bà... Hình ngồi ở... ở... ở... ở... cột đầu... đầu... kia! Chủ tọa đập bàn rất mạnh. Chiếc đèn dầu hỏa nhảy lên, rồi tắt. Cả hội trường giật mình.

- Ông Khang, bà Hình lên đây ngay! Chống lại chế độ à? Sao không lên tiếng? Lên đây ngay.

Hai bóng người từ phía dưới đi lên, dáng lom khom, sợ sệt. Đây là hai gia đình tương đối có máu mặt trong làng, gọi là có máu mặt vì có nhà ngói, sân gạch. Lâu nay họ dấy dưng việc nộp thuế và cũng không tham gia đầy đủ việc làng việc xã. Nhưng không ai đối xử nặng lời với họ. Lần đầu tiên họ bất ngờ bị ông cu Đình quát thẳng vào mặt, không kịp phản ứng, mà tỏ ra lo sợ, ngoan ngoãn tuân theo sự điều khiển của ông.

Hai người bước đến gần bàn chủ tọa, cúi đầu.

- Bước lên bước nữa. Quay mặt xuống. Đứng chổng đít vào bà con dân làng là vô lễ, vô phép tắc.

Ông cu Đình lại quát. Họ giật bắn người, toát mồ hôi mặc dầu trời đang rét.

- Hai người có biết không, sự nghiệp kháng chiến kiến quốc đang bước vào giai đoạn quyết liệt. Các chiến sĩ ta đang ăn sương nằm gió, đổ xương

đổ máu để giành lại độc lập cho non sông đất nước mà các người lại tiếc hạt gạo hạt thóc. Các người rất là vô ơn bội nghĩa. Các người đã phản lại sự nghiệp kháng chiến kiến quốc, phản lại sự nghiệp hòa bình ở châu Á và trên toàn thế giới, tiếp tay cho bọn phong kiến đế quốc, làm giàu cho bọn tư bản ở Mỹ ở Pháp. Bà con làng ta nghèo khổ hơn các người nhiều mà bà con cũng nộp thuế đúng kỳ hạn, và bà con biết hy sinh quyền lợi cá nhân, đặt lợi ích của tổ quốc lên trên, đặt quyền lợi của toàn dân tộc cao hơn quyền lợi gia đình. Sao các người không noi gương bà con? Con sâu làm rầu nồi canh, các người có biết nhục không?

Âm! Bất chợt ông cu Đình đập bàn. Đền tấ. Ông nuốt nước bọt một cái “ực” rồi dần giọng hỏi lại:

- Tôi hỏi. Sao hai người không trả lời?

Ông Khang, bà Hình vẫn đứng im như hai cái cột gỗ. - Các người coi thường chủ tọa à? Ông Khang, bà Hình! - Da... - Các người trả lời câu hỏi của tôi. - Dạ, tôi chưa nghe rõ...

Từ nãy đến giờ ông cu Đình nói thao thao bất tuyệt. Hai người không nghe được câu nào, tiếng nào, mà chỉ nghe ong ong như có đàn ong bay trong đầu. Ông cu Đình nhắc lại:

- Con sâu làm rầu nồi canh, các người có biết nhục không?

- Dạ, biết nhục...

- Xin mời bà con phân tích tác hại của việc hai người dây dưa thuế nông nghiệp.

Hội trường lại im lặng như chết. Có tiếng gà gáy từ ngoài xóm vọng vào. Quá nửa đêm rồi...

Anh chàng cà lăm lúc nãy đứng dậy, giơ tay:

- Tôi... tôi... tôi... xin phân tích... Dây dưa thuế... thuế... nông nghiệp là... là... là... cái đồ... đồ... 1... li... liếm... 1...

Cả hội trường cười ầm lên. Chủ tọa cu Đình, tức giận về tiếng cười đó:

- Ai cười là thiếu ý thức! Đề nghị anh Cà bình tĩnh nói từng tiếng một, đừng nói lụp.

.Tôi... tôi... tôi xin phân tích... phân tích... lại... chống lại... lại... lại... chính sách... sách... thuế... thuế nông nghiệp là... là... là cái đồ... 1... liếm... 1...

Cả hội trường lại không nén được cười. Anh chàng cà lăm này thường ngày bức bối, chửi bới ai, hay văng tục “cái đồ liếm l”. Lúc này anh ta vẫn không chống lại được quán tính.

Chủ tọa cu Đình lắc đầu tỏ vẻ thất vọng, tuyên bố giải tán và “mời bà con tối mai đến họp”.

Ban lãnh đạo ở lại, rút kinh nghiệm, và phân công nhau đến vận động một số người làm mời cho cuộc đấu tranh hôm sau.

Trưa nay, ông cu Đình gặp tôi nhờ tôi viết một bài văn nghệ” để tối đọc. Tôi sung sướng vì được các đồng chí lãnh đạo tín nhiệm. Mẹ tôi biết việc đó, nói nhỏ với tôi bằng vẻ mặt quan trọng: “Con cố gắng viết cho hay, rồi học thuộc lòng, tối đọc cho lưu loát”. Viết những bài văn vắn để ngâm, kể về, hát chèo, hát tuồng, hát trống quân, sa mạc động viên trong các buổi họp trở thành sở trường của tôi. Có lúc tôi viết rồi nhờ một cô gái nào đó hát. Có khi tôi viết và tự diễn xuất một vai tuồng, một vai chèo hoặc một vai hề. Bài nào tôi viết cũng được người nghe vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt, vì nội dung rất sát với tình hình thôn xóm, thậm chí nếu cần thì kể rõ tên ông này tích cực, bà nọ tiêu cực.

Sau khi ông cu Đình gặp, tôi trốn biệt ở một nơi vắng vẻ, hì hục viết quên cả ăn cơm. Tối đến, bắt đầu vào cuộc họp, ông cu

Đình giới thiệu tôi “hát văn nghệ”. Tôi hồi hộp đứng dậy trình bày theo điệu hát giặm:

Trăm năm trong cõi người ta
Đóng thuế nông nghiệp thật là vẻ vang
Khắp dưới bề trên ngàn Nhân dân ta nô nức
Chiến sĩ mình nô nức.

Tấm lòng dân như ngọc Soi đường lối Đảng mình
Thật rạng tỏ anh minh
Đánh tan quân xâm lược Diệt trừ bầy xâm lược.

Cán bộ thì tất bật Mang túi dết bên người
Cứ chạy ngược chạy xuôi Đến nhà dân vận động
Đến từng nhà vận động.

Cơm khoai ăn lòng lửng Người đã gọi bên ngoài
Chân lông dép trượt quai
Đội mưa dầm đi họp Đội trời mưa đi họp.

Có kẻ giàu nứt cọt

Thuế má cứ khai man

Lẩn trốn đủ trăm đường

Như là lươn là trạch

Như đồ lươn đồ trạch.

Phải ra tay vạch mặt

Cái lũ trạch lũ lươn

Đục khoét vùng hậu phương

Dân tình ta cơ khổ

Chiến sĩ mình cơ khổ.

Phải nhất tề tóm cổ

Cái lũ trạch lũ lươn

Phả vật cản, mở đường

Thuận đã lên thắng lợi

Chóng đến ngày thắng lợi.

Tôi vừa đọc xong, tiếng vỗ tay hoan hô như muốn vỡ tung cả mái ngói. Đã bao nhiêu lần tôi được vỗ tay như thế, đến lần này tôi vẫn không nên được niềm vui sướng cứ trào lên. Tôi càng phổng mũi khi chủ tọa cu Đình nói: “Anh Trục nói rất đúng: Phải ra tay vạch mặt, cái lũ trạch lũ lươn - phải nhất tề tóm cổ, cái lũ trạch lũ lươn. Xin mời bà con thẳng thắn vạch mặt”.

Anh chàng cà lăm hăng hái nổ phát súng đầu tiên: - Tôi... tôi... tôi vạch... vạch... mặt...

Chủ tọa cản lại:

- Anh Cà hôm qua nói nhiều rồi, để nhường lại cho người khác.

- Không... không... Tôi chỉ xin... xin... bình một câu về... về... cái bài văn... nghệ... của... của... ch.. chú Trục.

Chủ tọa:

- Anh nói thật ngắn.

- Tôi... tôi... nói thật... thật ngắn. Ch... chú... chú Trục nói... nói... cái lũ... lũ trạch... lũ... lũ... lươn cũng là... cái... lũ... liếm...

Không khí hội trường đang trang nghiêm, bỗng lại vang lên tiếng cười.

Chủ tọa cu Đình mặt đỏ gay:

- Từ giờ phút này, tôi cấm không ai được cười! Cười là phá hoại hội nghị. Cười là tiếp tay cho bọn chống lại chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và chính phủ.

Ông Hành Giật giơ tay:

- Tôi tán thành ý kiến của chủ tọa. Nhưng tôi phải nói thế này mới đầy đủ. Cấm đàn ông không được cười là đúng. Nhưng đối với đàn bà thì phải cho họ cười mỉm, chứ cấm họ cả cười to cả cười mỉm thì chỉ có cách là bắt họ đứng họp. Đã quen với lối hài hước, xỏ xiên của ông, mọi người hiểu ý và lại không nên được tiếng cười. Chủ tọa thẳng tay ra lệnh cho dân quân tổng cổ ông Hành Giật ra khỏi hội trường. Lập tức không khí hội nghị trở lại nghiêm trang như bàn thờ và nặng nề như núi.

Thoáng nhớ lại những người mà tối qua và suốt ngày hôm nay ông đã dày công gắp gỡ và mớm lời cho họ, ông gọi tên từng người:

- Bà con đã tín nhiệm cử tôi làm chủ tọa thì tôi có quyền quyết định mọi việc. Bây giờ xin mời những người này phát biểu: anh Toàn, bà Nguyễn, ông Vận... Sau đó, những người khác tiếp tục.

Toàn chạy lên, chỉ tay vào mặt bà Hình và ông Khang:

- Ngoài mặt trận các chiến sĩ không tiếc máu xương để giành độc lập, tự do, hạnh phúc cho đất nước. Các ông các bà thật là vô ơn bội nghĩa, ăn cháo đá bát. Các ông các bà được ăn no mặc ấm mà không nghĩ đến các chiến sĩ nhịn đói nhịn khát ăn sương nằm gió, lăn lộn ở chiến trường. Các ông các bà là kẻ nằm há miệng chờ sung rụng. Đến lúc nước nhà độc lập thì các ông các bà lại xông vào trước để tranh phần nhiều. Tư tưởng đó là tư tưởng của bọn phong kiến, đế quốc, của quân xâm lược sài lang...

Bà Nguyễn cũng đứng nghiêng người giống tư thế anh Toàn:

- Bà Hình ông Khang là quân đế quốc, là lũ sài lang... Bà Hình ông Khang, là đồ phản động, là đồ Việt gian. Bà Hình ông Khang là quân đế quốc, là lũ sài lang. Bà Hình ông Khang, là đồ phản động, là đồ Việt gian. Bà Hình ông Khang...

Nghe bà nói như hát, có cô gái nào đó bật ra tiếng cười. Chủ tọa cu Đĩnh lại ra lệnh cho dân quân tổng cổ cô ta ra khỏi hội trường.

Chính thái độ kiên quyết của chủ tọa làm cho không khí cuộc họp trở nên nghiêm trọng. Lòng ngực của người nào cũng nóng ran.

Đến lượt ông Vận. Cái lưng ông hơi gù. Nhưng toàn bộ tư thế đứng của ông cũng giống như anh Toàn, bà Nhuyễn. Tất cả như cùng được đúc ra từ một cái là:

- Tôi phán cho các ông bà biết - Ông Vận nói - Ông cha ta lấy chữ “đạo” làm đầu, còn các ông các bà thì lấy chữ “tặc” làm đầu. “Tặc” là gì, các ông các bà có biết không? “Tặc” là phong kiến, đế quốc, “tặc” là xâm lược sài lang. Man khai thuế nông nghiệp, trốn thuế nông nghiệp, chống lại chính sách thuế nông nghiệp tức là “tặc”. Các ông các bà là “tặc”. Các chiến sĩ ngoài mặt trận là “đạo”, “Tặc” chống lại “đạo” tức là phi nhân, phi nghĩa, phi độc lập, phi tự do, phi hạnh phúc. Các ông các bà...

Một người đàn ông từ phía dưới thét to: - Chúng nó chống Đảng chống chính phủ, không gọi chúng nó là “ông, bà”, mà gọi là “thằng”, là “con”.

Như mèo vớ được cá rán, chủ tọa bật dậy: - Ông Tư phải không? Mời ông lên đây!

Ông Tư xồng xộc chạy lên:

- Tao thấy chúng mày thường gặp nhau họp kín, thậm thụt bàn với nhau. Bàn cái gì? Bàn chống Đảng chống chính phủ à? Dân công không chịu

đi, khát lần này lần khác. Thuế không chịu đóng. Tao căm ghét chúng mày.

Ông Tư giờ chân đạp vào lưng bà Hinh, ông Khang ngã chúi mặt.

Một người đàn bà giọng ồm ồm như ếch kêu:

- Hạp kín thì còn nhiều người khác nữa, chứ không riêng gì hai tên Khang với Hinh.

Chủ tọa: - Còn những tên nào? Bà cho biết. - Còn ông Đẹt, ông Thọ. - Đẹt, Thọ lên đây!

Ngay trước bàn chủ tọa có thêm hai người nữa là thành bốn người. Bốn người ngồi vòng tay, cúi mặt như bốn tội nhân ngồi trước vành móng ngựa. Trong ánh đèn mờ, họ run cầm cập như cây sậy.

Trong bốn người này thì ông Thọ - tôi quen gọi là chú xã Thọ - nghèo nhất. Bố chú chết sớm, chú đi làm thuê khắp nam bắc đông đoài. Chẳng có một tấc đất cắm dùi. Sau ngày giành được chính quyền, chú mới được chia dăm tấc đất, dựng một cái lều để chui ra chui vào. Ở làng tôi, trên bốn mươi tuổi người ta đã có cháu nội cháu ngoại, riêng ông Thọ cũng đã chừng ấy tuổi mà chưa lấy được vợ nên dân làng gọi là “xã Thọ”. Chú cũng thuộc dòng họ Võ, chi dưới của chi họ tôi, nên tôi gọi là “chú xã Thọ” một cách thân mật. Thỉnh thoảng chú lên giúp việc cho nhà tôi như bửa củi, xe đá. Lúc rỗi rãi, chú thường ngồi uống nước chè xanh với bố mẹ tôi và kể những chuyện ma quái ở miền ma thiêng nước độc Phủ Quỳ. Dịp giáp hạt, mẹ tôi thường san sẻ cho chú củ khoai lang hay bát khoai khô. Có một lần tôi nhớ mãi, mẹ tôi đến chơi thấy chú nằm lả đói, vội vàng về nhà mở vại cà muối đen ngòm bốc ra một bát lẫn nhón củ chuối, cây rau dền, xơ mít và cà pháo. Chú chống tay ngồi dậy ăn một cách ngon lành, uống đầy một bụng nước, rồi chấp tay với mẹ tôi. Ngược lại, chú cũng rất thương tôi. Kỳ thi năm ấy, tôi tìm được một chỗ khuất để ôn bài, đó là cây đa giếng Đình.

Vòm cây rậm rạp, tôi trèo lên ngòi ở chạc ba, học suốt buổi. Các cô đi gánh nước, trẻ chăn trâu không biết tôi ngồi trên đó. Chỉ riêng chú xã Thọ, nhà ở gần cây đa, biết nơi tôi thường ngồi học. Khoảng nửa buổi chiều, chú thường đem ra cho tôi bát khoai xéo hoặc mấy củ khoai lang hoặc mấy bắp ngô luộc. Khi cây đa bị sét đánh chết, chú nói đùa: “Trời đánh chết cây đa, nhưng không đánh chết được chữ của anh Trục”.

Chú xã Thọ là như thế, nghèo khổ, hiền lành, sao lại làm phản động? Năm thì mười họa chú có đến làm thuê cho ông Khang, thỉnh thoảng ngủ đêm ở đó. Hình như chú cũng nhẹ dạ, khờ dại nghe những người trong tổ chức Quốc Dân Đảng ủ rêu, dự một vài cuộc họp. Có lẽ vì thế mà chú bị người ta ghép vào tội “làm phản động”. Đây là lời buộc tội của người đàn bà giọng ồm ồm như ếch kêu: .

- Thằng ni ngu si suốt đời - Nghe quân Quốc Đảng ngổ lời rử rêu - Đầu óc tằm tối u mê - Đi dự họp kín, theo nghề chó săn!

Nói xong, bà dồn tất cả sức mạnh vào cánh tay phải tát vào đầu chú xã Thọ. Cái khăn thủ rìu rách xơ xác trên đầu chú bung ra và làm tung tóe mớ lá hương nhu - chú đau đầu nên phải bọc lá hương nhu và suốt cả ngày hôm nay chú nằm rên một mình

nhà. Ăn cái tát bất ngờ, chú bị choáng và ngất xỉu. Chủ tọa ra lệnh cho dân quân kéo lê chú ngồi tựa lưng vào cột và tiếp tục

“vạch mặt ba tên kia”.

- Nó vờ ốm để không khai. Phải cảnh giác với âm mưu của bọn chó săn.

Như bị dùi châm vào mông đít, chủ tọa chồm chồm đứng bật dậy:

- Hoan nghênh tinh thần cảnh giác của ai vừa nói đó. Tên Thọ vờ ốm. Bắt tên Thọ phải khai kỳ hết, khai xong mới được ốm.

Gần chục người xô lên: - Đúng, đúng... - Bắt khai đi... - Những ai dự họp kín? - Thằng nào trùm, phải lổi mặt ra! Một người nắm tóc chú xã Thọ giật rất mạnh: - Thằng nào trùm? - Ngợi... - Thằng nào nữa? - Giản... - Còn thằng nào nữa? - Hết rồi...

Qua giọng trả lời thêu thào của chú xã Thọ, người ta nghe rõ cái tên “Ngợi” và “Giản”. Trung tử! Ngợi và Giản là đầu mối của mọi hoạt động chống chính quyền trong thôn xã. Ngợi tốt nghiệp pơ-ri-me. Giản vốn làm xếp ga. Cả hai đều là bà con thân thiết với hàn Hạp, một viên quan về hưu.

Khởi trúng ngôi, cái ung nhọt vỡ ra. Hàng chục cánh tay giơ lên. Hàng chục cái đầu nhô về phía trước. Hàng chục cái miệng tranh nhau nói. Lời va vào lời, tiếng va vào tiếng, chát chúa, ghê tai, rợn gáy:

- Trói cổ chúng nó lại! - Đào tận gốc trốc tận rễ bọn chó săn! - Đánh bỏ mẹ!

- Giết mẹ chúng nó đi!

Chủ tọa cu Đình khuôn mặt hiện lên một vẻ khác thường, vừa hăm hở vừa căm giận: “Hoan nghênh tinh thần đấu tranh của bà con nông dân. Tôi hạ lệnh dân quân bắt trói hai tên Ngợi và Giản, nhốt vào ngục.”.

Trời chưa tối hẳn, người đến dự họp đã khá đông. Bà đang cấy dở sào ruộng cũng vội về ăn cơm nguội để đi họp. Ông đang bữa củi cũng dùng tay ăn vội mấy củ khoai để đi họp. Cụ già đang lên cơn hen cũng choàng tấm chăn đi họp... Vòng họp lại Sở người ta nghi là mình có liên quan gì đến bọn phản động, nên ai cũng lo đi sớm,

Tối hôm nay là tối thứ ba của cuộc “đấu tranh chính trị”. Không khí làng xóm sục sôi, căng thẳng. Đi trên đường làng, làm ngoài đồng, người ta tùm tùm nhau bàn tán:

- Không ngờ làng ta lại nhiều phản động đến thế! - Ông Thọ ngu ngơ thế mà cũng làm phản động à?

- Cứ ngỡ bọn Việt gian phản động phải như Nguyễn Văn Thinh, Trần Văn Hữu, Lê Hữu Từ, bây giờ mới biết làng ta cũng có Việt gian phản động.

- Bà Hình với ông xã Thọ cũng làm Việt gian phản động thì lạ thật. Trời sắp sập rồi.

- Tôi cứ tưởng họ nghe xui đại, hóa ra họ làm phản động thật.

Xâm xẩm tối, người ngồi chật ních ba gian nhà. Tôi linh cảm một điều gì ghê gớm sẽ xảy ra, một điều gì đó không bình thường, một điều gì đó nhân từ hay độc ác? Một điều gì đó yêu thương hay tàn nhẫn? Đầu óc tôi rối tung nhiều ý nghĩ. Tôi chợt nhớ đến thằng Biều - thằng Biều con ông Khang, bạn học của tôi. Tôi len lách mọi ngóc ngách để tìm cho được thằng Biều. Lúc thấy nó, tôi len lén đến sau lưng và ra hiệu cho nó đi theo tôi. Như kẻ sắp chết đuối vớ được cọc, nó liền khom lưng chạy theo tôi ra phía sau hậu cung của ngôi đền. Nó đang nghĩ gì về sự ra hiệu của tôi? Lành hay dữ? Nó chờ đợi cái gì tôi sẽ mang đến cho nó? Một lời an ủi? Một phương thức để cứu ông Khang, cha của Biều, tránh khỏi trận ra đòn sấm sét đêm nay? Biều đứng sát bên tôi, chân tay run lẩy bẩy, trống ngực đập thình thình. Tôi nắm tay nó, nói rất khẽ: “Mày tìm cách gặp cha mày ngay, gặp ngay trước khi họp, nói với cha mày là có gì cứ khai hết. Nếu không, họ sẽ đánh chết mất, không chết thì cũng tàn tật. Tao biết rõ điều đó mà. Cứ khai tuốt tuồn tuốt...”.

- Ai? Ai? Tôi giật nẩy mình. Chú Niên xã đội trưởng quát. - Tôi đây mà... Tôi đáp.

- Tôi là ai? Xưng tên - Tại sao lại đứng vào chỗ tối này. Định âm mưu gì?

- Tôi là Trục. - Trục con bà Đoan phải không? Ra ngay! Trói lại! - Tôi ra ngay đây... giọng tôi run run trả lời.

- Lần đầu tha tội cho anh. Lần sau bắt được anh đứng trong bóng tối là tôi ra lệnh dân quân trói gò cô!

- Dạ... tôi nhẹ bồng cả người.

Quay nhìn xung quanh, thằng Biều đã tìm cách chuồn từ bao giờ. Nếu chú Niên biết tôi đứng nói chuyện với nó thì chắc chắn tôi bị quy là “liên quan với bọn phản động” và tôi sẽ không tránh được một trận hành hạ. Hú hồn, thoát chết!...

Vào cuộc họp. Chủ tọa cu Đình giới thiệu tôi làm thư ký: “Cuộc họp này vô cùng quan trọng, phải có một thư ký ghi nhanh, ghi đầy đủ, ghi lưu loát, mạch lạc. Tôi đề nghị anh Trục làm thư ký”.

Chú Niên từ ngoài sân chạy vào, vai mang đại đao, nói giọng cứng rắn:

- Trục à? Không được! Vì lý do gì mà trước cuộc họp anh Trục đứng trong bóng tối thậm thụt với một người nào. Không cần người văn hay chữ tốt, chỉ cần một người có tư tưởng lập trường vững để làm thư ký.

Thế là tôi cũng bị nghi rồi! Tôi bị coi là kẻ “liên quan” rồi! Tôi không còn trong sạch nữa. Tôi vừa lo sợ vừa mừng vì không bị bắt trói. Thế là phúc bất dãi cho tôi. Thằng Biều bây giờ ở đâu? Nó có kịp gặp cha nó để nói cái điều mà tôi dặn? Tôi tưởng tượng cái cảnh tra tấn sẽ diễn ra đối với ông Khang. Tôi rùng mình.

- Dân quân đâu? Dẫn những bọn có tội với cách mạng vào đây! Chủ tọa ra lệnh.

- Có! Xã đội trưởng Niên trả lời.

Mấy người dân quân dẫn ông Khang vào trước. Ông đứng vòng tay, cúi gục đầu, tóc xõa. Chú xã Thọ cùng với bà Hình, ông Đẹt, ông Ngợi, ông Giản lếch thếch đi sau.

Chủ tọa cứng cổ, vào ngay chương trình:

- Bà con ta thẳng tay vạch mặt bọn hại dân hai nước, đào tận gốc tróc tận rễ hang ma động quỷ. Ta không thương xót gì chúng nó. Thương xót là mất lập trường giai cấp. Bằng tất cả mọi cách, ta bắt chúng nó khai hết. Không khai thì đánh chết. Chết thì chôn!

Từ phía dưới, ào ào xông lên ba người, rồi bốn người, rồi năm người, rồi sáu người. Họ đứng xúm quanh đám người bị quy là phản động, chửi rửa om sòm, văng tai vàng óc. Cuối cùng, một bác nông dân hét to: “Chúng nó ngoan cố lắm. Chúng nó cứ đứng lì như tảng đá. Phải treo cổ một thằng để làm gương”.

Bị kích động, hàng chục người nhao nhao:

- Phải treo cổ một thằng! - Phải treo cổ một thằng!

- Đừng treo cổ. Treo cổ thì nó chết ngay. Chết ngay thì nó không biết đau. Cứ treo ngược lên.

- Phải rồi, treo ngược lên. - Treo thằng Khang! Treo ngược lên!

Ba anh dân quân mang đại đao xồng xộc tới, buộc dây thừng vào hai cổ chân ông Khang, rồi trèo lên xà nhà kéo ngược dây. Ông Khang vội vàng van xin:

- Tôi xin khai hết. Tôi xin khai hết. Họ lại buông dây xuống để ông Khang đứng nói:

- Tôi có tội với dân với nước. Từ nay tôi không dám làm phản động nữa!

Dân quân A: - Mi làm phản động với ai? Dân quân B: - Mi đã chỉ điểm cho giặc mấy lần?

Dân quân C: - Mi đã nhận mấy tỉ đô la của Quốc Dân Đảng?

Bị hỏi dồn dập, ông Khang không biết trả lời thế nào. Chủ tọa liền ra lệnh: “Thằng này ngoan cố, treo ngược lên xà nhà!” Ba dân quân lại xô vào. Ông Khang chấp hai tay lạy: “Cho tôi khai. Tôi xin khai hết”. Chủ tọa hỏi từng câu:

- Mi làm phản động với ai? - Với mấy người đang ngồi đây. - Mi đã chỉ điểm cho giặc mấy lần? - Hai lần. - Mi đã nhận mấy tỉ đô la của Quốc Dân Đảng? - Năm tỉ. - Mi để ở đâu? Mang ra đây...

Ông Khang lúng túng... Chủ tọa kết án là “thằng này ngoan cố, treo lên xà nhà!” Ba dân quân hung hăng cột dây thừng vào cổ chân ông Khang, kéo ngược lên xà nhà. Ông Khang bỗng trở thành cái xác treo ngược lủng lẳng. Tất cả mọi người trong hội trường không ai bảo ai, bỗng đứng giãn ra vây thành vòng tròn. Một người giơ chân đạp vào đầu ông Khang, ông bị văng sang bên kia, ở bên kia lại một người khác giơ chân đạp vào đầu ông... Cứ như vậy, cái đầu ông Khang như một quả bóng bị đá từ phía này sang phía kia...

Một người trong đám đông nhô đầu ra:

- Nó ngoan cố không chịu khai. Buộc dây như thế này nó không đau. Tôi đề nghị buộc dây vào hai ngón chân cái.

Hàng chục người nhao nhao hưởng ứng: - Phải rồi! Buộc vào ngón chân! - Buộc vào ngón chân! - Buộc vào ngón chân!

Một dân quân trèo lên xà nhà mở dây. Hai dân quân đứng dưới đỡ ông Khang nằm xuống đất. Họ dùng sức mạnh thiết sợi dây thật chặt vào hai

ngón chân cái ông Khang, rồi lại treo ngược lên xà nhà. Lúc này thân thể ông mềm nhũn như một cái xác không hồn. Bất chợt, ông rên lên ư ử... Ngay tức thì một dân quân đạp trúng vào mặt ông học máu mũi:

- Lại còn vờ rên!

Tự nhiên có người gục đầu vào vai tôi. Tôi nhận ra trong ánh đèn mờ mờ: đó là thằng Biều con ông Khang. Nó khóc nức lên, nhưng cố bịt miệng để không bật ra thành tiếng, cái đầu nó cứ rung trên vai tôi một nỗi đau tuyệt vọng. Tôi cảm thấy nặng vai quá, cái vai gầy gò của tôi lúc này phải chịu đựng gánh nặng hàng tấn. Một cảm giác ghê ghê như cật nữa cửa khắp làn da tôi. Liệu có ai nhìn thấy thằng Biều gục đầu vào vai tôi không? Lúc này người ta đang chăm chú nhìn vào thân thể ông Khang đang bị treo ngược, một số người thì cúi mặt xuống để khỏi phải chứng kiến cảnh rùng rợn kia. Tôi vờ như không biết có thằng Biều bên cạnh. Nhưng trong bóng tối, tôi giơ cánh tay ra phía sau nắm lấy bàn tay Biều. Bàn tay nó rung rung như một chiếc lá sắp rụng. Tôi biết lòng nó đang tê tái, đang xé gan xé ruột vì người cha đang bị hành hình ngay trước mặt nó. Tôi không có đủ bản lĩnh để tự phân tích ông Khang có phản động hay không, có theo bọn Quốc Dân Đảng hay không, có man khai thuế nông nghiệp nhiều hay ít, tôi chỉ rùng mình vì người ta đánh đập ông tàn nhẫn quá. Có lẽ ông chết mất. Ông Khang chết thằng Biều sẽ khổ lắm, nó không còn được tiếp tục đi học với tôi nữa...

Chủ tọa cu Đình đình đọc lên tiếng:

- Lệnh của trên là phải giải hai tên đầu sỏ Ngợi và Giản lên huyện ngay đêm nay. Các đồng chí dân quân thực hiện mệnh lệnh của tôi!

Xã đội trưởng Niên “tuân lệnh” dẫn hai dân quân vào trói cánh gà Ngợi và Giản. Sợi dây thừng xiết mạnh quá mặt Ngợi nhăn lại và cánh tay thì xuống. Anh dân quân đấm một phát như trời giáng vào mặt Ngợi:

- Mi chống lại à!

Hàng chục người xô tới đánh túi bụi vào Ngợi và Giản. Họ ngã sấp mặt xuống nền nhà. Anh dân quân đá vào hông họ và quát:

- Đứng dậy mà đi! Vào nhà tù nằm cho sướng!

Chỉ còn lại giữa đấu trường mấy người: bà Hình, ông Đẹt, ông Thọ và ông Khang đang bị treo ngược lơ lửng.

Bất thình lình một ông già hùng hổ rẽ đám đông, xộc vào giữa, đá vào đầu ông Khang một cú như sét đánh: “Tổ cha quân phản động”. Thân thể ông Khang văng xa như đánh đu, dây thừng bị đứt, cái thân nặng nề của ông rơi thịch lên đầu đám đông. Đám người giã ra. Một người kêu lên: “Nó chết rồi”. Người khác: “Chết thì chôn”. Anh dân quân đến gần: “Nó đang thở. Bọn này ăn sướng, chưa chết được đâu!”.

Chủ tọa: - Để tên Khang nằm đó. Bà con vạch mặt những tên khác. Vòng người càng ngày càng xiết hẹp lại như vòng lửa bao vây bầy thú bị trọng thương. Trong vòng người ấy tưởng có thể bất giác lúc nào một cánh tay vung ra hoặc một bàn chân giơ lên là có thể thui vào con thú chết ứ ứ ngay tức khắc. Tôi chợt nhớ những ngày hội vây hổ ở Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu. Khi phát hiện con hổ về làng bắt trâu bò, người ta giống trống giống mõ, tổ chức trai tráng bao vây. Xung quanh con hổ là một vòng hào. Ngoài vòng hào là vòng người, Chiêng, trống, thanh la, náo, bạt và tiếng hò reo long trời lở đất. Cuộc bao vây kéo dài bảy ngày, mười ngày, nửa tháng... Con hổ bị thác loạn thần kinh, lúc đầu hốt hoảng, dần dần bị tê dại, cuối cùng một đám lực điền cầm vũ khí xông vào đấu chết hổ.

Con hổ còn bị loạn thần kinh, huống hồ là con người. Những con người đang ngồi giữa vòng vây đêm nay có còn chút tỉnh táo của thần kinh để nghĩ về thân phận họ? Họ không những là người cùng làng xóm, cùng

chung lưng đấu cật để tạo nên một cộng đồng nhỏ bé và ấm áp, mà là người cùng dòng máu, dòng máu họ Võ, cùng một ông tổ Triệu Cơ. Một lời cảm dỗ vu vơ nào

đó, một lời đồn đại lảng nhãng nào đó, họ trở thành đối tượng trong cuộc “đấu tranh giai cấp quyết liệt này”. Chủ tọa cu Đình đã nói rõ điều này bằng những lời lẽ hầu như học thuộc lòng trong bài chính trị sơ cấp: “Lịch sử loài người được hình thành trên cơ sở lịch sử đấu tranh giai cấp. Chúng ta không bao giờ quên là phải đấu tranh giai cấp để tồn tại. Muốn đấu tranh giai cấp thắng lợi thì phải đề cao tinh thần cảnh giác, phải triệt để cảnh giác với mọi phần tử xấu đang lăm le phá hoại cuộc đấu tranh giai cấp của chúng ta”. Vì tinh thần cảnh giác quá cao, cho nên ông Khang trở thành thủ quỹ của bọn phản động nước ngoài giữ những năm tỉ đô la, chú xã Thọ nghèo rớt mùng tơi đến làm thuê cho ông Khang cũng trở thành đảng viên trung kiên của Quốc Dân Đảng. Cũng vì tinh thần cảnh giác quá cao cho nên bây giờ những con người này chịu đựng những đòn tra khảo nhục hình nặng gấp trăm gấp vạn lần lầm lỗi của họ.

Hãy nghe một thanh niên kể tội ông Đẹt:

- Khi giặc đổ bộ lên Quỳnh Lưu thì mi đem con dao găm ra mài. Mi mài dao găm để làm gì? Mi mài dao găm để ám sát cán bộ, để đội giặc lên mà rước vào nhà phải không?

Hãy nghe một bô lão kể tội bà Hinh:

- Khi cán bộ thuế nông nghiệp vào vận động thì mi đem rổ khoai ra mời cán bộ ăn. Hành động của mi có hai âm mưu; một là mi mua chuộc cán bộ, hai là mi khinh thường cán bộ, chỉ mời cán bộ ăn khoai lang, còn cơm gà cá gỏi thì mi để dành nuôi bọn phản động.

Hãy nghe một người đàn bà kể tội chú xã Thọ:

- Một hôm tao thấy mi từ nhà bà Đoan ra, tay cầm một gói cà. Mi có nhớ là mi gói cà bằng cái gì không? Bằng ảnh của Mao chủ tịch. Mi có tư tưởng nhạo báng lãnh tụ cộng sản quốc tế.

Nghe đến tên “bà Đoan” mẹ tôi, tôi giật nảy mình. Mẹ tôi lại bị “liên quan” rồi. Tình thế sẽ ra sao đây? Chủ tọa cu Đình gọi:

- Bà Đoan có đây không?

Mẹ tôi ngập ngừng đứng dậy, nói “có” thì không hiểu sao chú xã Thọ lúc này còn tỉnh táo để thừa bầm:

- Thừa chủ tọa là hôm đó tôi nhặt được tờ giấy rơi ngoài đường, tôi không biết đó là giấy in ảnh Mao chủ tịch. Tôi vào bà Đoan chơi, bà cho tôi một nắm cà muối, tiện tờ giấy đang cầm trên tay, tôi dùng gói cà.

Chủ tọa: - Có đúng không bà Đoan? Mẹ tôi:

- Lúc đó trời nhập nhoạng tối, tôi không để ý là tờ giấy in ảnh Mao chủ tịch.

Chủ tọa:

- Bà là người của đoàn thể mà bà kém tinh thần cảnh giác cách mạng. Bọn phản động lợi dụng tất cả mọi cơ hội chúng ta sơ hở để bôi xấu lãnh tụ, bôi xấu phong trào cộng sản quốc tế, bôi xấu hòa bình thế giới. Tôi đề nghị bà hãy nghiêm khắc tự kiểm điểm bản thân.

Mẹ tôi: - Dạ... Tôi sẽ nghiêm khắc tự kiểm điểm...

Trời rét căm căm. Mãi đến nửa buổi tôi mới lừa trâu ra đồng. Tới đầu làng, một cảnh tượng khủng khiếp hiện ra trước mặt tôi:

Những người bị đấu tối hôm qua đang bị trói ở gốc cau!

Hàng cau này chạy dài từ xóm Đông đến xóm Trung Học con đường lớn qua sân vận động, qua giếng Đình và cửa đình. Những đêm trăng sáng, chúng tôi thường rủ nhau ra đây chơi đến tận gà gáy canh hai canh ba. Trai gái cũng thường hò hẹn gặp nhau ở nơi này, rồi thối tù và kéo nhau thành phường lên núi hái củi... Bây giờ hàng cau thân yêu đã biến thành nơi đây đọa những người bị quy là phản động.

Mỗi gốc cau trói một người: ông Đẹt, bà Hình, ông Khang, chú xã Thọ. Còn hai người nữa là ông Ngợi và ông Giản đã bị bắt lên huyện. Trong số người này, thực ra chỉ có Ngợi và Giản hăng hái tổ chức nhiều hoạt động chống lại chính quyền cách mạng. Ông Đẹt, bà Hình, ông Khang bị kẻ khác xúi giục, đóng thuế nông nghiệp không đúng kỳ hạn, không chịu đi dân công hỏa tuyến mà lại bỏ tiền thuê người khác đi thay. Còn chú xã Thọ thì có tội tình gì? Nhà chú nghèo xơ nghèo xác. Ngợi và Giản thỉnh thoảng cho một ít tiền, một ít gạo, chú nhẹ dạ dưng vài cuộc “hợp kín”. Vậy cái tội chính của chú là có tham dự hợp kín”, dùng ảnh Mao chủ tịch gói cà và dự họp Nông Hội không đầy đủ... Nhưng tất cả những người này đều bị quy tội như nhau, đều là phản động, đều bị đánh đập, đều bị trói vào gốc cau.

Tối hôm qua rét như muốn nứt nẻ da người, nứt nẻ trời đất. Mấy đứa chúng tôi nằm ôm nhau trong ổ rơm vẫn còn rét. Thế

mà những người này sau cơn tra tấn ê ẩm cơ thể, lại bị phơi ra ngoài trời. Họ chống chọi bằng cách nào để qua một đêm rét như thế?

Từ xa, tôi đã nhìn thấy họ ngồi im như những đồng đất. Tôi cũng nhận rõ người nào bị trói ở gốc cau nào. Họ còn sống đủ cả hay có ai đã bị chết rét? Thường ngày tôi lùa trâu qua lối này, nhưng hôm nay một cảm giác hãi hùng ngăn tôi lại. Tôi rẽ lối khác, rồi dùng sau bụi chuối già, chăm chú nhìn tới, Hình như cả bốn người vẫn còn sống. Ông Khang ngoẹo đầu một bên vai. Bà Hình gục đầu khom lưng xuống. Ông Đẹt ngồi duỗi chân ra. Chú xã

Thọ tựa sát lưng vào gốc cây. Tất cả chỉ giống nhau là hai tay bị trói gò vào phía sau qua thân cau.

Từ trong làng đã có nhiều người rời tổ ấm ra đồng làm việc. Kẻ gánh mạ. Người vác bừa. Kẻ dắt bò. Người dong trâu. Bình lặng như tựa ngàn xưa. Mà sao hôm nay im lìm và nặng nhọc đến vậy? Không ai nói chuyện với ai. Cũng không ai dám nhìn xuống gốc cau đang có người bị trói - những người bị trói đều có quan hệ ràng rịt với họ, xưng hô với nhau bằng bác, chú, dì, anh, em... Sự phân hóa thành “hai tuyến giai cấp” thật nhanh chóng và bất ngờ.

Bên kia sông Bùng, từ các làng khác như Thổ Hậu, Hạnh Lâm, Vĩnh Thọ... có một đoàn các bà qua đò sang bên này đi chợ Lèn. Họ gánh gồng, đội, mang ngổn ngang những thúng mủng, bị cói, lồng gà. Đến hàng cau, họ dừng lại, một bà nói:

“Thì ra quân phản động đây rồi! Tôi cứ tưởng là phản động đâu đâu. té ra quân phản động ở làng Hậu Luật. Bà cho chúng mày biết tay!” Nói xong, bà tốc váy dài lên đầu ông Đẹt. Mấy bà khác cũng làm theo: tốc váy dài lên đầu ông Khang, bà Hình, chú xã Thọ. Nước dài chảy từ tóc xuống ướt đầm cả quần áo. Nước dài có làm cho những người bị trói ấm hơn chút ít hay xót thêm bởi vết thương đêm qua bị tra tấn? Mấy bà dài xong rồi bỏ đi. Tưởng thế là đủ làm nhục những người bị trói. Ngờ đâu có một bà khác bầm bồ bước tới “Vì quân phản động này mà con tao phải ăn sương nằm gió ngoài mặt trận”, vừa nói bà vừa dài rê từ đầu ông Đẹt qua đầu ông Khang, bà Hình, chú xã Thọ.

Tôi đứng nhìn rất rõ, rất kỹ • một cảm giác rờn rợn nổi gai ốc khắp da thịt.

Tôi lại tiếp tục lừa trâu ra đồng. Từng bước một. Từng bước một. Hai bàn chân nặng như hai tảng đá.

Trưa. Trên đường trở về, tôi gặp thằng Luy con bà Hình tay bê nôi, bát và thìa. Có lẽ nó mang cơm cho mẹ nó. Hằng ngày thằng Luy cùng đi học với tôi, đùa chơi vô tư với nhau. Hôm nay gặp tôi nó cúi mặt, vờ như không nhìn thấy tôi. nó buồn nó đau hay nó xấu hổ? Ở, mà sao lại xấu hổ nhỉ? Bỗng dưng giữa tôi và nó mở ra một hố sâu ngăn cách... Luy đi qua rồi, tôi len lén quay lại nhìn nó, chợt bắt gặp nó quay lại nhìn tôi. Nó vờ đánh rơi cái thìa, cúi xuống nhặt. Còn tôi thì vờ giơ roi tre quất vào đít con trâu.

Đến gần hàng cau, tôi thấy những người bị trói đã được phủ áo ấm, chỉ phủ bên ngoài thôi, chứ không được mặc vào hăn hoi. Chắc là người nhà vừa mới mang tới. Nhưng chú xã Thọ không có người nhà, không có vợ con, không có anh em ruột thịt, ai đã choàng lên chú một tấm vải rách?

Đang vờ vẫn suy nghĩ, tôi nghe tiếng bước chân phía sau lưng, rồi vượt qua tôi rất nhanh. Thì ra cái Hoa em thằng Biều. Tay nó xách tao giống đựng cái nôi nhỏ. Hăn nó mang cơm cho ông Khang? Tôi vờ cho trâu cúi xuống bên đường uống nước để dõi theo cái bóng bé nhỏ của Hoa lê bước dọc hàng cau rồi dừng lại bên ông Khang. Hoa ngồi thụp xuống, úp mặt vào hai bàn tay, vai rung lên. Dường như bàn tay nó quá nhỏ không đủ sức đỡ nổi cái đầu quá nặng, nó vẹo người và sụp xuống chân ông Khang đang đuổi ra. Theo bản năng, ông Khang định cản người ôm lấy đứa con gái, nhưng bỗng khựng lại vì hai tay đang bị trói. Sau một lúc định thần, Hoa lấy khăn lau mặt bố. Bàn tay Hoa nương nhẹ lau những vết máu dính xung quanh mũi và mồm.

Ông Khang nhăn mặt lại vì đau. Cánh tay Hoa run lên... Nó mở nôi và bón cho bố từng thìa cháo. Ông không nuốt được. Hoa đỡ bố ngồi thẳng để cho cái ngực không gập xuống. Rồi lại bón cháo. Ông lắc đầu. Hoa giàn giụa nước mắt. Nó đánh liều đến gần anh dân quân đang đứng gác, xin mở trói cho bố. Anh dân quân mặt lạnh như tiền, thẳng thừng bước đi, không

hề đáp lại một tiếng. Hoa mạnh dạn bước theo và nói to hơn: “Thưa chú, cho cháu mở trói cho cha cháu, ăn xong chú lại trói như cũ”. Anh dân quân vẫn không quay lại, nói xẵng giọng: “Mày định âm mưu cái gì? Mở trói để bỏ chạy à? Đến lúc này mà mày còn âm mưu làm cho tao mất cảnh giác giai cấp 1? Hoa thất vọng, trở lại với bố, nặng nhọc bón từng thìa cháo. Khó khăn lắm ông Khang mới nuốt hết một thìa. Hoa vẫn kiên nhẫn bón cho bố đến gần một tiếng đồng hồ.

Về nhà, tôi thấy mẹ tôi đờ đẫn. Mẹ không ngồi yên, đi đi lại lại trong gian nhà hẹp có vẻ xằng xở, bộn rộn, đặt cái sàng lên cái mẹt, đặt cái thúng vào cái nia, cầm cái liềm từ chỗ này giắt vào chỗ kia... Toàn là những động tác thừa. Cuối cùng mẹ vo gạo thổi cơm. Tôi ngồi bên mẹ, giơ bàn tay hơi lửa. Tôi định hỏi mẹ một câu, mà cứ ngập ngừng mãi không thốt ra thành lời. Tha thần hồn lâu, tôi dồn hết nghị lực để nói:

- Mẹ...

- Cách mạng thành công lâu rồi, sao lại nhiều phản động thế?

- Thế mới là chuyên chính vô sản con ạ. Đấu tranh giai cấp càng ngày càng quyết liệt thì bọn phản động càng hoạt động nhiều.

- Mẹ có lấy tài liệu cho con xem được không?

- Không được con ạ. Hợp chi bộ, mọi người chỉ được nghe giảng chứ không được cầm tài liệu.

- Chú xã Thọ nghèo khổ, hiền lành thế, có đúng là phản động không? Hay người ta nói sai?

- Sao hợp chi bộ, mẹ không bình chú xã Thọ? Nước mắt chảy ra trên gò má nhăn nheo, mẹ nói trong sụt sùi tiếng khóc:

- Con muốn người ta bắt trói luôn cả mẹ à?

Giữa mẹ và tôi là những câu đối thoại ngắn gọn, rời rạc và giữa những câu đối thoại là nhiều khoảng cách chứa chất lộn xộn suy tư vừa đơn giản của người nông dân vừa đầy mâu thuẫn của bản năng con người. Sau câu nói của mẹ “Con muốn người ta bắt trói luôn cả mẹ à” là một khoảng cách khá dài để dẫn đến câu hỏi của tôi:

- Chú xã Thọ không có anh em ruột thịt để mang cơm cho chú, con đem ra cho chú một nắm cơm có được không?

- Có được không hở mẹ? - Đợi cho trời tối đã...

Đợi cho trời tối, tôi mang nắm cơm đi trong tư thế sợ sệt, hèn nhát và trao vào tay chú với động tác sợ sệt, hèn nhát.

- Chú... - Anh Trực à.

Chú từ từ mở cặp mắt mệt mỏi: - Anh về ngay kéo người ta thấy. Tôi đứng dậy định vụt chạy, nhưng bản năng bảo cho tôi biết rằng hai tay chú đang bị trói thì cầm cơm ăn làm sao được. Tôi

bình tĩnh ngồi xuống, bẻ nắm cơm thành từng mẩu nhỏ đút vào mồm chú. Những chú lắc đầu. Tôi không hiểu. Chú thì hai cánh tay bị trói ra phía trước và ngả bàn tay ra: “Anh đặt cơm vào đây”. Tôi đặt mẩu cơm vào lòng bàn tay chú. Chú ngoẹo đầu xuống một bên và ngoạm mồm ăn mẩu cơm. Như thế là chú có thể tự ăn được. Chú ăn cơm mà rán gân rán sức như đi đánh vật. Đưa cơm vào mồm đã khó khăn, nhai cũng khó khăn, nuốt cũng khó khăn. Mỗi lần nhai chú nhăn mặt và dồn sức bình sinh để nuốt ực một cái, Tôi để ý, thì ra chú bị gãy hai răng cửa và lung lay hai răng khác. Tối qua, trong lúc “vạch tội”, ai đã đấm một cú quá phàm làm cho chú bị hỏng hàm răng. Trời rét mà sau khi nuốt mấy miếng cơm, trán chú đã dâm dấp mồ hôi. “Anh về đi”, chú nói khe khẽ. Tôi về... Từ đầu hàng cau, anh dân quân nhìn thấy tôi, nhưng anh ta vội quay đi và tỏ vẻ như không thấy.

Cấp trên lấy làng tôi làm thí điểm cho cuộc đấu tranh chính trị. Cuộc đấu tranh đã thắng lợi và triển khai ra các làng khác, các xã khác.

Cả huyện cả tỉnh sôi sục không khí đấu tranh. Nghe nói trong Hà Tĩnh, ngoài Thanh Hóa cũng vậy. Chúng tôi bỏ học hàng tháng trời để đi dự các cuộc đấu. Tối nay đi nơi này tối mai đi nơi khác. Nhiều xã tổ chức đấu ban ngày, chúng tôi cũng đi dự ban ngày. Trời mưa, cũng đi. Trời rét, cũng đi. Có lần hôm mưa dầm dề, đường lầy sục, tôi và thằng Bá đội nón mang tới đi đến quá nửa đêm đến tận gần sáng mới trở về nhà. Có đêm đi dự làng này rồi chạy qua làng khác. Không thể ngồi yên được. Tôi đứng đầu ngõ nhà thằng Bá gọi một tiếng là thằng Bá chạy ra ngay đầu đang giữa bữa cơm. Bá đứng đầu ngõ nhà tôi gọi một tiếng là tôi chạy ra ngay đầu tôi đang say mê đọc sách. Một cảm giác rất lạ tràn ngập cả người tôi suốt đêm này qua đêm khác, suốt ngày này qua ngày khác, vừa là muốn thỏa mãn đầu óc tò mò vừa là để hiểu thêm tiến trình cách mạng. Nghe mẹ tôi nói: “Cách mạng đã chuyển sang bước ngoặt, chuyên chính vô sản phải tăng cường”. Mỗi lần biết mẹ đi họp chi bộ là thế nào tôi cũng ngong ngóng chờ mẹ về và tìm cách hỏi cho kỳ được một đôi điều đang làm tôi bứt rứt. Mẹ có giữ bí mật tuyệt đối đến mấy, tôi cũng moi cho được một vài đầu mối của vấn đề bức xúc trong người tôi. Chuyên chính vô sản là thế này ư? Phản động nhiều đến thế ư? Kẻ giàu sang làm phản động còn có thể hiểu được, chứ sao người khốn khó cũng làm phản động? Bao nhiêu câu hỏi xoáy vào tâm trí tôi, chồng chất trong tâm trí tôi. Tôi không tự cắt nghĩa được và tôi cứ buông thả mình như con thuyền độc mộc bị cuốn vào giữa dòng nước xoáy. Tôi chỉ biết là tôi không ngồi yên được. Tôi phải đi dự đấu, đi xem đấu. Tôi thường đi với thằng Bá, hai đứa tựa vào nhau như hai con thuyền độc mộc buộc liền lại giữa vô vàn dòng lũ.

Nhân dân Xóm Chợ tổ chức đấu tranh tại trường tiểu học Thái Xá. Ngôi trường này xây từ thời Pháp thuộc. Tuổi thơ của tôi đã gửi lại ngôi trường

này bao nhiêu kỷ niệm trong trắng và đầm ấm. Lúc này tôi không học tại đây nữa mà đã lên học trường huyện. Nhưng khi đến dự cuộc đấu tại ngôi trường cũ, một cảm giác rờn rợn lùa vào trong tôi. Trong một bài giáo khoa sử ký nào đó, tôi đã học “thực dân Pháp biến nhà trường thành trại giam”. Ở, mà sao bây giờ chính quyền ta lại biến trường học thành trường đấu?

Học sinh đã nghỉ học hàng tháng để cùng nông dân tham gia vào cuộc đấu tranh lớn lao này. Trường bỏ không. Những người lãnh đạo xã và xóm dùng nhà trường để tổ chức đấu tranh chính trị.

Người đứng vây kín vòng trong vòng ngoài. Ba tội nhân ngồi co ro ở giữa. Tôi không thể chen vào được để nhìn rõ mặt ba người, tôi chỉ nhận ra được một người là chú Trường. Chú Trường cũng là “tên phản động” à? Chú là dân khổ rách áo ôm, đi làm thuê làm mướn từ thời bát tiết. Nhiều năm sau cách mạng tháng Tám chú làm trung đội trưởng du kích Xóm Chợ. Sao chú lại đại dột làm phản động? Chú là con rể ông Hệ làng tôi, Ông Hệ có sân gạch nhà ngói và có đua đòi tham gia vài cuộc họp kín của tổ chức Quốc Dân Đảng. Chú Trường là con rể, ắt phải lui tới nhà bố vợ, thì cái lô gích đơn giản là chú Trường có “liên quan với bọn phản động”. Một trong những phương pháp đấu tranh là phải trị bọn “liên quan”, phải chặt cho hết cành hết ngọn, cuối cùng sẽ trở ra cái gốc - đến lúc đó sẽ dễ dàng đào bật gốc. Với phương pháp này, chú Trường đương nhiên nằm trong diện bị đấu!

Rút kinh nghiệm ở làng tôi, cán bộ đã làm công tác tư tưởng cho nông dân Xóm Chợ tốt hơn, kỹ càng hơn. Cho nên nhiều người cùng lên tiếng “tố cáo”, cùng lên tiếng “vạch mặt”. Đến như o ải bị tật khoèo tay khoèo chân, lúc nào cũng nhỏ nước giải

mép, cả đời không nói năng với ai được một câu ra hồn, cũng xông vào gí cái củi tay lên đầu “bọn phản động”, giơ cái chân khoèo đá vào mông

“bọn phản động” một cái, rồi chạy ra.

Không những chỉ người trong Xóm Chợ lên tiếng, mà người các làng khác cũng đồng thanh đấu tranh. Đặc biệt là tụi thanh niên mới trưởng thành đấu tranh rất hăng hái. Lực lượng này phải là đội ngũ xung kích của cuộc đấu tranh chính trị. Những đứa cùng lứa tuổi cùng bạn bè với tôi tranh nhau vào “vạch mặt”. Đứa nào cũng quát rất to cũng đỏ gay mặt. Có đứa sau một đêm đấu tranh thì cổ khản đặc. Các đồng chí lãnh đạo đánh giá rất cao tinh thần cách mạng của thanh niên và chọn một số để bồi dưỡng kết nạp Đảng.

Tôi cảm thấy ngượng vì mình không mạnh dạn như các bạn. Tôi quay sang nhìn thẳng Bá, thấy Bá vẫn đứng im. Nó cũng bị cái tật rụt rè như tôi. Máy lần tôi đã nhăm sắn trong óc vài ba câu để xông ra đấu tranh, nhưng mỗi lần nhóm bàn chân lên định chạy vào thì bỗng nhiên như có sức nặng vô hình nào đó tì xuống, thế là thôi, lại đứng im. Nếu tôi xông vào thật, tôi cũng phải hò hét, phải giơ chân giơ tay, bao nhiêu cặp mắt chăm chăm nhìn vào mình, xấu hổ lắm... Trước đây, chi bộ đánh giá tôi là một thanh niên có nhiều triển vọng để kết nạp Đảng, qua cuộc đấu tranh này vai trò của tôi bị lu mờ, những đứa từng bị coi là lố láo ba gai, nhưng bây giờ hăng hái lên vạch mặt bọn phản động, thì được xếp vào hàng ngũ tích cực hơn tôi.

Trưa hôm sau, Bá và tôi lên lên Hai Vai gánh đá về nung vôi, dừng lại nghỉ ở cửa trường. Sân trường vắng tanh vắng ngắt. Nhớ lại cái không khí hừng hực lửa đêm qua và thoảng mùi tóc khét thịt khét càn làm cho tôi gầy gầy lạnh khi đứng trước cảnh vắng vẻ này. Chẳng hiểu sao tôi lại muốn vào phòng học cũ, bèn rủ Bá cùng vào. Hai đứa bước lên thêm, ngập ngừng, tôi mạnh dạn mở cửa phòng. Cửa không khóa. Phòng trống rỗng, tất cả bàn ghế đã xếp chồng chất ngoài hè, tạm dành phòng cho bà con

nông dân tổ chức đấu tranh... Kia, trong góc phòng có ai kia? Linh cảm ngay được đó là người bị đấu tối hôm qua, chúng tôi bước đến. Thì ra o Đa, vợ chú Trường, đang chăm sóc cho chồng. Trời buốt giá, chú nằm trên sàn xi măng trải chiếu, đắp tấm chăn chiên và nhiều mảnh. O Đa lớn hơn chúng tôi đến gần chục tuổi, nhưng là chi dưới, cho nên gọi chúng tôi bằng “anh”. O xụt xịt lau nước mắt: “Sao các anh lại dám vào đây? Cha nó chết mất... Tôi lụi cụi làm ăn suốt ngày, có biết cha nó đi làm phản động phản đế gì đâu. Cha nó cũng hiền lành... Sao lại đến cơ sự này? Cha nó mà chết thì tôi nuôi nổi làm sao mấy đứa nhỏ...” Chú Trường trùm kín chăn, khe khẽ rên. O Đa kéo chăn cho trời đầu chú để bón cháo. Tôi choáng váng khi nhìn thấy chú: tóc cháy lam nham, da mặt bị bỏng rộp từng mảng, ri rỉ nước. O Đa bón từng tí cháo. Chú Trường nhắm nghiền mắt, mấp máy liếm môi. Khó khăn lắm chú mới nuốt được một giọt cháo trôi qua cổ họng...

Người qua bến đò Yên Nhân, qua bến đò sông Bùng, người đi chợ Lèn, chợ Chùa, chợ Bông đều bàn tán về cuộc đấu tranh dữ dội này. Ngồi ở đâu người ta cũng bàn. Cứ hai người trở lên là bàn tán. Đục đá cũng bàn. Chè củi cũng bàn. Tát nước cũng bàn. Thậm chí hai người ngồi ia gần nhau, đứng đái gần nhau cũng bàn. Cuộc đấu tranh chính trị đã chi phối mọi sinh hoạt và suy nghĩ của con người.

Tiếng đồn thổi khắp thiên hạ: xã Nho Lâm đấu tranh ghê gớm lắm. Chập choạng tối, người ở các làng các xã khác đổ dồn về đó như đi dự dạ hội. Làng Hậu Luật mở ra cuộc đấu tranh thí điểm đã làm rung chuyển dư luận, nhưng so với Nho Lâm thì không thấm vào đâu.

Nho Lâm nổi tiếng với lò rèn cổ nhất nước ta. Cách đây trên hai nghìn năm, ông Lư Cao Sơn về đây cắm đất dựng lò. Cho đến nay, hầu hết dân cư vẫn làm nghề thợ rèn. Những đôi vai gánh quặng nổi đân như chiếc bánh dầy. Những cánh tay quai búa rắn chắc như gỗ lim. Sống với quặng với lửa,

với sắt thép, tính tình con người cũng trở nên cứng cỏi, kiến nghị. Họ đã từng nổi tiếng bởi những trận liều mạng đánh Tây đánh Nhật... Ở đây có nhiều điền chủ lớn và có nhiều người học hành đỗ đạt cao. Đặng Văn Hưởng là một quan chức cao cấp của chính quyền thực dân Pháp. Sau cách mạng tháng Tám, cụ Hồ mời ông giữ chức bộ trưởng không dự bộ nào - Nhưng ông chưa hề đặt chân tới Việt Bắc. Ông nằm ở nhà ăn lương của chính phủ kháng chiến, ngấm ngấm tổ chức Quốc Dân Đảng và chỉ đạo các hoạt động chống cách mạng. Khi cuộc đấu tranh chính trị nổ ra, người ta tóm cổ ống đồng thời tóm cổ hàng loạt người khác là tay chân thực sự của ông, nhưng nhiều người nghèo khác bị nghi oan là “liên quan” cũng bị tóm cổ.

Xã Nho Lâm đất rộng và dân đông, bề rộng của xã có tới gần năm kilômét. Phải che rạp làm trường đấu. Nhưng rạp không thể chứa nổi lượng người quá lớn. Người trong xã ùn ùn kéo tới.

Trời rét mà người chen nhau toát mồ hôi.

- Đặng Văn Hưởng đâu? - Đặng Văn Hưởng đâu?

Người xô nhau, công kênh nhau, nhón chân vươn cổ để xem mặt Đặng Văn Hưởng. Nhưng làm gì còn có Đặng Văn Hưởng ở đây nữa. Khi nhân dân tố thì cấp trên liền ra lệnh cho dân quân giải Hưởng đi biệt tận đâu đâu rồi. Chỉ còn lại ở đây những tên tép riu và cả những người bị nghi là tép riu của Hưởng. Lý luận đấu tranh giai cấp vẫn thế: chặt sạch cành, chặt sạch ngọn, cuối cùng trơ ra cái gốc thì dễ trốc đổ. .

Tại làm phản động ở Nho Lâm sao mà đông đến thế! Đông hơn nhiều so với các xã khác. Một lũ ngồi lúc nhúc ở giữa vòng vây người nung nấu căm thù, nóng nực như vòng lửa.

Người xem đông quá là đông. Sóng người xô dồn lên, rồi lại dạt ra phía sau, rồi lại cuộn xoáy, ôm nhau, níu áo nhau, đập lên nhau. Không thể nào nghe được dân quân đang tra khảo tội nhân điều gì, chỉ nghe những tiếng quát lớn “Mi có thai không? Mi có khai không?” trộn lẫn với tiếng dậm đá tiếng thui uỳnh uỳnh.

- Mi có thai không? - Ừ... ừ... - Mi có khai không? - Ừ... Ừ... - Mi có khai không? - Ừ... ừ...

Kìa! Lại cái món tra tấn cổ điển khơi đầu từ làng Hậu Luật: treo ngược người có tội! Những kẻ hung hăng đứng xung quanh tha hồ giơ chân đá vào đầu, người có tội xuýt từ bên này qua bên kia. Vì nhiều người đá, cái dây bị xoắn lại và cái xác người treo ngược cũng bị quay tít mù như một thứ đồ chơi kỳ quặc.

“Tổ cha cái đồ phản động cái đồ Việt gian!”, có người hét to như muốn vỡ ngực vỡ họng. Chính cái người hét ấy đang ôm một gốc cây phi lao sần sùi mầu lao từ trên bức tường xuống như con mãnh thú vồ mồi, giơ cao gốc cây phang một cú vào ngực người bị treo ngược. Người bị treo ngược rú lên một tiếng thất thanh và hai tay rầy như con nhái trước lúc chết. Thịch! Sợi dây đứt. Người bị treo ngược rơi xuống, sọ đập lên nền đất lổn nhổn cút sắt.

Cả rừng người đột nhiên lặng thinh như một trận chết thành linh ập xuống, đè nặng, day nghiêng làm cho họ không chịu đựng nổi và thốt ra tiếng xuýt xoa kinh hãi.

Người bị treo ngược bây giờ thành cái xác nằm sõng soài trên đất và chắc chắn không còn thở được nữa. Vẫn chưa hết sự đày đoạ! Lại có một người khác hùng hùng hổ hổ lách đám đông, xô ngã đám đông dạt ra hai bên, không nói không rằng, lù lù như cái trục lăn, tiến đến cạnh cái xác và ôm cái xác ném qua bức tường rơi cách xa đến vài ba mét. Toàn thể đấu

trường im lặng ngọt ngào như địa ngục, im lặng đến nỗi người ta nghe được tiếng cái xác rơi bên kia bức tường. Thằng Bá đứng cạnh tôi bỗng thốt ra tiếng rú. Tôi giơ tay bịt miệng Bá. Bá kéo tôi ngồi thụp xuống. Hồn vía tôi bị thần chết cướp mất rồi. Tôi không về nhà. Tôi vào ngủ ở nhà Bá. Thâu đêm suốt sáng không một giây chợp mắt. Nằm bên cạnh nhau, tôi cảm thấy người Bá lạnh như một khối băng. Thỉnh thoảng tôi rùng mình... Người bị treo ngược... cái gộc phi lao phang vào chính giữa ngực... Hai tay người bị treo ngược run lẩy bẩy như chân con nhái run trước lúc chết... Con người là động vật cao cấp, khi loài động vật cao cấp đó hiện nguyên hình là giống động vật trần trụi thì bản chất độc ác bị kích dậy đến tột cùng man rợ. Lịch trình tiến hóa của nhân loại có phải là lịch trình đấu tranh giai cấp hay lịch trình đấu tranh giữa cái lương thiện và cái độc ác ngay trong mỗi một con người?... Bá Tú lên một tiếng kinh hoàng. Tiếng rú xé rách đêm khuya. Chân Bá đạp rách cái chăn vá. Rồi Bá chạy hốt hoảng ra sân. Tâm thần tôi cũng hoảng loạn, chạy theo Bá. Bá húc đầu vào bức tường, toạc trán, chảy máu. Chó sủa náo động cả xóm. Các gia đình tưởng có chuyện gì nguy biến, người lũ lượt đổ ra sân, ra ngõ, ra đường...

Mẹ tôi đi chợ Lèn về, mặt tái nhợt, báo tin: - Cậu Quế chết rồi!

Sao? Cậu Quế chết rồi à? Tôi bủn rủn cả người, hỏi lại mẹ:

- Cậu Quế chết rồi à? Bố tôi, chị tôi, em tôi... Cả nhà xúm quanh mẹ: - Cậu Quế chết? - Sao lại chết? - Chết từ bao giờ?

Mẹ ngồi thì người bên rổ rau cải. Mẹ nhìn tôi, mặt ỉu xiu:

-Cậu Quế của con chết rồi!... Người ta đấu ác quá. Nửa đêm, cậu vào chuồng xí thất cổ chết!

- Ai nói với mẹ?

- Người làng Quang Trạch đi chợ, tìm gặp mẹ, nói nhỏ vào tai mẹ...

Thì ra thế! Tôi thở dài... Cuộc đấu tranh ác nghiệt này đã bén lửa vào mái nhà yên ấm của tôi. Cậu Quế là em trai thứ ba của mẹ tôi. Mỗi lần theo mẹ về bên ngoại ăn giỗ, thế nào cậu cũng cho tôi tiền, hoặc một quả mít, một cái mũ ca lô, một đôi dép cao su “con hổ”. Cậu thương tôi lắm vì tôi ngoan ngoãn và chăm học. Có lần cậu gọi tôi lên núi, bắt cho tôi mấy chú sáo đen, nhốt vào cái lồng tre xinh xắn, bảo tôi mang về bên nội. Cách đây mấy năm, huyện cho tôi sang Trung Quốc học ngân hàng. Vừa nghe tin, cậu liền đem quà xuống: bộ quần áo mới, cái cặp da, đôi giày vải. Cậu xoa đầu: “Cháu sang bên đó nghe lời bác Mao học cho giỏi, sau về mà kiến thiết nước nhà”. Tôi rơm rớm nước mắt, cảm thấy vừa như ân hận vừa như phụ lòng cậu: “Thưa cậu... Cháu nói với huyện là cháu không đi. Cháu nhớ nhà lắm”. Cậu Quế tỏ vẻ ngạc nhiên: “Sao cháu lại đại thế? Cả huyện chọn được ba đứa. Sang đó học sướng như trời mà cháu lại từ chối... Có ai đại như cháu...”. Mới đó thôi, tình thương của cậu, bàn tay của cậu, ánh mắt của cậu, bỗng chốc thành xa xưa.

Mấy năm vừa rồi, người ta phá sạch đền chùa, cậu Quế lại lập bàn thờ Phật trong nhà. Người ta nghi là cậu chống lại chính quyền nên mới lập bàn thờ Phật. Bị dân quân bắt ra đình cho dân làng Quang Trạch đấu. Tra khảo cậu, cậu không khai - vì có biết gì đâu mà khai. Càng không khai, cậu càng nếm đủ mọi món đòn tra tấn: treo ngược lên xà nhà, trói vào gốc cây, hắt nước bẩn vào mặt. Nhục nhất là cậu bị mấy mụ đàn bà tốc váy trùm lên đầu. Hàng tháng trời cậu bị giam, không được về nhà. Đêm hôm ấy cậu xin phép người dân quân gác cho đi ia. Người dân quân ngủ quên, sáng dậy, không thấy cậu ở đâu cả, chợt mở chuồng xí, thì thân hình cậu đã cứng đờ treo lủng lẳng bởi sợi dây thừng. Lúc sắp chết cậu bị treo ngược, lúc chết rồi cậu bị treo xuôi. Mọi người đồn khác: cái số cậu vừa bị thiên thần vừa bị hạ thần hành hạ.

Cậu Quế chết rồi! Tê điếng cả người tôi. Gia đình không dám xuống báo tin cho mẹ. Quê nội và quê ngoại chỉ cách nhau hơn ba kilômét, mà không dám liên hệ với nhau giữa lúc xã hội đang tràn đầy sự nghi kỵ. Mẹ tôi đi chợ, người làng Quang Trạch không dám hàng hoàng báo tin cho mẹ. Một bà thầy mẹ đang mua rau, len lén đến ngồi bên cạnh vờ mua rau, ghé vào tai mẹ thì thầm cái tin khủng khiếp ấy.

Cậu Quế chết rồi! Từ nay tôi về quê ngoại không được gặp cậu nữa. Vả lại, với không khí nghi kỵ này chẳng biết đến bao giờ tôi mới được đặt chân vào gian nhà ông bà ngoại tôi, cậu tôi, mợ tôi. Cậu chết đi, để lại bốn em nhỏ. Mợ Quế chưa đầy ba mươi tuổi, liệu mợ có chịu đựng nổi tình cảnh gia đình thê thảm cho đến hết đời?....

Mẹ ngồi thì người hàng tiếng đồng hồ. Cả nhà cũng ngồi im lặng như bụt. Trưa rồi, chẳng ai buồn nấu cơm ăn. Mẹ uể oải đứng dậy, thở dài:

- Mẹ phải về lo tang cho cậu...

Chị tôi hỏi: - Chúng con cũng phải đi chứ? Mẹ lắc đầu: - Thôi... một mình mẹ... Người chị thứ hai vô tình nói một câu:

- Liệu mẹ về lo tang cho cậu thì Đảng có kỷ luật mẹ không?

Mẹ òa khóc:

- Chẳng thà mẹ chịu mất Đảng... Mẹ là con cả của ông bà mà không về thì cả họ hàng làng nước người ta chửi cho thối óc...

Vừa nói mẹ vừa ôm mặt khóc rưng rức. Có lẽ bị nén qua nhiều cơn đau đớn, qua vụ thuế khả năng, qua việc chú xã Thọ bị hành hạ, bây giờ mẹ mới bật miệng thốt ra một câu thành thật “Chẳng thà mẹ chịu mất Đảng...” Nhưng rồi dường như trong đầu mẹ chợt lóe ra một tia sáng lý trí, mẹ dặn lại: “Mẹ nói gì chỉ trong nhà biết thôi, đừng lộ cho người ngoài biết”. Rồi

mẹ đội nón lủi thúi về ngoại. Bản năng thôi thúc, tôi chạy theo mẹ ra đến tận đầu ngõ:

- Con cũng về đưa tang cậu...

Mẹ quay lại: - Con đừng đi...

Tôi đứng lặng người nhìn theo mẹ. Thế là cả nhà tôi chỉ một mình mẹ về ngoại đưa tang cậu Quế. Ai đã tạo ra cái hố ngăn cách này giữa tôi và cậu tôi? Nước mắt tôi cứ dào ra hết đợt này đến đợt khác. Nước mắt cháu vẫn còn mặn lắm cậu Quế ơi. Dẫu có sức mạnh hung hãn nào dọa nạt, nước mắt cháu vẫn không bao giờ nhạt như nước mưa...

XIV

bác Chắt kể cũng bị đầu

Dân làng bỗng ngã ngựa ra rằng: bác Chắt kể bị nghi là phản động!

Qua nhiều cuộc đấu tranh, nhiều lần học tập lý luận về đấu tranh giai cấp, về cảnh giác cách mạng, về “ba không” (không nghe, không biết, không nói), đã rèn cho con người một ý thức luôn luôn cảnh giác cao độ, cảnh giác đến cực đoan đẩy đến sự đa nghi. Bác Chắt kể đã từng đứng ra giảng giải cho dân làng là phải thường xuyên đề cao cảnh giác, thì bây giờ người ta “cảnh giác” cả bác. Gậy ông đập lưng ông!

Tiếp nhận những bài học vỡ lòng một cách thô thiển về đấu tranh giai cấp, về cảnh giác cách mạng do bác Chắt Kể diễn thuyết, hồi còn là đội viên nhi đồng cứu vong, tôi đã từng hăng hái hoạt động trong lĩnh vực “cảnh giác” này. Một bà ăn mỳ chùm bảy mươi tuổi, què chân phải đi nặng, gầy còm, gần tuần lễ ngày nào cũng vào làng tôi ăn xin. Tôi đặt vấn đề nghi ngờ: Bà này có phải là phản động không? Tại sao bà ta không đi ăn xin làng khác mà cứ đi xin làng mình? Tại sao bà ta cứ im lặng như cái bóng đi trên đường làng, chẳng nói năng một câu nào? Tôi đem lòng nghi ngờ đầy tự hào này nói với Bá. Bá tỉnh khôn bàn lại với tôi: “Khi bà ăn mỳ sắp vào nhà nào, ta chạy vào trước và làm chủ nhà. Bà ấy xin, ta không cho. Nếu bà ấy ra ngay, không nằn nì xin cho kỳ được, đích thị bà ta vờ làm ăn mỳ để hoạt động gián điệp”. Tôi vỗ tay reo lên: “Hay quá!”. Hai đứa chúng tôi thực hiện công việc đã bàn. Sự việc xảy ra đúng như Bá dự đoán. Chúng tôi dắt bà ăn mỳ vào nhà chú Hoe Lai hiện đang làm công an xóm. Chú đi vắng, cả nhà cũng đi vắng. chúng tôi trói chân bà vào gốc cây xoan trước ngõ. Đến tận tối, vợ chồng chú Hoe mới đi làm về. Bà ăn mỳ bị đói lả, nằm thở. Mụ Hoe Lai hỏi bọn trẻ quanh xóm: “Ai cột bà ăn mỳ vào đây?” Bọn trẻ trả lời:

“Thằng Trực, thằng Bá”. Mụ Hoa Lai đến tận nhà Bá và nhà tôi chửi như té nước vào mặt: “Mi muốn gieo tai họa vào nhà tao à? Gia đình tao đang sống bình yên, mi muốn cho gia đình tao lụn bại à!” Bá và tôi chạy đến bác Chắt kể cầu cứu và trình bày rõ đầu đuôi sự việc. Bác Chắt Kể giảng giải cho mẹ Hoe Lai và tuyên dương “ý thức cảnh giác của hai cháu Trực và Bá như thế là rất tốt”. Chú Hoe Lai không nói gì, nấu cháo cho bà ăn mày. Khi tỉnh dậy, chú hỏi quê quán bà ở đâu? Thì ra quê bà ở làng Thổ Hậu, ngay bên kia sông Bùng, sống cô độc không chồng không con...

Như vậy đó, bánh xe luân hồi đã quay vòng đến lượt bác Chắt Kể. Nó đến một cách bình thường vừa như vô lý vừa như một lẽ đương nhiên. Bác hoàn toàn phải nhận lấy cái điều vừa như vô lý vừa như đương nhiên, không thể nào chống đỡ được. Bác dạy cho mọi người phải tuyệt đối đề cao cảnh giác, thì bây giờ đến lượt bác bị người ta cảnh giác, không có gì lạ.

Cái có người ta vin vào để bác bị người ta cảnh giác thật là đơn giản.

Những ngày mệt mỏi, nghỉ việc, bác mở lò rèn làm nghiệp dư để khuây khỏa tâm trí. Bác rèn đủ thứ: dao, mác, liềm, lưỡi hái và sửa chữa súng bắn chim. Bác không rèn để đem ra chợ bán, bà con trong làng trong xã đến nhà thì bác làm với một giá rất rẻ. Có mấy người thích đi bắn chim thường quây quần ở nhà bác, nhỡ không may súng hỏng là bác chữa ngay, bác còn sản xuất cả đạn ria. Khi bắn được con cò con vạc, họ thường sum họp ăn uống và trò chuyện vui vẻ.

Bác bị tình nghi bằng nhiều câu hỏi ba lằng nhằng tại một cuộc họp Nông Hội:

- Rèn dao, mác để làm gì? - Sản xuất súng đạn để làm gì? - Cung cấp cho ai? - Tiền thu được bỏ vào quỹ Quốc Dân Đảng!

- Tại sao từ xưa đến nay không mở lò rèn, nay lại mở? Ông ta học nghề rèn để làm gì?

- Đích thị là lò sản xuất vũ khí cho bọn phản động.

Buồn cười nhất là những người đã từng nhờ bác rèn dao mác, rèn lưỡi hái lưỡi liềm, lại đứng lên đặt những câu hỏi nghi ngờ và “vạch mặt” bác.

Còn câu hỏi “ông ta học nghề rèn để làm gì?” thì quá nửa dân số trong làng này đều có thể trả lời được, nhưng ai cũng là đi, cố tình lờ đi, để đạt được cái mục đích là buộc tội “ông Chất Kế sản xuất vũ khí cho bọn phản động!” (!). Chẳng phải ai thù ghét gì bác, nhưng trong không khí cảnh giác căng thẳng này, ai nói ngược, lập tức bị quy là “liên quan”. Gần mười lăm năm, bác hoạt động trong bóng tối, phải trá hình làm đủ mọi nghề để che mắt bọn mật thám. Cộng vào đó, do bẩm sinh thông minh và khéo tay, nghề gì bác làm cũng giỏi. Xách hộp đồ nghề đi làm thợ mộc ở Nam Đàn. Mang bị đồ nghề ra làm thợ xây ở Thanh Hóa. Lên Thà Khếch làm phụ lục lộ. Mở hiệu ảnh “Văn Lan” ở Vinh để làm nơi liên lạc của Đảng. Cùng với một số đồng chí lập hiệu thêu ở Cầu Giát đề biển: “Tiên Long Hưng - nhà thợ thêu Chất Kế”. Tham gia hội tuồng, viết kịch bản, vẽ phong màn, hóa trang... Và, có lần đã mở lò rèn ở chợ Mới. Thế mà bây giờ người ta tỉnh bơ như không, lại đặt ra câu hỏi “ông ta học nghề rèn để làm gì?”.

Chẳng cần đọc lệnh của một cơ quan pháp luật nào, mấy dân quân làng vào tóm cổ bác, điệu bác đến “nhà giam” - gọi là nhà giam, chứ thật ra đó là ngôi nhà rách nát của một cán bộ xóm. Họ không dùng cực hình tra tấn bác như những “tội phạm” khác, nhưng bác cũng bị hành hạ đến cơ khổ. Đêm ngủ không được nằm giường, mà trải manh chiếu nằm co quắp trên nền đất, không có màn. Thỉnh thoảng bác bị anh dân quân đánh cho một cái rơi vỡ kính cận. Khi mỗi lưng bác ngồi dựa vào cột, liền bị dân quân quát: “Ngồi thẳng lên!” Lúc đau bụng, bác xin viên thuốc cũng bị dân quân

mắng: “Đau thì phải chịu. Thoát chết là may”. Một lần người nhà mang cơm đến, đặt lên chiếc chõng tre, bác định cầm đũa ăn, bị cô dân quân cản lại “Không được để lên chõng! Đặt cơm xuống đất mà ăn!” Bác ngoan ngoãn làm theo mệnh lệnh quỷ quái của cô ta, bưng bát cơm toan và vào muện, cô ta lại trừng mắt: “Chưa được!” Cô ta thản nhiên bước qua bát cơm và bát thức ăn, rồi quay lại: “Cho phép ăn!” Hồi trước bị thực dân Pháp tra tấn gãy xương sườn, bác vẫn bướng bỉnh không khai, sao bây giờ bác lại nhũn nhặn thế? Có lẽ bác nghĩ: trước kia là địch, nay là ta, địch thì sai mà ta thì đúng?

Sau khi ra khỏi nhà giam, bác nằm tịt ở nhà, không muốn đi đâu, chỉ thỉnh thoảng ra vườn tưới cây rồi vào đọc sách. Một hôm tôi đi qua, bác gọi vào: “Trực ơi, vào đây bác bảo”. Đối với tôi, bao giờ bác cũng tỏ ra có cái gì thương mến riêng, có lẽ vì tôi ham học và cư xử biết điều với bác trong nhiều trường hợp. Về phía tôi, bao giờ tôi cũng tỏ ra kính trọng bác, mặc dầu có lần bác giờ súng lục dọa tôi và cho nhi đồng cứu vong bắt cùm tôi suốt đêm bị muỗi đốt sưng người. Tuổi càng lớn tôi càng nhận thức những điều bác làm quá tả và phương hại đến cả làng xóm, tôi vẫn không nói khích bác như nhiều người khác “lão cách mạng phá đình”, “lão cách mạng ăn thịt chó sáng mồng một tết”, “lão cách mạng biến nhà thờ họ thành phòng ngủ của vợ chồng bà O...” mà tôi vẫn thích trò chuyện với bác, chắt lọc được ở bác nhiều kiến thức bổ ích: kiến thức về chuyện làng xóm xa xưa, về những người đặt và đả kích hào lý, về những ngày bác nằm

nhà lao Ban Mê Thuột...

Tôi theo bác vào nhà. Bác trao cho tôi một bát nước chè xanh:

- Cháu cắt tóc hộ cho bác.

Bây giờ tôi mới để ý đến cái đầu của bác: tóc tốt lút gáy lút tai.

- Cháu không biết cắt đâu! Cháu cắt xấu lắm. - Xấu cũng được. Cháu cứ cắt ngắn cho bác, để dài ngựa lắm.

Cách đây dăm bảy năm, tóc bác đẹp lắm, chải ngược, điểm hoa râu. Gương mặt sáng sủa trán vuông và rộng, miệng nói rất có duyên. Nhiều thanh niên và trung niên cũng học theo cách để tóc của bác. Thế mà bây giờ... tàn lụi nhanh thế! Tóc tốt bù xù, mặt gầy hốc hác.

Tôi vừa cắt vừa nói chuyện với bác. Nghĩ mãi lòng về một cuộc đời. Trong vòng vây nanh vuốt của giặc, bàn chân bác đã từng in dấu khắp ba miền Trung, Nam, Bắc, đã từng in dấu trên đất đai Trung Quốc, Lào, Miên, Xiêm La. Bác cũng từng dùng lý lẽ đối chất với những tên mật thám sừng sỏ của Pháp, đã từng đứng ra lập “Hưng Nghiệp Hội Xã” trước mũi giặc để gây quỹ cho Đảng. Trong những ngày các lực lượng cách mạng chưa được tổ chức thống nhất thành đảng Cộng Sản Đông Dương, bác là người chủ trương ra tờ báo “Vàng Hồng” để tập hợp lực lượng, mà sau này người ta quen gọi là “đảng Vàng Hồng”. Từ Xiêm La trở về nước, chưa kịp bắt liên lạc với trung ương Đảng, nhóm Vàng Hồng vẫn hoạt động riêng biệt. Ở thời điểm đó, phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh nổi dậy, bác Chắt kể và các lãnh tụ nhóm Vàng Hồng chủ trương chưa bạo động. Vì thế làng tôi và nhiều làng khác trong huyện, dân chúng không kéo cờ biểu tình. Tỉnh ủy ra quyết nghị xử tử Võ Nguyên Hiến tức Chắt kể, và cử đồng chí Nguyễn Trọng Bính thi hành bản án này. Nguyễn Trọng Bính truy lùng khắp nơi, Bác Chắt kể không dám ở bất kỳ làng nào và nhà đồng chí nào, một mình chạy trốn trong rừng và ngoài đồng lúa. Sau này cùng vào tù, Nguyễn Trọng Bính và bác Chắt Kể gặp nhau, Bính cười: “Hồi đó tạo mà bắt được mi thì mi chết rồi! Còn đâu nữa mà gặp nhau ở đây”. Bác Chắt Kể ôm Bính, giàn giụa nước mắt: “Vì Đảng còn hiểu tao, cho nên trời đất xui mi không tìm được tao để giết tao”.

Khi phong trào Nghệ Tĩnh lắng xuống, trung ương Đảng xác minh và ra thông báo cho các cơ sở Đảng biết: nhóm Vàng Hồng là nhóm cộng sản chân chính. Bác Chắt kể được cử đi dự đại hội Đảng lần thứ nhất ở Ma Cao năm 1935. Trong đại hội đó hai ông Phùng Chí Kiên và Võ Nguyên Hiến (tức bác Chắt Kế), đại biểu Trung Kỳ, được cử vào ban chấp hành trung ương Đảng gồm tất cả chín người...

Một cuộc đời đi qua... một sự tích oanh liệt đi qua... chóng thật! Tôi cảm thấy bứt rứt, muốn hỏi bác nhiều điều, đã sắp sẵn câu cú định thốt ra, lại thôi. Bác vẫn thủ thỉ trao chuyện với tôi. Lợi dụng khi ngừng kéo để rũ cái tấm vải choàng vướng dây tóc, tôi liền lĩnh hỏi:

- Sao bây giờ người ta đấu tranh ghê thế, hở bác? Bác trả lời với giọng bình thường: - Bây giờ mới thật chuyên chính vô sản đó cháu ạ.

Được đà, tôi hỏi luôn câu khác: - Sao người ta lại chuyên chính với cả bác?

- Có những người đi theo bác làm cách mạng cũng bị người ta chuyên chính?

- Cháu khó hiểu.

- Hồi Xô Viết Nghệ Tĩnh, bác bị Đảng hiểu nhầm, cho bác là phản Đảng, phân công người tìm bác để xử tử, mãi về sau Đảng mới hiểu bác không phải là phần tử phản bội.

Qua câu nói của bác, tôi hiểu ngầm rằng hiện nay Đảng lại hiểu nhầm bác lần thứ hai, nhưng bác không dám nói thẳng ra điều đó. Tại sao nhỉ? Tại sao bác lại không dám nói thẳng ra nhỉ? Trong lòng bác vẫn có cái gì phân vân, vẫn có cái gì níu bác lại. Sợ hãi ư? Chắc không phải. Có lẽ bác muốn bảo vệ uy tín của Đảng - bảo vệ một cách mù quáng.

Dẫn lên một chút, tôi nói chuyện với bác một cách mạnh bạo hơn:

- Cháu nghe nói giáo sư Đặng Thai Mai đang dạy trường đại học ở Thanh Hóa, sinh viên đến hỏi: “Nhân dân đấu tranh quyết liệt như thế thì thái độ sinh viên thế nào?” Giáo sư trả lời: “Dùng nhục hình để tra tấn là cái nhục của người cộng sản không bao giờ rửa được...”

Bác Chắt kể ngồi lặng người. Tôi đã cắt tóc cho bác xong, đã cạo xong, đã rửa sạch tấm vải choàng, bác vẫn ngồi phở ra như một pho tượng cổ.

XV

ngày mẹ qua đời

Cùng mấy người bạn ở cơ quan, vào công tác tại Nghệ An, tôi ghé về thăm nhà. Vừa đến ngõ, mấy đứa cháu đã chạy ra báo tin: “Bà ốm nặng, chú ạ”. Tôi rụng rời chân tay, chạy thẳng vào giường mẹ nằm.

- Mẹ ơi! Tôi òa khóc, ngồi bên cạnh mẹ.

- Trục à, con... Mẹ vẫn tỉnh táo. Có lẽ nghe tiếng tôi, mẹ mới tỉnh đến thế.

Từ ngày thoát ly gia đình, ra Hà Nội làm việc, năm nào tôi cũng về thăm quê - nói đúng hơn là về thăm mẹ. Mọi quan hệ họ hàng làng xóm bị đổ vỡ rất nhiều qua những cuộc đấu đá, nghi kỵ, xoi mói nhau, tôi càng thấy yêu thương làng quê hơn, càng thấy thương mẹ hơn. Cha tôi mất năm năm trước, mẹ mất đi một nửa cuộc đời, niềm vui còn lại một nửa, ý nghĩa cuộc đời còn lại một nửa. Tôi muốn bù vào cho mẹ chỗ mất mát đó bằng sự biểu hiện cụ thể sự chăm sóc những ngày còn lại ngắn ngủi của mẹ. Năm nay mẹ đã tám mươi ba tuổi, đến cái tuổi ấy cũng đã thọ lắm rồi, nhưng giá như... không còn mẹ nữa... tôi sẽ còn lại cái gì ở mảnh đất yêu dấu này? Tôi chỉ còn lại nỗi cô đơn, nỗi bơ vơ, nỗi nuối tiếc...

Nghĩ vơ vẩn, tôi không cầm được nước mắt. Mẹ nằm lặng bên tôi. Vẫn cái giường ấy, mẹ nằm suốt cả một cuộc đời. Từ khi lên năm lên bảy, tôi đã thấy cái giường này rồi, ít ra nó cũng có mặt trong gia đình tôi hơn nửa thế kỷ. Bốn thang gỗ và bốn chân ghép lại với nhau bằng mộng vững chắc. Gỗ đã lì mòn, nhẵn thín. Cái góc giường phía sát tường kia, tôi nhớ lắm, hồi nhỏ tôi ngồi nghịch bên cạnh mẹ đang may vá, tôi ngã xuống đất, trán vập vào góc giường chảy máu. Mẹ xuýt xoa, lo lắng. Mẹ cầm con dao gọt góc

giường cho tròn lại... Có phải không, đây là chiếc giường tân hôn của cha mẹ? Và những ngày cuối cùng của đời mình, mẹ vẫn nằm trên chiếc giường ấy.

Ở góc bếp, cái vại cà vẫn để nguyên tại đó đến hàng mấy thập kỷ, lì lợm, bất di bất dịch, bụi bám đen xỉn. Tôi đến mở vại cà, vẫn y xì như vại cà của hàng vạn gia đình nông dân Nghệ - Tĩnh tồn tại đến hàng may thế kỷ: hòn đá hình vuông tròn đè nặng trên cái vại đan bằng tre, dưới cái vủ là những quả cà để lưu cữu hàng năm, nước đen ngòm, dăm ba con dòi bò lúc nhúc. Đó là nguồn thực phẩm dự trữ chủ yếu ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác. Bình thường, mỗi bữa ăn mẹ tôi bốc ra một bát cà. Sang trọng hơn một chút, mẹ rửa sạch những quả cà rồi xào với mỡ. Cái vị mặn lâu ngày được ngấm mỡ tạo ra một vị ngon đặc biệt của quê kiểng. Xa nhà lâu ngày, tôi thấy nhớ món cà muối xào mỡ. Biết ý thích của tôi, mỗi lần về thăm nhà, thế nào mẹ cũng làm món ăn này cho tôi.

Trọn một đời mẹ vật lộn với đất đai và một phần đời của mẹ tham gia việc làng việc xóm việc đoàn thể với bao nhiêu khát vọng, đến nay sắp vĩnh viễn nhắm mắt, cái giường lì lợm vẫn nằm đó, cái vại cà đen ngòm vẫn nằm đó. Gia tài mẹ còn lại những gì để trao cho con?

Khi còn khỏe mạnh, mẹ lo được cái cổ hậu sự để đỡ phiền cho con cháu lúc nhắm mắt. Mẹ còn gì nữa? Còn bộ quần áo nâu sồn mặc trong người. Và trong cái túi áo nâu kia chẳng có đồng xu dính túi. Con trao mẹ một ít tiền, mẹ cầm. Con trao mẹ một gói kẹo, mẹ cầm. Con biết chắc chắn rằng số tiền đó sẽ nằm im trong túi, khi mẹ tắt thở rồi, mấy đứa con sẽ lục tìm để góp vào việc tang chay. Còn gói kẹo? Mẹ có ăn được kẹo nữa đâu. Các cháu đến chơi, đến chăm sóc bà, bà sẽ cho mỗi đứa vài ba cái kẹo trước khi bà mãi mãi xa cháu...

Dường như có điều gì bất ổn, mẹ định nói, lại thôi... Mẹ giơ bàn tay cầm tay tôi. Chao ôi, cái bàn tay của mẹ xương xẩu, nhăn nheo nắm lấy tay tôi, lạnh buốt. Mắt mẹ nhìn tôi vừa mệt

mỏi vừa như muốn phân trần:

- Mẹ chẳng có gì để lại cho con... Tôi vô ý buột miệng:

- Cho con đôi hạc đồng ngâm hoa sen, con đem ra Hà Nội lập bàn thờ để các cháu nhớ đến tổ tiên, ông bà bên nội.

Mẹ lắc đầu: - Bán hồi “thuế khả năng” rồi con ạ... - Thế con xin mẹ cái mâm đồng cũng được. - Mâm đồng bán hồi “thuế khả năng” rồi...

• Chẳng cần đâu mẹ ạ... Con cầm đi vài cái bát đĩa cổ để các cháu nhớ đến ông bà, đến quê hương...

- Cũng bán hết hồi “thuế khả năng” rồi... Mẹ không đủ sức để lắc đầu nữa. Mẹ vẫn im lặng nhìn tôi, vừa đượm chút xót xa vừa đượm chút ân hận, Nước mắt mẹ đã ra và lăn xuống làn da nhăn nheo như vỏ quả thị héo. Tôi cũng không đủ can đảm nấc lên thành tiếng, nước mắt từ từ ứa ra. Tôi cắn môi và cố nuốt tiếng khóc vào người. Cái đêm hôm ấy xa rồi, tôi nhớ lại như in... Nông Hội họp, chú Văn mắt toét nói: “Ngày mai bà Đoàn không nộp đủ hai tạ thuế khả năng thì sẽ lấy vồ đập trên đầu cho mồm ga”. Nửa đêm, cha mẹ tôi khiêng cái hòm đựng đồ cổ xuống... Thì ra cha mẹ tôi đã đem bán đồ tế tự và đồ cổ từ hồi ấy. Tôi cứ nghĩ là chỉ bán một ít, ai ngờ bán sạch sành sanh cả hạc đồng, mâm đồng, bát đĩa cổ. Tôi đã vô ý hỏi mẹ, xin xỏ mẹ để mẹ tôi mẹ buồn. Tôi day dứt mãi về những lời xin xỏ ấy.

Tôi cảm thấy tức ngực, ngạt thở, đứng dậy ra vườn vươn vai, rồi quay vào.

- Con... - Da...

Mẹ ra hiệu cho tôi cúi sát đầu xuống để mẹ nói một điều bí mật:

- Hằng năm ngày giỗ mẹ, con cũng đúng ngày mẹ mất, đừng cúng theo ngày quy định của hợp tác xã. Con chỉ làm mâm cỗ, chi bộ biết sẽ phê bình, con chỉ cần múc chén nước trắng và thắp hương cho mẹ đúng ngày mẹ mất...

Tôi ngẩn người, ngực nấc liên hồi... Từ ngày thành lập hợp tác xã, để khỏi mất thì giờ sản xuất, chi bộ ra quyết nghị không cho các gia đình cúng giỗ lẻ tẻ, mà cả làng mỗi năm chỉ được cúng giỗ vào hai ngày sau khi thu hoạch vụ chiêm và vụ mùa... Lúc đang sống thì mẹ tuân theo nghị quyết của chi bộ, lúc nằm xuống mồ mẹ mới dám chống lại nghị quyết...

Tôi định ở nhà sống với mẹ những ngày cuối cùng của đời mẹ. Nhưng mẹ giục tôi đi: “Con cứ lo công tác cho tốt. Mẹ chưa chết đâu. Khi nhớ ra có làm sao thì em nó đánh điện cho con về...” Mồng bảy tết Nguyên Đán, tôi nhận được điện “Mẹ sắp chết. Về ngay”, vội vàng ra bến xe Kim Liên mua vé ô tô. Nhưng về đến nhà thì việc an táng mẹ đã xong. Hoàng hôn, tôi mặc áo đại tang đi ra đồng. Trước mặt tôi là một nắm đất, là sự vĩnh hằng của tạo hóa... Cũng như bao bà cụ khác trong làng, mẹ nhẩn nhục, chịu thương chịu khó, đổ mồ hôi nuôi đất rồi lại trở về với đất. Cái đau là cái đau chung mà mỗi con người sống trên đời này đều phải nhận lấy, nhưng khi nó đã biểu hiện thành cái đau cụ thể, thành bà mẹ của mình nằm trong áo quan, thành nắm đất chưa xanh cỏ, thì nỗi đau càng thấm thía gấp ngàn lần.

Bạn bè của mẹ thời trẻ sum vầy trong gian nhà chật, trước bàn thờ có ảnh mẹ. Bà Bằng, bà cu Yêm hoạt động từ hồi Xô Viết Nghệ Tĩnh. Bà Đường, bà Vân, bà Tô, bà Nhuyên, bà Luyên... cùng mẹ xây dựng hội Mẹ Chiến Sĩ. Họ chẳng than phiền gì về cảnh nghèo túng hiện tại, họ chỉ kể lại những điều tốt đẹp về mẹ. Chóng thật, cuộc đời một con người quá chóng

vánh. Mới ngày nào mẹ cắt tóc ngắn, mặc quần đùi của cha, giắt liềm bên hông, tham gia các cuộc biểu tình, lăn vào các cuộc hội họp, rồi được kết nạp vào Đảng. Những ước mơ bông bột, cháy bỏng một thời như cây hớn hở đơm lộc mùa xuân, cứ tàn héo dần, để cuối cùng mẹ trở về với vai cà đen ngòm và chiếc giường cũ kỹ, lì mòn, xộc xệch.

Và, đây nữa, cậu Huy, dì Điện đều có mặt trong ngày tam nhật. Lòng con ấm dần lại với tình thương gia tộc. Mẹ mất, con ngỡ như mình vĩnh viễn từ giã thời thơ bé, có ngờ đâu con lại tìm thấy chỗ ẩn nấp của tuổi thơ. Nhớ lời mẹ dặn: “Mỗi lần về quê, con đừng quên thắp hương lên bàn thờ ông bà ngoại...”. Lần này, về chịu tang mẹ, con không quên điều đó.

Sau ngày tam nhật, theo cậu theo dì con sang quê ngoại. Hàng chục năm trời, biên biệt trên dặm đường công tác, quẩn quýt trong tình cảm bè bạn và đồng chí. Bao nhiêu va chạm. Bao nhiêu xô xát. Bao nhiêu vỡ lở. Bao nhiêu thương tích. Hầu như mình lãng quên dần mối tình huyết tộc, bỗng hôm nay trở về như giọt máu tha hương chảy về tim.

Lâu ngày có cháu về thăm, cậu và dì soạn mâm cơm cúng tổ tiên. Con thay mặt mẹ cha thắp hương lên bàn thờ. Cái bàn thờ sao xơ xác đến vậy. Trước kia, mỗi lần theo mẹ về quê ngoại ăn giỗ, con thấy vô cùng ấm cúng sự sum họp bà con họ hàng trước bàn thờ linh thiêng. Cọc đèn lung linh ánh nến. Ngai đặt bài vị sơn son thếp vàng. Lư hương đồng nghi ngút khói nhang.

Chiếc mâm bông màu đỏ đặt nậm rượu và bộ chén bạch định. Chiếc mâm chè đặt nải chuối vàng au... Tất cả những gì thuộc về lễ nghi đã truyền vào cho tôi một tình cảm rất đổi thiêng liêng đối với tiền nhân, một tình cảm rất tha thiết gắn bó với ông bà, cha mẹ, cậu, dì và mọi người trong gia tộc. Những đồ tế khí ấy đâu rồi? Sao chỉ còn trơ trọi một cái án thư tróc

sơn. Trên án thư đặt chiếc bát đàn sứt miệng đổ đầy cát và cắm lưạ thưa mây nén nhang.

Cậu Huy đứng trước bàn thờ. Cậu không đội khăn xếp, không mặc áo dài đen, mà chỉ mặc chiếc áo nâu quàng cụt. Cậu không khấn, mà chỉ chấp tay vài ba vái. Tôi đứng bên cạnh cậu, cùng chấp tay vái...

XVI

xây lại nhà thờ đại tôn

Cho đến nay, làng tôi có hai người được chính thức hưởng lương hưu: Ông hàn Hạp thì thời Pháp thuộc, bác Chắt Kế thì thời ta. Nhưng cảnh hữu của hai người khác hẳn nhau: ông hàn Hạp giàu có, bác Chắt kế thanh bạch, về đường chức tước, ông hàn Hạp chỉ là tri huyện, bác Chắt Kế đã từng giữ các vị trí cao trong Đảng và nhà nước. Ủy viên trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh, trưởng ban thanh tra tỉnh ủy. Ấy thế mà:

Ngày về hưu, ông hàn Hạp được bà con họ hàng ra tận đường quốc lộ khiêng giùm hàng chục hòm của cải và tiền bạc. Ông xây một tòa thành rộng chừng hơn nửa mẫu ruộng, trong vòng thành được dựng lên ba dãy nhà ngói. Thành lổm chổm mảnh chai, cổng ngăn uy nghi. Một bầy chó giữ nhà. Chẳng mấy ai dám lai vãng vào đó... Ngày nghỉ hưu, bác Chắt Kế đi xe đạp về làng báo tin cho con cháu biết: từ nay bác được Đảng và nhà nước cho nghỉ hưu. Thế thôi, thật đơn giản. Bác sống trong gian nhà gianh nhỏ bé như những lão nông khác. Nghĩ đến quá trình hoạt động của bác, tỉnh trích ra một số tiền giao cho xã xây lại ngôi nhà to hơn nhà cũ một tí.

Chiều chiều bác Chắt kế đeo kính, chống gậy, dạo chơi trên đường làng, rẽ vào các gia đình thăm hỏi và trò chuyện. Chiều nào cũng vậy, chiều này qua chiều khác... tẻ nhạt... So với thời trai trẻ, rời quê hương, dẫn thân vào con đường cách mạng, làng xóm bây giờ vẫn nghèo như thế, vẫn lụi lụi mất mùa, vẫn chạy vạy giữa ngày ba tháng Tám, vẫn có người đi ăn xin. Phong cảnh lại tiêu điều hơn trước: đình chùa bị phá sạch, cây cổ thụ bị triệt hạ, các nhà thờ họ cũng bị dỡ bán. Hội tuồng hội chèo tiêu tan. Các ngày hội truyền thống bị phế bỏ... Hình như bây giờ bác mới thấm thía hiểu rằng:

phải tồn tại một cái làng Việt Nam như thế nào. Khi nằm trong xà lim tối tăm, khi sống dưới nanh vuốt giặc hung dữ, lòng bác cháy bùng lên nỗi khát khao một cuộc sống huy hoàng mà hiện tại được tự do đứng giữa đất rộng trời cao tràn ngập ánh sáng, nỗi khát khao ấy lại tắt ngấm trong lòng bác.

Nhiều hôm, bác thích đi chơi một mình vào lúc hoàng hôn. Một mình, một gậy, một tâm trạng... Bác đến thăm đền cũ của ngôi đền thờ Bạch Y Thần. Bác xuống tận bờ sông Bùng nhìn ngôi mộ Hùng Lễ Bá Võ Cương bị bới đào nham nhở. Bác tới đứng lặng bên vết tích mộ đức tổ Triệu Cơ đã biến thành nhà phân. Đâu rồi, tổ tiên và truyền thống?

Cả làng chỉ còn lại một nhà thờ đại tôn thờ chung ông tổ họ Võ - ông tổ đã sáng lập nên cái làng này. Nhưng bao năm nay bị bỏ hoang vắng, ngói vỡ, gỗ mục, trẻ con vẽ bậy bạ lên tường, nhiều gia đình xây đóng rạ giữa sân biến thành nơi chó ia... Suốt mấy ngày liền, bác Chắt kể chống gậy đến nhìn nhà thờ, bác đã treo ngọn cờ khởi nghĩa, rồi kéo đoàn biểu tình đi cắm cờ khắp các làng khác trong huyện. Cũng từ ngày ấy, từ cây phượng này, từ ngôi nhà thờ đại tôn này, khởi sự cho bao nhiêu biến động trong làng, những cuộc đời tối tăm được hồ hởi nhận ánh sáng, rồi lại đành phải quay về nhận hứng một thứ bóng tối khác không kém phần ê ẩm và dai dẳng....

Bác đi lân la gặp một số cụ già, bàn bạc: “Hồi trước, ông cha ta làm nhà thờ quay mặt về hướng đông là rất hợp với lẽ đời và ý trời. Nhưng nay cái hướng này không hợp nữa, thời thế thay đổi, nếu cứ để nhà thờ tổ tại vị trí cũ e làng xóm sẽ càng ngày càng tiêu điều. Tôi muốn bàn với các cụ dời nhà Tổ đến xóm Tây, quay mặt về núi Hai Vai...”. Lời nói của bác vẫn còn tác dụng với các cụ và dân làng. Người ta bỗng chốc quên các chuyện cũ đau buồn trong mấy chục năm qua, ai nấy đều hưởng ứng lời bàn bạc của bác.

Một cái gì đó thức tỉnh trong lòng bác, một cái gì đó đem lại cho bác niềm hối tiếc. Nếu bác về hưu tại Hà Nội hay tại một thành phố lớn nào đó, chưa hẳn bác đã nhận rõ những việc làm quá tả của mình. Nhưng may quá, bác lại về hưu tại làng quê, tại nơi chôn nhau cắt rốn, bác đã chứng kiến một cách cụ thể những gì được những gì mất. Hơn nửa đời vào sinh ra tử, kiên nhẫn, dũng cảm, phá phách, sáng tạo, mong đem lại cho dân làng và cho dân tộc một cuộc sống tốt đẹp hơn, nhưng rồi lại quần quanh trở về điểm cũ, điểm xuất phát, mà cái điểm cũ không còn nguyên vẹn nữa. Chua chát vô chừng. Quy luật tiến hóa theo hình tròn ốc mà. Thất bại cũng là bài học. Đã gọi là “bài học” thì bao giờ cũng bổ ích. Dẫu sao thì dân làng vẫn nhớ ơn bác đã cứu khỏi trận đói năm bốn lăm - Nhà thờ đại tôn là chứng tích hùng vĩ của sự cứu trợ đó. Cây phượng là nơi đầu tiên trong huyện treo ngọn cờ đỏ sao vàng. Cây phượng chết trong trận bão năm ngoái. Nhiều cụ già cho đó là cái điềm xấu. Bác Chắt Kế là người triệt phá đến cùng mọi điều mà bác cho là “mê tín dị đoan”, bây giờ hầu như bác cũng muốn chứng nghiệm lại...

Được sự đồng tình của dân làng và của ban quản trị hợp tác xã, nhà thờ đại tôn dời sang xóm Tây và hướng mặt về núi Hai Vai. Bác Chắt kế đứng ra làm đốc công trong việc xây dựng này. Một toán thợ nề, thợ mộc làm theo sự chỉ dẫn của bác. Tất cả bia đá ghi sự tích của đức Triệu Cơ và của những người giúp Tổ lập nghiệp đều đã bị đập phá tan tành từ mấy năm trước. Cái thì bị đem nung vôi. Cái thì đem làm cầu. Cái thì cho tư nhân kê làm đá tảng. May sao còn sót lại một cái bia chôn tận trong hậu cung. Bác Chắt kế mừng rỡ, chạy tới trương mục kinh đọc, thì chao ôi, đây chỉ là tấm bia ghi tên tuổi một ông lý tưởng đứng ra trùng tu nhà thờ năm Bính Dần, Mặt bác buồn xiu. Toán thợ xúm lại hỏi, bác lắc đầu: “Bia ghi tên một lão lý trường...”. Mấy anh thợ trẻ xốc nổi, toan cầm búa đập vỡ bia, bác nghĩ sao lại giơ tay cản: “Đừng đập! Dẫu sao cũng là cái bia cũ, cứ dời ra nhà thờ

mới, chôn bên tường cho có màu sắc cổ kính - Từ nay về sau chẳng ai công hơi đâu mà tạc một cái bia đã có rồng bay phượng múa như thế này...". .

Nhà thờ mới dựng xong, các cụ tổ chức rước Tổ - Đám rước buồn tẻ làm sao. Không chiêng không trống. Không lọng không cờ quạt. Chỉ có bác Chắt kể với bốn cụ già, một thanh niên cầm bài vị, một thanh niên cầm bát hương, đi sau cùng là tôi - may phúc là tôi về quê đúng vào dịp rước Tổ - Sau khi đặt ngay ngắn bài vị và đốt nhang, các cụ chấp tay vái, ba đứa thanh niên chúng tôi cũng vái theo. Xong đâu đấy, mọi người cùng ngồi quây quần trên tấm chiếu, ăn trầu, uống nước chè xanh và hút thuốc Lào. Hầu như ai cũng nuối tiếc cảnh hội làng linh đình ngày xưa, nhưng không ai nỡ nói ra lúc này... Lúc này ngán ngâm quá. Mọi trường mối đã đứt bung. Mọi quan hệ họ hàng ruột thịt bị rạn nứt. Mọi dòng họ bị ly tán. Khó mà phục hồi lại được. Chỉ nói một điều đơn giản, mười tám nhà thờ họ trong làng đã dỡ bán sạch sành sanh, không còn nơi để con cháu sum họp, để hương khói thờ phụng.

Bác Chắt Kể quay sang hỏi tôi:

- Cháu ở ngoài Hà Nội, cháu chịu khó sang Bộ Văn Hóa xin xếp hạng nhà thờ này.

Tôi trả lời:

- Hai di tích làng ta có thể xếp hạng được là đền thờ Bạch Y Thần và đền thờ Hùng Lễ Bá Võ Cường, nhưng hai ngôi đền đó đã bị phá rồi. Còn nhà thờ đại tôn? Đức tổ Triệu Cơ chỉ là người có công sáng lập làng ta, chứ Ngài không có ảnh hưởng gì đến các làng khác...

Bác gật đầu, ngồi im lặng.

Bốn cụ già ngồi nhai trầu mãi cũng chán, uống nước chè xanh mãi cũng chán, đứng dậy ra về, Hai thanh niên ngồi hút thuốc Lào mãi cũng chán,

chuồn lúc nào không biết. Cuối cùng, chỉ còn bác Chắt kể và tôi. Bác ngồi bần thần một lúc, vào hậu cung mở hộp sơn, cầm cuốn ngọc phả ra:

- Ngọc phả chép bằng chữ Hán kể sự tích của đức tổ Triệu Cơ - Thanh niên sau này không đọc được chữ Hán. Bác sẽ dịch ra tiếng Việt, cháu chịu khó viết thành nhiều bản để lưu truyền cho các thế hệ sau.

Tôi ngoan ngoãn cầm bút chép:

“Thường nghe cây gỗ nghìn cành muôn là bắt đầu từ gốc. Nước nghìn dòng chảy bắt đầu từ nguồn. Do gốc mới đến ngọn. Do từ nguồn mới tìm đến dòng. Thực ra, không đem hết lòng mình ghi đủ chuyện đó. Cho nên, xưa nay nước phải có sử, gia tộc phải có gia phả - Xưa nay, đó là cái trọng nhất. Vì thế, muôn chép lại biên niên cho rõ đời ông cha từ đâu, để nói cho con cháu về sau thấy

Họ ta xuất phát từ Thái Nguyên. Trước đó quá xa, chìm đi, tìm không thấy.

Chỉ biết ông tị tổ là Võ Phúc Thiện, thuộc tổng Hải Dương. Sau đến tổng Lý Trai, xã Phương Lịch ở.

Sau tị tổ hai đời là Triệu Cơ Võ Chính Đạo di cư lên Cồn Nhà. Đó là thủy tổ của ta, sinh ra con cháu càng ngày càng đông, đầy rẫy, thế phải nhiều, dây mơ rễ má phát triển. Họ của ta từ đó có thanh thế trong thiên hạ.

...Than ôi, gốc phải bền, nguồn phải lớn, mình đức ông cha đã xa rồi, thừa kế thứ tự nên theo việc phải mà làm.

... Hậu Luật ta rày thịnh thay

Cử nhân cũng có, tú tài chan chan, Trời sinh cái đất khôn ngoan Nước từ Rộc Cửa, Rộc Vang chảy về Cồn Tuôn, Giải Cả đẹp ghê Cồn Nhà, Đồng

Cố gắng nghe thủy triều Văn tăng võ tiến cũng nhiều Long quỳ hổ bãi ra
điều trời sinh Miếu trên đất đại thần linh Tổ về Hậu Luật trời sinh anh hùng

XVII

thăm nghĩa địa

Hồi bố mẹ còn sống, dù công việc bận đến mấy tôi cũng về quê mỗi năm một lần. Gia cảnh ngày càng túng bấn, sa sút, tôi vẫn thấy đầm ấm. Cha tôi làm chủ tịch thôn và chủ nhiệm Việt Minh xã hội mới cướp chính quyền, nhiệt huyết với công việc xã hội. Dần dà về sau, cho thấy không đem lại lợi ích thiết thực gì cho bà con làng xóm và cho bản thân mình, cha đâm ra chán nản công việc chung và lười đi họp chi bộ. Cha mất trước mẹ sáu năm. Còn lại mẹ hiu hắt sống như cái bóng đèn trước gió, tôi càng cố làm tròn bổn phận chữ hiếu đối với mẹ. Có năm tôi về thăm mẹ hai lần. Nhưng từ ngày mẹ qua đời, tôi cảm thấy tuổi thơ mình vĩnh viễn đi qua và tôi không muốn về quê nữa. Mãi đến gần chín năm sau tôi mới trở lại nhà. Một cảm giác trống rỗng ghê gớm ập vào lòng tôi: tôi không còn được gặp mẹ nữa và không được mẹ làm cho món ăn mà tôi rất thích - cà muối xào với mỡ.

Theo thói quen, dù về tới ngã ba Diễn Châu còn sớm, tôi vẫn chờ đến lúc xâm xẩm tối mới đi bộ về nhà. Đi vào lúc ấy, yên lặng, thanh tịnh, dễ có sự giao cảm giữa mình với quê hương.

Vừa đặt chân vào nhà chừng nửa tiếng đồng hồ thì chị em, bạn bè, họ mạc kéo tới hỏi thăm. Chị cả tôi là trung đội trưởng tự vệ hội cướp chính quyền, nay nuôi một đàn con nheo nhóc, ốm yếu. Anh tôi đi Vệ Quốc Đoàn suốt chín năm kháng chiến

Việt Bắc, phục viên về, bị cái bệnh sốt rét và đau dạ dày hành hạ liên miên, người gầy yếu... Và bạn bè cùng sinh hoạt với tôi thuở “nhị đồng cứu vong” chỉ còn lại thằng Bá hiện đang làm phó chủ tịch xã, những đứa khác

hoàn toàn tắt hẳn mọi ước mơ, đứa thì kiếm kế sinh nhai hằng ngày, đứa thì xin ra Đảng, đứa thì đi bộ đội về bị điếc. Tôi nhớ năm tôi lên chín tuổi, đang ngồi học với thằng Bá, thằng Bàng, thằng Viễn, thằng Dần, bác Chắt Kể nói với mẹ tôi: “Đời ta đang phải chịu khổ nhiều. Tụi này lớn lên được hưởng thế giới đại đồng, sướng lắm!” Đàng đẵng thời gian trôi qua, chúng tôi đã thành người lớn. Thằng Bàng là con trai duy nhất của bác Bàng, hy sinh ở chiến trường. Thằng Viễn đi phát triển kinh tế mới ở Phủ Quỳ, chết vì bệnh cổ trướng. Thằng Dần xin được chân kế toán ở tận Sơn La, biệt xa vợ xa con, hàng mấy chục năm hai đứa không gặp lại nhau.

Trong buổi trở về đêm nay, chỉ có Bá đến thăm tôi. Biết chúng tôi thân nhau, người làng đi chợ Sò lúc chiều gặp tôi ở ngã ba Diễn Châu, đã báo tin cho Bá biết. Bà liền vác thúng ra đồng đào bắt mấy con lươn, nấu với củ chuối, rắc lúa thừa dăm lát ớt đỏ - một món ăn của vùng đồng chiêm trũng mà tôi rất mê. Ngồi nói chuyện một chốc, Bà rủ tôi ra nhà ăn cơm. Tôi nhận lời ngay. Giá như mẹ tôi còn sống, bữa ăn đầu tiên trở về quê phải cùng ngồi với mẹ. Nhưng mẹ không còn nữa... anh chị tôi cũng bằng lòng để tôi ăn cơm với Bá, vì Bá đã nấu sẵn. Nhà Bá mới dựng lên giữa đồng. Trời vừa mưa xong, xung quanh nhà rộn rạo tiếng ếch nhái, tiếng ễnh ương, miếng cơm càng ngon miệng. Bà nói: “Hôm nay ta ăn lươn, mai ta làm một bữa ếch, những con ếch đang kêu ngoài kia là trời để dành cho ta”.

Ăn xong, tôi rủ Bá lên nghĩa địa viếng mồ cha mẹ. Bà bảo tôi “mai hãy đi”. Nhưng không thể để đến mai được, tôi muốn được lên nghĩa địa thắp hương trong đêm nay. Ở Hà Nội, em gái tôi viết thư ra kể rõ sự tình cho tôi biết: Sau khi đoạn tang, làm lễ cải táng cho mẹ, mẹ phải chịu số kiếp nằm vào cái huyết chôn chung, gia đình chôn xuống một cọc tre rất sâu bên mộ để làm dấu, kẻ vô lại nào đó đã nhổ mất cọc và bây giờ khó xác định vị trí ngôi mộ của mẹ. Còn cha mất trước thì dĩ nhiên mồ cha đã hòa chung vào hàng trăm bộ hài cốt khác từ mười năm trước. Tôi sợ lên nghĩa địa ban

ngày, không nhìn thấy ngôi mộ cụ thể thì đau lòng lắm. Chẳng thà lên ban đêm, nhập nhòa đất với cỏ, còn đỡ bớt tủi bớt đau phần nào. Hai đứa xắn quần bước chậm rãi. Tôi cầm theo một bó hương rất to. Bó hương này tôi mua tại một cửa hàng hương nổi tiếng ở Hà Nội. Tại sao tôi phải cầm cả bó hương to? Điều này tôi không dám nói ngay với Bá. Điều bình thường thôi, nhưng nói ra thành lời tôi cảm thấy sợ. Tôi giữ kín trong óc chỉ một mình mình biết. Giả sử không tìm thấy mồ mẹ, tôi sẽ thắp hương khắp cả nghĩa địa. Như vậy có nghĩa là tôi vẫn thắp thỏm hy vọng tìm ra mồ mẹ cha.

Cuối tháng. Lấp lóa ánh sao. Đường làng lầy lội. Vào nghĩa địa, càng lầy lội hơn nữa. Chúng tôi phải xắn quần thật cao. Bùn ngập ngang mắt cá. Khu nghĩa địa quá luộm thuộm, bời bác, nhem nhuốc. May mà tôi không đi ban ngày... Đi ban ngày tôi sẽ thấy lồ lộ những hình thù quỷ quái của các ngôi mộ chôn chung mộ hình khẩu súng lục, mô hình khẩu súng trường, mộ nhọn như mũi chông, mộ bằng như cái nong... Những ngôi mộ và một nhóm trai làng vô tôn giáo, vô thần thánh, đã sáng tạo ra như lũ quỷ sứ dưới địa ngục nhồi nặn các tội nhân thành dị dạng.

Vào giữa nghĩa địa, tôi lịm đi. Hai đứa lang thang ra hai nơi. Tôi thất thường bước một mình như cái bóng ma phiêu dạt không mồ không mả. Tôi rùng mình, ớn lạnh. Tôi hòa hồn tôi vào cái thế giới âm phủ để mong giao cảm được một chút với người xưa, với tổ tiên, với cha mẹ, anh em, họ hàng tôi ở dưới đó. Khu đất nhỏ này là tất cả, tất cả những gì thiêng liêng nhất của quê hương bản quán, tất cả những gì thuộc về hướng sử, tất cả những gì tự ngàn xưa mà ta có thể chắt lọc được để rồi ủ vào tâm hồn ta cái tinh chất nhất của bản thể.

Ấy thế mà, đứng về một phương diện phi nhân nào đó mà nói, thật đáng khâm phục, kẻ hung bạo nào cả gan ra tay đập đổ những gì thiêng liêng nhất đã bén rễ vào tâm hồn bao nhiêu thế hệ. Chúng nó đào mộ tổ.

Chúng nó quật hài cốt ông bà, tiền nhân. Chúng nó đào huyết chôn chung hàng ngàn số phận con người. Cha ơi, cha ở nơi nào? Mẹ ơi, mẹ ở nơi nào? Ông nội tôi ơi, ông ở nơi nào? Bà nội tôi ơi, bà ở nơi nào? Anh trai tôi ơi, anh ở nơi nào? Hãy xin một thoáng hiện hình, hãy xin một thoáng gió thổi, hãy xin một trung rinh ngọn cỏ để chứng nghiệm rằng: người xưa đã trở về để nhìn thấy một đứa con không bất hiếu, không vô ơn bội nghĩa...

- Mẹ ơi...

Tôi bất giác kêu kên. Và sau tiếng kêu ấy, chợt nhận ra rằng mình đang đứng ở giữa nghĩa địa. Thằng Bá đâu rồi? Nó đi đâu? Sao nó dám để một mình tôi giữa chốn đồng không mông quạnh, giữa bãi tha ma thế này?

- Bá ơi... .di.

Tôi đi về hướng có tiếng trả lời. Thì ra nó thiết thực hơn rồi. Nó đang hí hục bắt ếch để chuẩn bị ngày mai đãi tôi một bữa thịt ếch mà nó đã hứa.

- Mà dẫn tao đi tìm mộ ông bà.

Bá khoái chí xách ba chú ếch, dẫn tôi đi tìm mộ. Hồi mở chiến dịch tập trung mồ mả, Bá có tham gia. Khi các chi nhánh họ sửa mồ mả, Bá cũng tham gia. Tôi vẫn nuôi hy vọng mong manh Bá nhớ vị trí táng hài cốt của bố tôi, mẹ tôi. Bá xông xáo dẫn tôi đi hết khu đất này đến khu đất kia. Nếu Bá nhớ được và chỉ cho tôi biết thì tôi sẽ nhớ nó đến ngàn đời vạn đời. Ở Hà Nội, vợ tôi đi xem tử vi cho con trai, nói với tôi rằng: “Thằng con của chị bị mất mộ ông bà, nếu không tìm lại được thì e có điều không may cho gia đình chị và gia đình cháu sau này”. Tôi vốn là người không tin vào tử vi một cách quay cuồng, nhưng lúc này tôi cảm thấy tin, tin lắm. Tôi bắt Bá dẫn đi khắp nơi trong nghĩa địa để tìm kỳ được mộ bố, mộ mẹ. Bá hiểu tâm trạng tôi, dẫn tôi đi hết góc này đến góc kia. Hình như Bá tự thấy bất lực, nhưng chiều tối, Bá cứ dẫn trở đi trở lại. Tôi như cái máy, cứ bước theo Bá một

cách không định hướng. Khu nghĩa địa hẹp thôi, mà lúc này sao mệnh mông đến thế, Ngẫm cho đến cùng, nơi tôi đứng đây, quả thật là mệnh mông. Dưới chân tôi, là hàng trăm hàng ngàn bộ hài cốt, là hàng bao nhiêu thế hệ dồn nén lại, là hàng bao nhiêu số phận chen chúc nhau, trong đó, linh hồn bố tôi mẹ tôi phiêu dạt, hài cốt bố tôi mẹ tôi phiêu dạt giữa cõi mệnh mông.

Tôi bật lửa, đốt bó hương, rồi cắm rải ra khắp nghĩa địa. Cả khu nghĩa địa đỏ hồng lên và tỏa hương thơm ngát, một mùi hương rất đổi linh thiêng dẫn hồn tôi nhập vào hồn người quá cố. Trời rộng quá. Đất rộng quá. Chỉ mảnh đất nhỏ bé này đang cháy đỏ những nén hương tâm niệm. Tôi nhắm mắt, chấp tay khẩn: “Kính thưa vong hồn bố mẹ, con từ Hà Nội về đây để viếng bố mẹ. Cầu mong bố mẹ ban phúc cho gia đình ta, cho vợ chồng con, cho hai cháu Sim, Cương và cho tất cả con cháu của ông bà. Con không tìm được mồ bố mồ mẹ. Lỗi này của con thật quá lớn, mong bố mẹ xá cho. Nếu hồn bố mẹ thiêng thì xin cho cháy bùng nén nhang cắm nơi bố mẹ nằm để sáng mai con sửa mồ...”. Tôi nhìn ra xung quanh... chờ đợi... hy vọng... Nhưng không có nén hương nào cháy thành ngọn lửa. Tôi lại đi lang thang rất lâu, nghiêng xuống từng nén nhang. Gió nồm thoang thoảng, khói hương bay ngan ngát. Tôi dừng chân, một lần nữa lại chấp tay khẩn: cầu xin một nén hương nào đó cháy bùng lên... Nếu có một nén hương cháy bùng lên thật, tôi sẽ sung sướng biết chừng nào, tôi sẽ nằm lăn ra trên cỏ để ôm lấy mảnh đất và tưởng tượng hình hài cha tôi, mẹ tôi đang nằm dưới đó. Nhưng niềm hy vọng lại tắt ngấm như những nén nhang tàn lụi dần. Tôi ngồi xuống và nhắm mắt... nhắm mắt để ảo giác làm việc, ảo giác sẽ đem đến cho tôi gương mặt khắc khổ và nhân hậu của cha mẹ. Dẫu chỉ là sự đánh lừa của ảo giác, lòng tôi cũng vui đi chút ít nỗi cô đơn lạnh lẽo...

Lần cuối cùng, trước khi rời nghĩa địa, tôi chấp tay lấy cả bốn hướng.

Trên đường về, tôi chợt nhớ ngôi mộ bác Chắt Kể cũng ở gần nghĩa địa. Mấy người con và cháu của bác, hồi cải táng, không dám mang hài cốt bác lên nghĩa địa, sợ bị mất mộ, bèn xin xã và tỉnh cho xây riêng một ngôi mộ. Suýt nữa tôi quên mất.

Tôi quay trở lại, Bá vẫn chiều tối, đi trước dẫn đường. Lối sang mồ bác bị cách một dòng mương khá rộng. Chúng tôi xắn quần lội, trời tối quá, bị ngã ướt hết cả quần áo. Hai đứa lặng lẽ đứng trước ngôi mộ, thấp nén nhang. Con chim đang ngủ trong bụi cỏ dưới chân mồ, vụt bay lên và ném ra tiếng kêu cô độc giữa bầu trời thăm thẳm tối...

Viết xong tại hồ Ngọc Khánh,

2 giờ sáng 20.7.1990

V.V.T.